BACH KHOA

1

15 THÁNG GIÊNG 1957

Trong số này:

BÁCH KHOA .. .. *Thay lời phi lộ*

HUỲNH VĂN LANG *Thử tìm một giải pháp để xuất cảng*

PHAN MAI .. .. *"NGƯỜI" trong tác phẩm Saint – Exupéry*

PHẠM NGỌC THẢO .. .. .. *Thế nào là Quân đội mạnh*

HUÊ CHÂU .. .. *Địa vị nhạc JAZZ trong nghệ thuật hiện đại*

HOÀNG MINH TUYNH .. .. *Nên để trẻ được tự do hay nên nghiêm khắc với trẻ*

MINH ĐỨC .. .. .. *Sau giấc ngủ mười năm (truyện ngắn)*

MINH PHONG .. .. *Đẻ không đau*

THU TRÙNG .. .. *Cô ấy không ghen*

BÙI VĂN THỊNH .. *Một giai đoạn mới trong chính sách kinh tế*

PHẠM HOÀNG MĨ .. .. *Vài ý kiến về học sử*

PHAN LẠC TUYÊN .. .. *Viễn xứ (thơ)*

Bác sĩ NGUYỄN VĂN BA .. .. *Đông y Dịch lý*

VĂN QUỲ .. .. *Văn chương nước Mỹ*

YÃ HẠC và TRINH NGUYÊN .. .. *Chú khổng lồ ích kỷ*

Bán nguyệt san
Bách Khoa
số 1
tháng Giêng 1957

huỳnh văn lang - phan mai
phạm ngọc thảo - huê châu
huỳnh minh tuynh
minh đức - minh phong
thu trùng - bùi văn thịnh
phạm hoàng mĩ - văn quỳ
phan lạc tuyên - nguyễn văn ba
- yã hạc và trinh nguyên

Bách Khoa số 1
tháng 1 - 1957

bìa: ***BNS Bách Khoa***
trình bày: ***Muôn Phương***
nguồn: ***Internet***

bán nguyệt san
Bách Khoa
số 1
tháng 1 - 1957

MỤC LỤC

Trang

1. THAY LỜI PHI LỘ 11
BÁCH KHOA

2. THỬ TÌM MỘT GIẢI PHÁP ĐỂ XUẤT CẢNG 16
HUỲNH VĂN LANG

3. "NGƯỜI" TRONG TÁC PHẨM SAINT EXUPÉRY 48
PHAN MAI

4. THẾ NÀO LÀ QUÂN ĐỘI MẠNH 61
PHẠM NGỌC THẢO

5. ĐỊA VỊ NHẠC JAZZ TRONG NGHỆ THUẬT HIỆN ĐẠI 72
HUÊ CHÂU

6. NÊN ĐỂ TRẺ ĐƯỢC TỰ DO HAY NÊN NGHIÊM KHẮC VỚI TRẺ 98
HOÀNG MINH TUYNH

7. SAU GIẤC NGỦ MƯỜI NĂM 106
MINH ĐỨC

8. ĐẺ KHÔNG ĐAU 130
MINH PHONG

9. CÔ ẤY KHÔNG GHEN 143
THU TRÙNG

10. MỘT GIAI ĐOẠN MỚI TRONG CHÍNH SÁCH KINH TẾ 157
BÙI VĂN THINH

11. VÀI Ý KIẾN VỀ HỌC SỬ 186
PHẠM HOÀNG MỸ
12. VIỄN XỨ 193
PHAN LẠC TUYÊN
13. ĐÔNG Y DỊCH LÝ 198
NGUYỄN VĂN BA
14. VĂN CHƯƠNG NƯỚC MỸ 208
VĂN QUỲ
17. CHÚ KHỔNG LỒ ÍCH KỶ 220
YÃ HẠC và TRINH NGUYÊN

THỂ LỆ MUA BÁO DÀI HẠN

6 tháng 12 số: 90 $ — 1 năm 24 số: 180 $

Giá tiền trên đã tính cả cước phí.

TÒA SOẠN: *55 Bà Huyện THANH QUAN*

Phòng 42 — SAIGON

BÁN NGUYỆT SAN BÁCH KHOA

Trong những số tới

HUỲNH VĂN LANG: Kế hoạch kinh tế

PHẠM NGỌC THẢO: Đánh giặc mà không chết người

HOÀNG THÁI LINH: Luận về cái nhìn

BÌNH NGUYÊN LỘC và NGUIỄN NGU Í:

Vài ý kiến về vấn đề thống nhất "Thoại"

MINH PHONG: Cuộc phỏng vấn hai nữ bác sĩ Dương Quỳnh Hoa và Nguyễn Thị Lợi về vấn đề "Đẻ không đau"

BÙI VĂN THINH: Một chính sách kinh tế mới (tiếp theo)

NGUYÊN SA: Tôi làm giám khảo

Cùng với những sáng tác và
biên khảo của các bạn

PHAN MAI, VĂN QUỲ, THANH NAM,

DUY THANH, TÔ KIỀU NGÂN,

TRẦN KHANG, HUÊ CHÂU,

VĂN BÌNH, CHU MẠNH

THAY LỜI PHI LỘ

XÂY DỰNG nước nhà và toàn diện là nhiệm vụ chung của mọi người, trong đó việc góp phần sang kiến cá nhân, dù trúng, dù sai, đều có ích lợi, miễn là tư tưởng ấy xuất phát từ một ý muốn tốt và thành thực.

Một quốc gia nếu chỉ có nền kinh tếế vững chắc chưa đủ. Thêm một trình độ chánh trị cao, cũng chưa hoàn toàn. Một quốc gia cần phải là tổ hợp tất cả: kinh tế, chính trị, quân sự, văn hóa, xã hội... Xây dựng nước Việt Nam hẳn là xây dựng đủ các ngành, các khoa, các phương diện.

Với quan niệm như thế, tạp chí BÁCH KHOA ra đời.

BÁCH KHOA không có tham vọng vạch sẵn một đường lối, một chủ trương hoàn hảo, nhưng có mục đích đóng góp một chút công, một chút lòng thành cùng toàn thể trong công cuộc chấn hưng đất nước. BÁCH KHOA hy vọng sẽ được sự giúp đỡ của mọi người và mọi ngành.

Không cần phải học cao, vì kinh nghiệm của người thợ cũng ích lợi như lý thuyết của một nhà bác học. Không cần phải viết văn hoa mỹ vì những nhận xét mộc mạc và chính xác của người dân cày vẫn có giá trị cao quý của nó.

Không cần phải cùng một tôn giáo, vì đạo đức của Đức Phật cũng đáng tôn kính như lòng bác ái của chúa Ki Tô.

Không cần phải cùng một quan điểm chính trị vì phải cho đá cụng với sắt mới có thể lựa đá tốt và sắt bền.

Không cần phải cùng một tổ chức chặt chẽ mới có thể thành bạn đồng đường trong lúc đi tìm kiếm.

Bất chấp đến dĩ vãng nếu hiện thời cùng đi một con đường.

Chủ yếu là thiện chí, lòng thành thật xây dựng và một ý niệm khiêm tốn để thấy sự khiếm khuyết mà quyết tâm sửa chữa để tiến tới...

Chủ yếu là cùng một lòng « Nhân », lòng thương người với đầy đủ ý nghĩa của nó. Thương người mà không phân biệt giàu hay nghèo, biết tìm chân giá trị của con người và đặt lại con người theo đúng địa vị của nó. Lấy con người làm cứu cánh. Không vì

một lý lẽ ngụy biện nào mà làm mắt phẩm giá của con người. Không hy sinh một cách quá đáng cho một tập thể hẹp hòi, cho một tương lai xa xôi không bảo đảm, cho một tự do phóng túng của « Cọp trong chuồng dê » cho những cái lợi vụn vặt thiển cận đến quên cả ý nghĩa cuối cùng của con người.

BÁCH KHOA cũng sẽ không bị ràng buộc trong khuôn khổ một lý thuyết sẵn có nào. Mỗi người có thiện chí sẽ đóng góp một nhận xét, hoặc cố gắng, nêu lên một giải pháp cụ thể. Tuy hiện nay chưa có ngay một kế hoạch đầy đủ, nhưng rồi đây mỗi người gỡ bớt một cây chông, đem thêm một viên đá tốt sẽ xây đắp được con đường tương lai cho Việt Nam trong hệ thống đường tươi sáng của nhân loại.

Khởi đầu với một số ít ỏi, BÁCH KHOA hy vọng sẽ gặp gỡ nhiều bạn trên đất Việt và ngoài đất Việt, cùng một chí hướng, cùng

băn khoăn vì hiện tại cùng tin tưởng ở tương lai, và cùng quyết tâm hành động.

BÁCH KHOA

MỘT CHÁNH SÁCH XUẤT CẢNG

"Kinh tế bao giờ cũng phải linh động, kinh tế đứng lại là chết. Ta phải tìm một lối thoát."

Một trong những lối thoát hiện nay tại Việt Nam có thể nghĩ tới là xuất cảng.

Nhưng làm thế nào để xuất cảng được và xuất cảng những hàng gì? Thâu hồi bao nhiêu ngoại tệ? Chế độ E.F.A.C. hiện hành gặp những khó khăn nào?

Trả lời được những thắc mắc hiện tại

về vấn đề kinh tế trên là nguyện vọng của BÁCH KHOA.

Góp ý kiến để tìm một giải pháp nâng đỡ sự xuất cảng là nguyện vọng của tác giả.

TRONG mấy năm chiến tranh vừa qua và nhất là hai ba năm gần đây, kinh tế V. N. Ca nhập cảng nhiều mà xuất cảng quá ít[1]. Đồng tiền V. N. cũng vì thế mà yếu dần.

Có nhiều cách, nhiều thể, để nâng đỡ đồng bạc lên dần, nhất là tăng gia sản xuất, nhưng một chánh sách xuất cảng phù hợp để cho cán cân thương mại bớt chênh lệch dần, cũng thêm giá đồng bạc được phần nào. Ai cũng biết rằng muốn cho kinh tế tiền tệ nước nhà mạnh thì trước nhất là phải sản xuất để tiêu thụ lấy, bớt nhập cảng dần dần, tức là bớt tùy thuộc dần dần ở kinh tế ngoại

1 Năm 1955: Nhập cảng 9 tỷ 6 bạc mà xuất cảng chỉ có 2 tỷ. Sự chênh lệch này nhờ ngoại viện mới bù chi lại được. Nhưng, ngoại viện không thể vĩnh viễn được.

quốc; kế đến là tăng gia sản xuất để xuất cảng thêm lên, đổi lấy ngoại tệ mua hàng hóa, nhất là dụng cụ kỹ nghệ trang bị nước nhà. Tất nhiên Chánh phủ, ngày nay vẫn không quên hai mục tiêu trên, khi lập chương trình hay kế hoạch nào. Và người dân, nhứt là giới kỹ nghệ thương mại, khi nói đến chính sách kinh tế cũng lẩn quẩn theo hai mục tiêu đó mà phê bình chánh quyền. Sản xuất để tiêu thụ lấy, bớt nhập cảng hay sản xuất thêm để xuất cảng... là cả một vấn đề kỹ nghệ hóa nước nhà. Bàn trông thì dễ, nhưng thực hành là một việc hết sức khó khăn vì nó phải tùy thuộc chánh trị (tự do hay xã hội), tai chánh (vốn liếng, thuế vụ), kỹ thuật (chuyên môn), kinh tế (thị trường, giá cả), xã hội (lương bổng) v.v...

Sản xuất nhiều hơn hay tăng gia năng xuất là một vấn đề kỹ thuật phải giải quyết trong nhiều năm, và là một vấn đề hết sức rộng rãi, mà ta phải khảo sát lần hồi từng

khía cạnh một. Ở đây ta bàn đến một vấn đề chật hẹp hơn: ta không nói đến "phải làm gì hay sẽ làm gì được", ta chỉ nói đến "hiện giờ ta có thể làm gì được". Với năng suất và sự sản xuất hiện tại, trong tình hình kinh lế, tiền tệ hiện tại... làm thế nào để xuất cảng được những cái ta có, hoặc có dư, như trà, gạo chẳng hạn.

Hiện giờ thực sự có nhiều sản phẩm V.N. ta thừa và sản xuất để xuất cảng, nhưng lại xuất cảng không được. Tại sao? Có nhiều lẽ mà nhất là những lẽ sau này: hoặc giá vốn cao hay phẩm xấu không cạnh tranh ở thị trường ngoại quốc được. Không nói đến vấn đề "phẩm", vì đó là một vấn đề kỹ thuật dài hạn và không phải là yếu tố chánh ngăn trở sự xuất cảng của V.N. Yếu tố chánh là giá vốn hàng hóa của ta trong khuôn khổ hối xuất chính thức hiện giờ quá cao, làm cho giá hàng ở thị trường quốc tế quá đắt.

Muốn xuất cảng thì thường thường có ba giải pháp cổ điển sau đây được áp dụng ở nhiều nước khác nhau:

1. Phá giá đồng bạc, định lại hối xuất. Ví dụ như với hối xuất một đồng 10 quan, một tạ gạo 400 $ bán ở thị trường Pháp được 4.000 quan. Nếu hạ xuống còn 8 quan thì giá thị trường Pháp còn 3.200 quan, nghĩa là ở thị trường quốc tế giá gạo được rẻ hơn 20%;

2. Chính sách giảm phát trực tiếp làm cho giá gạo xuống, bằng cách định lại vấn đề lương nhân công, giá sinh hoạt... để cho giá trong nước xuống dưới 400 $ và bán ra thị trưởng theo hối xuất cũ.

3. Trợ giúp như xuất cảng bằng cách thưởng tiền để đền bù khi xuất cảng lỗ mà thâu bạc V.N. lđược lời, cách trực tiếp là Chính phủ bỏ tiền ra đưa thẳng cho nhà xuất cảng, cách gián tiếp là cho nhà xuất cảng

được dùng một tỷ lệ ngoại tệ bán lấy lời bù lại, hay nhập cảng hàng hóa bản lấy tiền bù lại (chế độ E.F.A.C)...

Giải pháp thứ nhứt, hiện giờ không ai dám nghĩ tới, vì không là kinh tế mình bị bịnh, lại cho đi tự tử, vì phương pháp này làm cho trọng lượng hàng hóa hiện ta thiếu mà được ngoại viện giúp sẽ giảm đi tùy theo tỷ lệ phân xuất phá giá đồng bạc. Chúng ta nhờ viện trợ, mà viện trợ thì tính theo ngân sách, nghĩa là tùy theo sự thiếu lụt của ta. Khi phá giá, viện trợ tính theo bạc VN. sẽ như trước, mà trái lại số ngoại tệ hay sức mua của ta phải giảm đi ở thị trường quốc tế. Nếu phá giá đồng bạc và ngoại viện tính theo ngoại tệ, không bớt, thì khi đó ngân sách ta sẽ dồi dào, có khi thừa tiền để làm các chương trình kinh tế khác được. Còn xét về một xuất cảng thì giá hàng hóa của ta ở thị trường quốc tế sẽ rẻ hơn, dễ cạnh tranh hơn. Nhưng khi đó

phải xem:1 – mình có gì để xuất cảng cho thực nhiều để tương xứng với những khó khăn (nhứt là về giá cả, lương bổng...) do sự phá giá sinh ra không? 2 – nhu cầu ở ngoại quốc đối với các hàng hóa mình xuất cảng như lúa, cao su, trà, có mềm dẻo không... Cần trả lời là: không. Thực ra ta không có gì nhiều để xuất cảng, nếu có xuất cảng thêm được, thì cũng không thêm được bao nhiêu và hơn nữa nhu cầu quốc tế đối với những món hàng mà V.N. xuất cảng được lại không thay đổi mấy, đối với sự hạ giá của ta, vì hàng hóa ấy hiện giờ ở thị trường quốc tế lại quá nhiều: trà, gạo, cao su, ... mà giá đã thấp lắm rồi.

Nhiều chuyên viên ngoại quốc ưa nghĩ đến vấn đề phá giá vì thực ra đồng bạc V.N. hiện giờ định giá hơi cao và nhất là có lợi cho họ: họ có thể giúp cho ta quân bình ngân sách như trước mà họ lại tốn kém ít hơn; còn

như giúp mình tính theo ngoại tệ như trước thì họ có thể cho là giúp ta bằng bạc V.N. nhiều hơn.

Người dân Việt Nam vì quyền lợi riêng hay vì nhiệm vụ, nhiều lúc cũng băn khoăn đến giá đồng bạc của mình: họ sợ rằng nếu phá giá thì ngủ một đêm sáng ngày họ nghèo hơn hôm trước, hay là sự phá giá sẽ đem lại nhiều vấn đề xã hội, sinh hoạt khó khăn; lương bổng phải đeo đuổi giá cả, lợi tức quốc gia xáo trộn, v.v... (Cũng nên lưu ý là sự phá giá cũng làm cho một số người bỗng dưng giàu hơn).

Tóm lại, nạn phá giá đồng bạc sự nếu có lợi thì cái lợi nhỏ quả mà những cái hại lại hết sức phức tạp. Vì thế mà kẻ viết bài này bao giờ cũng triệt để chống quan niệm phá giá đồng bạc V.N. trong tình hình chánh trị, kinh tế, xã hội hiện tại.

– Giải pháp thứ hai là chính sách giảm phát. Giải pháp này nếu thực hiện được thì kết quả trực tiếp và lợi hơn giải pháp trước. Những sự thực hiện trái lại khó khăn ngàn lần hơn biện pháp phá giá. Làm sao giảm phát được, mà không dụng chạm đến công bình xã hội, phân phối lợi tức quốc gia, vì không thể giảm phát đồng đều cho mọi từng lớp nhân dân được, kết quả tất nhiên sẽ có một lớp người bỗng giàu ngang như khi phá giá, mà sự phân phối lợi tức quốc gia lại bị xáo trộn nặng nề hơn vô cùng. Đó là nói về kết quả, nhưng trong khi thực hiện chính sách giảm phát, tất nhiên sẽ vấp phản ứng của lực lượng thợ thuyền, lực lượng các nghiệp đoàn ... Do đó, xét về mặt chính trị và xã hội thì không thấy nước nào thực hiện được một chánh sinh giảm phát cho hữu ích.

Vậy chỉ còn giải pháp thứ 3 là đáng cho ta nghĩ đến, vì thực hiện dễ dàng hơn mà hiệu quả lại may mắn. Đó là hiện pháp trợ cấp

trực tiếp sự xuất cảng: họ xuất cảng, thâu hồi ngoại tệ theo hối xuất chánh thức thì họ lỗ, nhưng Chính phủ lấy bạc V.N. trợ cấp để họ vẫn xuất cảng lỗ được. Ở Việt Nam ta có chế độ E.F.AC., cũng không khác sự trợ cấp bao nhiêu, vì thay vì Chánh phủ phải lấy trong ngân sách ra một số tiền V.N. để trợ cấp thì cho họ được sử dụng một phần tỷ lệ ngoại tệ đem bán đi hay dùng nhập cảng hàng hóa bán lại lấy lời bù vào chỗ xuất cảng lỗ trước. Hiện nay trên thực tế, chế độ E.F.AC. vẫn còn, mà trà, gạo, … vẫn không thể xuất cảng được, vì giá vốn trong nước quá cao, xuất cảng quá lỗ, chế độ E.F.AC. không lời đủ để bù chi lại nổi. Mà không lẽ Chính phủ phải thêm tỷ lệ E.F.AC. cao lên mãi được. Gần đây vấn đề kiểm giá chưa được hoạch định phân minh thành ra chế độ E.F.A.C. với tỷ lệ hiện hành đã không đủ sức để thúc đẩy sự xuất cảng một ít hàng hóa như trà, gạo... lại càng yếu thế hơn nữa. Một ngày gần đây tin chắc rằng sự kiểm giá sẽ phân biệt hàng nhập cảng theo

E.F.AC. với các thứ hàng khác, vì không lẽ một mặt Chánh phủ lập chế độ E.F.AC. một mặt Chánh phủ ra một biện pháp khác phá giải pháp E.F.AC. Hay là Chánh phủ bãi bỏ hẳn chế độ E.F.A.C ấy để khỏi mâu thuẫn với chế độ kiểm giá tổng quát?...

Đứng trong khuôn khổ bài này, thiết nghĩ Chánh phủ chưa có một biện pháp nào để giúp xuất cảng thì không lẽ bãi bỏ giải pháp duy nhạt còn lại là giải pháp E.F.AC.

Ở Âu Mỹ, sự trợ cấp xuất cảng là một thường lệ, áp dụng luôn luôn trong lịch sử thương mại quốc tế: đang khi đó thì ở Liên Hiệp Pháp và ở Việt Nam áp dụng chế độ E.F.AC. (xuất cảng phí tổn phụ) để khuyến khích được phần nào những món hàng mà giá cao, khó cạnh tranh ở thị trường quốc tế. Ở Brézil, Chính phủ còn đem một số ngoại tệ ra bán đấu giá, để cấp quỹ giúp sản xuất và xuất cảng. Dựa trên ba giải pháp cổ điển:

trợ cấp E.F.A.C. và bán đấu giá, kẻ viết bài này tự hỏi tại sao ta không dùng ba kinh nghiệm ấy mà đặt cho ta một giải pháp khuyến khích sự xuất cảng những món hàng mà ta thường xuất cảng để thêm ngoại tệ cho Viện Hối Đoái và gián tiếp nâng đỡ các ngành sản xuất ấy, là các ngành vừa ra khỏi giặc giã để vươn mình nẩy nở lên.

Ở đây không đi vào chi tiết kỹ thuật, tôi muốn đưa ra những nét chánh của một giải pháp, tuy không có ở các nước khác nhưng lại thực tế và phù hợp cho tình hình kinh tế tiền tệ hiện tại của nước nhà. Hiện giờ, ngân sách quốc gia không cho phép ta trợ cấp được các nhà xuất cảng lỗ, vì nó vẫn thiếu hụt to, nhưng ta lại có chế độ E.F.AC, thì không lẽ gì lại bãi bỏ chế độ ấy. Hình thức và thủ tục E.F.AC. hiện giờ cần phải sửa đổi lại, vì theo luật thì tính cách nhượng không được V.H.Đ. công nhận, mà trên thực tế thì các nhà xuất cảng vẫn phải làm, vì người chuyên môn

xuất cảng thường hơn là không chuyên môn nhập cảng. Hơn nữa là sự nhập cũng theo E.F.AC. không có một chương trình nào hết, cho nên mới có cái tình trạng mà Whisky đầy đường đang khi thuốc Bắc, dụng cụ thể thao khan hiếm.

Hình thức và thủ tục E.F.A.C, cũng như cách sử dụng phải được sửa chữa lại, nhưng làm sao mà nhà xuất cảng vẫn được hưởng chế độ ấy như trước hay hơn trước là hợp lý, nghĩa là không đi ngược với mục đích của E.F.A.C.

Giải pháp đề nghị sau đây gồm mấy điểm chính:

1.– Chính phủ hay Viện Hối Đoái đứng ra mua lại tất cả phân xuất E.F.A.C, tập trung vào một mối và bán ra cho các nhà nhập cảng xa xỉ phẩm hay là hàng hóa cần thiết không nhập cảng theo một chương trình nào

khác được. Tất nhiên là phải có một cái quỹ, nhưng cái quỹ này không xài mất đi như một cái quỹ trợ cấp khác.

2.– Chính phủ mua và bán theo nhiều GIÁ khác nhau. Khi MUA E.F.A.C. vào thì tùy theo món hàng xuất cảng giá vốn của nó với giá thị trường quốc tế mà định giá mua. Giá vốn càng cao mà giá thị trường quốc tế càng thấp thì giá E.F.A.C. phải càng đắt. Khi BÁN E.F.A.C. ra thì tùy theo tính cách cần thiết hay xa xỉ của món hàng nhập cảng mà định giá bán. Mòn hàng càng xa xỉ thì giá E.F.A.C. càng đắt.

3.– Sự xuất cảng cũng như sự nhập cảng E.F.A.C. phải có một chương trình tối thiểu: Phải biết món gì phải cho xuất cảng hay nhập cảng và trong lượng bao nhiêu.

Một điều kiện cần kíp để cho Chính phủ mua vào mà bán ra khỏi lỗ là phải xem xét

lại vấn đề hóa giá, hay nói cho rõ hơn là phải nhìn nhận giá cả các món hàng nhập cũng theo chế độ E.F.AC. để cho sự nhập cũng theo E.F.A.C. được lời. Nhưng thực ra thì sửa lại sự kiểm giá như thế không hại bao nhiêu, vì các món hàng ấy không phải là nhiều lắm và hơn nữa giá các món hàng xa xỉ có cao bao nhiêu đi nữa cũng không phải là yếu tố chánh làm tăng giá sinh hoạt.

Giải pháp mới này sẽ đem lại những cái lợi sau đây:

1.– Sự xuất cảng được tăng gia và mọi ngành xuất cảng được tiến triển điều hòa với nhau. Tức nhiên là ngoại tệ quốc gia được thêm, hoạt động kinh tế được đứng vững và tiến.

2.– Sự nhập cảng theo E.F.A.C. được hợp lý hơn và đày đủ hơn.

3.– Ngân sách quốc gia khỏi tốn kém mà lại còn trông có thêm huê lợi là khác. Số tiền bỏ vào quỹ nói trên sẽ lấy lại dần dần được và có thêm lời.

4. Khuôn khổ E.F.A.C. vẫn giữ được và không liên hệ đến thị trường tự do và đến sự phá giá đồng bạc.

Giải pháp này không làm ta tránh được hết mọi khó khăn, nhưng những khó khăn to lớn về tiền tệ (phá giá), tài chánh (ngân sách). có thể tránh khỏi được. Sự khó khăn còn lại là sự định giá mua E.F.AC. (Sự định giá bán thì dễ: ai muốn mua mà làm có lời được thì bao nhiêu cũng mua). Vì giá mua E.F.A.C phải tính theo giá vốn, giá thị trường quốc tế... hai yếu tố có thể thay đổi luôn được. Nhưng sự khó khăn ấy là một khó khăn kỹ thuật mà ta có thể vượt qua được dễ dàng. Vì thực sự giá mua cũng như giá bán chỉ lối 3, 4 giá là đủ. Ví dụ:

GIÁ MUA E.F.A.C.

300 $ 1 US$ (Trà)

200 $ 1 US$ (Gạo)

100 $ 1 US$ (Cao su)

GIÁ BÁN E.F.A.C.

300 $ 1 US$ (xa xỉ như rượu, dầu thơm, ...)

200 $ 1 US$ (Banh tennis, ...)

200 $ 1 US$ (Thuốc Bắc)

Như thế là ta nhận cái nguyên tắc nhiều hối xuất. Nhưng hối xuất đã có nhiều trước kia rồi, giá 3% khác, 12% khác, giá chính thức, giá chợ đen v.v... Tình trạng trước lại còn hỗn loạn hơn vô cùng, vì nhiều khi hối xuất lại tùy theo người mua người bán, mỗi người mỗi giá, mỗi lúc mỗi giá.

Điều thứ ba người ta có thể chỉ trích giải pháp trên đây là đi dần vào chế độ điều khiển. Nhưng thực ra, tập trung ngoại tệ để lập chương trình nhập cảng là thường lệ, nước nào lại không thế, chính chế độ E.F.A.C hiện giờ là luật trừ, mà luật trừ ấy lại quyết định và duy trì một tình trạng hỗn loạn trên thị trường hối đoái và hàng hóa.

Tóm lại, kinh tế nước Việt Nam đang lâm vào tình trạng rất khó khăn: kỹ nghệ đã điêu tàn, vừa lai tỉnh lại ngất ngư, thương mại vừa bạo phát lại bạo tàn. Ai người quan tâm đến vận mạng nước nhà lại không lo âu? Kinh tế bao giờ cũng phải linh động, kinh tế đứng dựng lại là chết. Ta phải làm một lối thoát Phải chăng giải pháp trên đây cũng là một trong những con đường nhỏ hẹp, một con đường hẻm nhỏ, may ra nó đưa ta ra khỏi chỗ u minh.

HUỲNH VĂN LANG

Ai không cùng một ý kiến với ta, không nhất thiết phải là kẻ ngu dốt hay kẻ gian tà.

Hồng Y SALIÈGE

– Chúng ta quyết tâm xây dựng Quốc gia Việt Nam trên những nền tảng mới, lấy nhân dân là cương vị, lấy tự do dân chủ làm phương châm, lấy công lý xã hội làm tiêu chuẩn.

Tổng Thống NGÔ ĐÌNH DIỆM

"NGƯỜI" TRONG TÁC PHẨM SAINT EXUPÉRY

PHAN MAI

"Chân lý không phải
của riêng ai, và không ai
được độc quyền thiện chí
đi tìm chân lý."
St. Exupéry.

Từ xưa nay, nói cho cùng, tư tưởng nhân loại và văn nghệ chỉ xoay quanh vấn đề con người, vì không có vấn đề nào cao hệ và say mê hơn vấn đề người là vấn đề cho chính người.

Nếu hiểu con người như một cái tôi bất khả xâm phạm "tôi chỉ biết tôi" và xã hội phục vụ tôi luân lý sẽ là bảo vệ cho cái tôi đó như một đồ cổ quý để trong tủ kính.

Nếu hiểu người như một vật thiết yếu sống ở đời và với người khác, luân lý sẽ là xây cuộc đời mình bằng cách tạo cho thế gian một bộ mặt người và xây cuộc đời cho người khác.

Thực ra, ai cũng hiểu thái độ cá nhân, lẽ lẩn tránh vào cái tâm hồn chật hẹp, khép kín của mình sai làm và buồn lắm. Chỉ lo, nghĩ đến mình tức là tự làm nghèo đi. Vì nhân vị chỉ giàu có, phong phú nhờ tiếp xúc, Thông Cảm và Hành Động.

Ta chỉ « CÓ » thực cái ta cho người khác. Nhân vị chân chính không phải bênh vực cái tôi ích kỷ, nhưng là Quên Mình, Tự hiến. Thực hiện nhân vị và các giá trị nhân vị bằng

cách thực hiện nhân vị người khác. Vận chuyển của nhân vị là Phóng ngoại, hướng về người khác, băn khoăn lo lắng số phận người khác. (!)

Nhân vị của người mẹ, người bạn, người yêu là băn khoăn đến cuộc đời con cái, bạn người yêu và tự hiến cho họ.

Trong cuốn « TIN VUI » (Phúc âm) có câu này: « Ai bỏ đời sẽ được đời ai bám vào đời sẽ mất ».

Saint Exupéry là một người trong nhóm văn nghệ sĩ Âu Châu đi theo hướng nhân vị là lo lắng đến thân phận con người và trong tình trạng hiện dại, là bảo vệ nhân vị con người khỏi cảnh đè nén của nền văn minh kỹ thuật.

Tương giao và đoàn thể

Sống không phải là sống một mình, sống là sống với..., sống bên..., sống trong..., Người cần tương giao để thành người. Từ lúc vào đời, đến khi ra khỏi đời, người sống thiết yếu với người khác, Lịch sử mỗi cuộc đời đọ bằng lịch sử chung của đoàn thể. Ta không thể nghĩ đến người mà không nghĩ ngay đến người ấy sống ở đời và với người khác. Cùng sống nghĩa là chung hành động, chung vui buồn, chung số phận và số mệnh. Do đó chúng ta liên đới nhau, không thể vui sướng đầy đủ nếu vui sướng đó không chia sẻ; và cũng không thể tự cứu rỗi.

Hành động và Yêu Đương

Nhưng tương giao là hành động. Người cần tương giao để thành người, cần hoạt động để tương giao. Lao động trí óc, lao động chân tay chỉ khác nhau về cơ quan, không về bản tính, vì bản tính là người cần lao. Nhưng

cần lao là Đoàn thể. Làm là làm chung... làm với...

« Con người cao cả ở chỗ tác tạo; vì văn minh là gì nếu không phải một ý tưởng thể hiện ra tác phẩm bằng cần lao. »

Một tác phẩm, một công trình không bao giờ do sáng tác của một người nhưng là kết quả cố gắng của nhiều người sống cần lao — sống sáng tác — sống trao đổi nhân loại tiến bộ không ngừng. Sức cần lao thể hiện trong nghề nghiệp. Mỗi người là một thiên chức. Mỗi người nhận được một công tác một địa vị trong đoàn thể loài người không ai thay thế được. Cao cả không tùy ở địa vị lớn lao, nhưng ở sự trọn nhiệm vụ, đáp lại đầy đủ thiên chức của mình. Đặc điểm của cần lao. Nghề nghiệp là Đoàn Tụ con người (Terre des hommes). Việc càng lắm gian lao nguy hiểm càng thắt chặt dây đoàn kết. Cần lao nghề nghiệp là chỗ hẹn hò kết dây thân ái,

là Dịp để muốn chung, hy vọng chung, cảm xúc chung, vượt gian lao, chịu đựng chung... Vì do đó, một tình yêu nẩy nở, không phải cái tình trong ấm cúng hai cái nhìn nhau tình tứ, hai cõi làng khép chặt với thế giới bên ngoài. sống chết mặc bay. Nhưng là tình bạn đời tranh đấu của hai ý chí cùng hướng về một đích cao, góp sức xây đắp một cái gì...

« Kết chặt với nhau vì một đích cao. chúng tôi mới thấy yêu không phải nhìn nhau, nhưng là cùng nhìn về một hướng. Chỉ có Tình bạn những người cộng tác với nhau trong lý tưởng cùng tiến lên một đỉnh cao trên đó họ lại gặp nhau» (Terre des hommes).

Phi công Pellerin vừa bay ở Chi-li về sau một cuộc hành trình nguy hiểm. Trước khi xuống khỏi máy bay chàng chăm chú nhìn anh em bạn tụ hợp chờ mình ở sân bay: " Chàng có cảm giác như những người này là của chàng. và chàng muốn đếm, cân nhắc

rằng người (Terre des hommes).

Nhưng đến một ngày... những bạn đường chiến đấu ra di không về... Ra đi mang theo cả giọng nói quen thuộc, tiếng hát âm ấm, và nụ cười reo vui: "không gì thay được người bạn đã mất, chả bao giờ người ta tạo ra bạn cũ. Còn gì quý hơn những kỷ niệm sống chung với nhau ngày xưa, những phút nguy hiểm cùng nhau chịu dựng, cả những lần gắt gỏng rồi tha thứ cho nhau. Những tình cảm say sưa đó không bao giờ xây lại được. Nếu làm việc chỉ để nuôi cái xác sống. ta tự xây lấy cái nhà tù cho mình. Nguyên vì đồng tiền, không đáng cho ta sống khó nhọc vất vả. Nếu ta lui lại dĩ vãng, tìm những giây phút đã làm tôi sung sướng chắc chắn tôi gặp lại hình ảnh thân yêu các bạn hữu mà không gì mua dược » (Terre des hommes).

Cái đêm bay dưới ánh sáng muôn vì sao, cái nhìn âu yếm, nụ cười, lời chào thân ái,

gây ấm cõi lòng, tiền bạc mua sao được…

Tinh thần trách nhiệm

Cần lao nghề nghiệp đoàn tụ chúng ta chân ta sinh ra tình bạn. Tình bạn rằng buộc chúng ta thành một tâm hồn lớn rộng trong đó mỗi người có trách nhiệm cả đoàn.

Guillemet thấy mình có trách nhiệm gói thơ kia, vì tất cả anh bạn hy vọng ở chàng. Chàng cầm trong tay sung sướng hay lo âu các bạn chàng. Trách nhiệm cái gì dạng xây dựng đàng kia những người sống mà chàng có bổn phận góp phần vào... Trách nhiệm một tỷ số phận loài người tùy theo sức cần lao của mình. Vì người chỉ là người khi có tinh thần trách nhiệm. Là biết xấu hổ trước cảnh lầm than có lẽ không tại mình gây nên, và biết hiên ngang trước một cuộc thắng lợi anh em bạn giật dược. (Terre des hommes).

Mỗi người trách nhiệm tất cả. Nếu chúng ta là Mùa SINH NHẬT thế giới nhân loại có lẽ đã được cứu rỗi... Mỗi người mang tội cả loài người. (Pilote de guerre).

Tinh thần trách nhiệm vì chúng ta là một huyền thể: mỗi cử chỉ lời nói chúng ta đều rung động toàn thân. Khi trong chúng ta tình yêu sụt xuống. toàn thân sẽ nghèo đi và mỗi cố gắng dù cho bé nhỏ đều làm cho toàn thân lớn lên phong phú thêm. Ngày nay phải kể là tội những thái độ lãnh đạm, những câu nói thiếu lòng tin, những lỗi chữa mình: tôi quên, tôi không biết...

« Nhà tôi, nếu nàng tin tôi còn sống, tin tôi vẫn bước. Các bạn tôi tin tôi vẫn đi, tất cả tin tưởng ở tôi: và tôi là thằng khốn nạn nếu tôi không đi nữa. » Saint Exupéry.

Trong đoàn thể loài người, luôn luôn có những tiếng gọi yêu đương

chúng ta chưa đáp lại hay chưa nghe thấy vì thiếu cây thu thanh tình yêu. Nhung chính bởi vì tình yêu không còn cháy ở lòng ta, nên nhiều Tâm hồn quanh ta chết rét ...

Tiến bộ kỹ thuật và văn minh cần lao

Người ta nói nhiều về máy móc như con thú dữ nguy hiểm. Thực ra các cố gắng con người qua bao thế hệ đều nhằm mục dích kỹ thuật tiến bộ. « Chúng ta bỡ ngỡ trước văn minh kỹ thuật như đứa trẻ lần đầu thấy máy bay. Chúng ta là dân mọi còn bị quáng mất vì trò chơi quá mới. » (Terre des hommes).

Nhưng rồi đây, máy móc phức tạp sẽ trở nên giản dị như cái cày người nông phu. Máy móc không phải mục đích và tàu bay chỉ là khí cụ như cái cày, tinh xảo hơn thôi.

Máy bay giúp chúng ta khám phá ra bộ mặt thực trái đất. Nhưng đường đi đã đánh nhầm ta hằng bao thế kỷ. Ta như một nữ

hoàng muốn đi thăm dân xem họ có dược thái bình dưới quyền mình chăng. Nhưng bọn cận thần tham nhũng, để che mắt nữ hoàng, đã sai chăng màn giải đường và thuê người hát nhảy, vì thế ngoài khung cảnh huy hoàng ra, là bà không thấy gì nữa và không biết rằng những làng mạc kia có đoàn người chết đói đang nguyền rủa mình. » (Terre des hommes).

Tiến bộ kỹ thuật phải giúp đỡ loài người hiểu nhau hơn, xây dựng văn minh cần lao, tôn trọng sức làm việc, quyền hưởng thụ kết quả làm việc của mọi người. Con người cao cả ở chỗ tác tạo; vì văn minh là gì nếu không phải một Ý Tưởng thể hiện ra Tác Phẩm bằng Cần Lao. Saint Exupéry yêu hình ảnh đống đá im lìm kia chẳng nghĩa lý gì, nhưng nếu xếp thứ tự lại có thể thành lâu đài, thành đường. Chỉ cần khối óc và cánh tay người cho nó một hình thức là nó mặc được ý nghĩa một giá trị đời đời.

Nhưng cần lao là khó nhọc vất vả. Nhìn Fabieu chống giá đỡ sóng, ta thấy như toàn con người chàng biến vào cuộc tranh đấu quyết liệt đó: là kiên nhẫn bền chí tin tưởng ở chiến thằng cuối cùng. Saint Exupéry và Prévat đi 4 ngày trong sa mạc khát bỏng cổ nhưng không sờn lòng. Guillemet trong rừng núi Andes bị liệt máy phải cuốc bộ năm sáu đêm liền, 40° dưới 0° không lương thực, bạn dường có lúc tuyệt vọng muốn nằm xuống cho tuyết lấp phủ di. Nhưng « Nhà tôi, nếu nàng tin tôi còn sống, tin tôi vẫn bước. Các bạn tôi tin tôi vẫn đi: tất cả tin tưởng ở tôi, và tôi là tháng khốn nạn nếu tôi không đi nữa." (Terre de hommes).

Một văn minh tôn trọng nhân vị

Một văn minh chân chính trước hết phải thỏa mãn nhu cầu kinh tế con người. Nhưng tiền bạc không phải đích cuối cùng cũng như phi cơ là phương tiện. « Chúng ta không liều

mạng sống vì Tàu bay cũng như nông phu không cày cho cái cày. » (Terre des hommes), Kỹ thuật tiến bộ vật chất để giúp người thân ái với người, phát triển những giá trị thiêng liêng tiềm tàng trong con người. Dĩ nhiên xã hội cần Trật Tự. Lễ nghi, Lề luật, nhưng đó là hình thức, cái cốt yếu nội dung phải là lòng nhân ái, tình nhân loại. Tổ quốc không phải chỉ là một đám người sống trong một hoàn cảnh địa lý hạn định, nhưng còn là một tình cảm thiêng liêng như cái linh hồn chung. Vì còn gì vô lý hơn nếu ta chết cho những giá trị kém hơn giá trị con người. « Tổ quốc tôi không phải ở đàn cừu, đàn dê, sông núi, nhưng chết để cứu vãn bảo vệ sợi dây vô hình ràng buộc chúng biến đổi chúng thành những bộ mặt quen thuộc yêu đương. » (Citole).

Do đó, hiểu khác đi, sẽ đưa đến những thái độ sai lầm, chú trọng hình thức sao nhãng nội dung, hy sinh đời thiết thực để bảo vệ chân lý trừu tượng vì thiếu sự sống

bên trong, thành chân lý rỗng, sự thực vu vơ.

« Trật tự làm gì? Nếu là một trật tự ép uổng. « Cuộc đời tạo ra trật tự. Trật tự không tạo ra cuộc đời. » Saint Exupéry (Lettre à un olaye).

Một văn minh chân chính phải xây trên tôn trọng nhân phẩm, không phải là vun trồng cá nhân, vì: Cá nhân là con dường chỉ nhân vị mượn con dường đó đáng kể. « (Pilote de guerre) và xây trên tôn trọng nhân phẩm người khác, một nhân vị như tôi.

Trong tương giao, lấy tình mà thông cảm truyền cảm. Lý luận sách khơi đời sống thành lý luận suông. Thiếu mất yêu đương, tình nhân loại, nỗi băn khoăn vì cuộc đời người khác, vũ trụ loài người chỉ còn là những vật chết.

Nhưng trái lại. khắp mặt đất chỗ vào

cũng có dấu vết sự sống và con người. Bay trên không đồng bằng Pasagoni giữa đêm tối. Fabien vẫn thông cảm với đời sống dưới đất: « những ánh đèn lấp lánh như tiếng gọi, dấu hiệu tha thiết như muốn được đáp lại, từ các mái nhà nhỏ chiếu ra, trong đó là cả một cuốn sử đời viết bằng nước mắt, nhớ nhung, lo sợ, yêu dương. (Vol de Nuit)

Cái thành phố kia đẹp đẽ và linh động biết bao vì sự chứa sống bên trong. Cho hay sa mạc không tại cảnh vật, nhưng tại lòng người. Những người ta gặp ngoài đường vì không quen thuộc và không có mối tình ràng buộc ta với họ lòng họ với ta chỉ là những sa mạc hoang vu ghê sợ.

« Saint Exupéry sinh năm 1900, sĩ quan không quân Pháp mất năm 1944 trong lúc thi hành phận sự. Tác giả của những cuốn tiểu thuyết danh tiếng: Pilote de guerre, Courrier sud, Terre des hommes, Vol de nuit v.v… »

TRẬT TỰ làm gì? Nếu là một TRẬT TỰ ép uổng. « Cuộc đời tạo ra TRẬT TỰ. TRẬT TỰ không tạo ra cuộc đời . (Lettre à un otage). Trật tự vì trật tự là một thứ độc tài giày đạp sinh lực sáng tác, vẻ đẹp muôn ngàn bông hoa khác nhau.

Bảo vệ chân lý? Nhưng có cần phải hủy diệt đời sống, tình yêu? Chân lý là gì không thể chứng minh được. Nếu trong vườn này và không phải sườn kia cam sống nhiều quả, vườn này là chân lý của cam. Tôn giáo, văn hóa, hình thức sinh hoạt nào giúp con người cứu rỗi, tôn giáo văn hóa đó chứa đựng chân lý con người.

Còn LUÂN LÝ? Hãy tự tháo vát lấy mà hiểu đời sống. Nơi con người, chân lý là cái gì làm cho người thành người. Muốn hiểu con người, muốn kính phục cái linh thiêng ngự trong linh hồn bé mọn này không phải lấy chân lý nọ đối lập chân lý kia. Phải, các

anh có lý hết. Luân lý chứng minh được tất. Cả cái anh muốn biết mọi tội lỗi thế gian trên lưng người gù cũng có lý... Ta có thể chia loài người ra hai khối tả hữu, gù không gù, dân chủ phát-xít, và chẳng ai đả đảo được. Nhưng có một điều là chân lý bao giờ cũng đơn giản chứ không rối loạn. » (Terre de hommes)

« Chân lý không phải của riêng ai, và không ai được độc quyền thiện chí đi tìm chân lý ». Tôi có thể đứng trên lập trường của tôi đả đảo lập trường người khác, tôi có thể chỉ trích lập luận đối phương, nhưng tôi phải tôn trọng nhân phẩm người đó, lý tưởng họ tôn thờ. Sao lại tách người ta ra khỏi lý tưởng của họ — dù chủ quan tôi cho là sai miễn là họ cũng khó nhọc thành thực đi tìm chân lý như tôi.

Tôn trọng con người! Nếu ngọn lửa đỏ đều cháy sáng trong các tâm hồn, loài người sẽ xây được: Xã hội kinh tế, văn hóa trên cơ

sở đó... Một nền văn minh trước hết phải được đặt trên cái cốt yếu đó, nó phải là một nguyện vọng say sưa, đi tìm hơi Lửa, rồi con người từ nhầm lẫn này đến nhầm lẫn kia sẽ tìm thấy đường đưa tới Lửa. » (Lettre à un otage)

Tôn trọng người khác: Nhìn người khác như một nhân vị không phải cái nhìn soi mói, như muốn cướp bản ngã người khác, và coi như đối tượng — nhưng cái nhìn mời gọi (avocation) nhìn yêu đương… Nơi nào Yêu đương ngự trị nơi đó có sự sống lớn mạnh. phong phú nhộn nhịp. Cái nhìn gây ấm, nụ cười reo vui và nguồn vui hay hay lây... Nếu không đời sống đoàn thể sẽ nhạt như món ăn nguội, lạnh như tuyết đông... Trong một hiệu buôn, người mua giao tiền cho người bán, người bán chuyển hàng cho người mua như hai cái máy vô tri... Nhưng nếu có nụ cười, vài lời chào hỏi thành thực, gian hàng sẽ đổi khác đi ; một cái gì khó tả qua truyền

thông giữa hai tâm hồn: họ tương giao bằng tình người, tình nhân loại. Bây giờ cảnh vật cũng đổi; bàn ghế trở nên sống động, gói hàng như chứa một nỗi niềm và coon đường dãy phố cũng thành quen thuộc.

Saint Exupéry kể lại tối hôm ấy bị giam trong nhà tù Tây ban nha hồi nội chiến: thời gian qua đi bên anh lính gác thật nặng — như cái yên lặng nghĩa địa – cái bực tức buổi chiều hè gặp cơn giông... Nhưng rồi có một nụ cười lời hỏi thân ái: « Anh có rét lắm không ? », điếu thuốc lá cám ơn... căn phòng bỗng ấm lên. Thực ra chẳng có gì thay đổi: cây đèn lờ mờ trên bức tượng lạnh toát, mùi cứt chuột vẫn thế. Nhưng hình như chúng đổi bản tính vì « Nụ cười đã cứu tôi... tôi bước vào nụ cười những người lính ấy như bước vào một xứ lạ như ngày xưa đã bước vào nụ cười những kẻ đã cứu chúng tôi ở Sahara. Tất cả săn sóc người ốm, đón tiếp đầy đủ, sự tha

thứ chỉ giá trị có nụ cười tô điểm. » (Lettre à un otage)

Không tôi cần lý luận để sống, nhưng cần yêu đương cứu rỗi. Tôi cần tình bạn, khát tình nhân loại . Tôi muốn có một người bạn, trên tất cả chia rẽ lý thuyết, tôn trọng trong tôi người HÀNH HƯƠNG thứ lửa đỏ. Tôi muốn vào nhà anh mà không bó buộc mặc quân phục đọc cả bản kinh Coran. Bên anh, tôi không tìm chứng minh binh vực gì, tôi cần Bình an. Qua lời nói cử chỉ vụng về của tôi, chỉ xin anh nhìn tôi như « một người », tôn trọng trọng tôi « vị đại sứ những niềm tin, phong tục yêu đương riêng » của tôi. Không phải Lề luật, Lý luận của tôi sẽ làm cho anh hiểu tôi là ai. Nhưng chúng ta cần nụ cười Tình Yêu. Lý tưởng để sống để đi cứu rỗi (Lettre à un otage).

Kẻ cuốc đất, muốn hiểu ý nghĩa việc mình làm. Cảnh cuốc đất kẻ tù đày nhục

nhã khác cảnh cuốc đất người chơi vườn. Tủ đày không phải tại cuốc đất, nhưng tại cuốc đất không nghĩa lý gì vì không ràng buộc kẻ cuốc đất vào đoàn thể các người tự do cần lao.

Vì chúng ta muốn thoát khỏi Tù Đầy (Terre des hommes).

Vì thế, một văn minh khinh con người, dày đạp nhân loại, là một văn minh phóng thể (aliénés). Chỗ nào Ích kỷ, tham lam ngự trị, tình thân ái tương trợ bị xua đi thật xa, ở đó có tiếng than khóc những linh hồn bị hắt hủi, tiếng phản kháng âm thầm những sức sống bị chà đạp.

« Trên một toa xe lửa chở gia đình thợ mỏ Ba Lan thất nghiệp ở Pháp về, tôi ngồi trước đôi vợ chồng mặt tiêu điều bẩn thỉu. xấu xí quá. Tôi nghĩ đến cái ngày hai người bắt đầu quen biết nhau. Chắc chàng đã mỉm

cười với nàng và sau giờ làm việc đem tặng nàng bó hoa... Và nàng e lệ đáp lại làm chàng bằng nụ cười yêu đương... Bây giờ hai người chỉ còn là hai cái máy cuốc. Con vật lúc già còn có duyên. Tại sao con người lại hư hỏng đến thế? Và đứa trẻ ngồi trong lòng mẹ nó chao ôi mặt nó xinh quá. Nó là kết quả của nụ cười tình yêu. Đây là nghệ sĩ đầy hứa hẹn, một Mozar tương lai... Nó chả khác gì những hoàng tử nếu được săn sóc âu yếm... khi trong vườn một nụ cuối hồng vừa nở, cả bọn người xúm lại vun xới che đậy chăm tưới. Nhưng không có thợ làm vườn cho loài người. Và Mozart vừa sinh ra đã bị bóp chết.» (Terre de hammer).

Vâng quanh ta có bao nhiêu nụ hồng đời héo hơn đi vì thiếu sương mai khí mát?

Một văn minh chân chính phải xây trên tôn trọng con người trong đó mọi Thiên Chức có thể tìm thấy đất tốt để nẩy mầm lớn mạnh.

Ý nghĩa cái chết

Sống cần lao sáng tác, yêu đương sống đoàn tụ hạnh phúc đến khi hai nay buông xuôi ra đi một cách bình an như quả chín muồi tới ngày rụng. Sống đầy đủ chết êm đêm như bà mẹ già trối cho con cháu vườn rau sào ruộng để chúng có lợi sau này.

« Cuộc đời lớn lên rồi tàn đi như quả đậu chín tách nhả bạt và hồi chuông cầu hồn hôm ấy không phải tiếng ai oán thất vọng, nhưng chứa chan vui sướng, loan báo một hiện tượng mầu nhiệm TRUYỀN SINH (Terre des hommes).

Cái chết đẹp và anh hùng, không phải đã lập được nhiều chiến công chấn động thế giới, nhưng chỉ là một đời đã sống đầy đủ. Sao cánh đồng có mùa xuân đẹp quá? Không phải vì có nhiều hoa rực rỡ lên cao, nhưng vì những hoa bé nhỏ không muốn gì hơn là

được góp phần vô danh trong VẺ ĐẸP chung cả cánh đồng.

PHAN MAI

Từ hiếu sắc đến bất minh.

Nước Lỗ có Thu Hồ Tử, mới cưới vợ được năm ngày, đã phải ra đi làm quan nước Tần.

Năm năm sau, Hồ Tử mới có dịp về quê cũ để viếng mẹ, thăm vợ. Khi gần tái nhà, chàng bỗng trông thấy một người đàn bà rất đẹp đương hái dâu ở bên đường. Hồ Tử không kìm lòng đặng, nên xuống xe thả lời ong bướm để bỡn cợt. Nàng hái dâu làm thinh, không ngừng tay bứt lá. Hồ Tử bèn bảo rằng: «Dùng tận lực mà làm ruộng cũng không bằng gặp một năm được mùa, dùng hết sức mà hái dâu sao bằng gặp được một người chồng làm quan trong nước. Ta đầy vàng bạc sẵn có, nàng mà ưng thuận thì không thiếu

thức gì, há chẳng hơn hái dâu ư? » Nàng ấy không những không thuận, mà còn mắng cho một hồi rồi bỏ ra về.

Hồ Tử về tới nhà thăm mẹ, khi sự chàng bước ra chào hỏi, thì Hà Tử bằng nhận ra vợ mình lại chính là người đàn bà hái dâu hồi nãy mình chọc ghẹo.

Hồ Tử hổ thẹn vô cùng, vợ chàng trách rằng: « Chàng đi làm quan năm năm mới về xứ, đáng nhẽ phải vội vã về nhà thăm mẹ, chứ lẽ nào mới gặp một người đàn bà ở dọc đường, không biết họ đã có chồng con chưa, mà đã ngừng lại trêu ghẹo. chẳng nhớ gì đến mẹ, thiết gì đến vợ. Quên mẹ thì bất hiếu, ưa sắc thì lòng dâm, tính hạnh nhơ thì bất nghĩa, bất nghĩa thì trị chúng bất minh, người như vậy sao đáng làm chồng thiếp! »

THẾ NÀO LÀ QUÂN ĐỘI MẠNH

Duy vật và duy tâm

Người ta thường phân bản chất con người ra làm hai phần: Vật chất và tinh thần. Một số quần chúng cho rằng vật chất chi phối tất cả và là căn bản của tinh thần. Trong số này có nhóm cộng sản. Một số khác trái ngược lại, trao quyền quyết định cho yếu tố tinh thần. Sự tranh luận của hai phái trên được gọi là sự tranh luận giữa duy vật và duy tâm. Ai đúng, ai sai? Cãi nhau mãi từ mấy thế kỷ cũng chưa ngã ngũ.

Những người hàng ngày « tay làm hàm nhai », không ham thích bàn luận sâu về vấn đề trên. Họ chỉ giải quyết một cách đại cương, nhưng không kém phần hữu lý: vật chất cũng quan trọng mà tinh thần cũng quan trọng. Không có cái này thì không có cái kia, mà không có cái kia thì cũng không có cái này,

Trang bị, kỹ thuật và tinh thần

Áp dụng vào quân đội lý luận mộc mạc trên, ta có thể nói: Người lính có gan dạ mà không có súng không làm được gì; người lính có súng tốt nhưng không gan dạ cũng không làm gì hơn.

Ai có cầm súng ra mặt trận có lẽ thấm thía câu nói trên.

Thật vậy, quân đội có vũ khí tốt nhưng kém tinh thần chiến đấu không phải là một quân đội mạnh.

Trong một dịp thấy một toán quân đang mạnh bước qua mắt chúng tôi, một bạn thốt ra: Thiệt là quân phục coi hùng quá và súng không chỗ chê ... Một bạn khác nói thêm: « Hãy nhìn kỹ cặp mắt họ. Nó bộc lộ một tinh thần quyết thắng. »

Nếu nhận xét sau không bổ túc cho nhận xét trước thì thiệt ra chúng ta chỉ mới nhìn thấy có phân nửa của người lính chưa chắc là phần đáng chú trọng nhất,

Nếu xây dựng một quân đội là võ trang một số người thì đã là việc không khó khăn gì.

Nếu miệng nói chống chủ nghĩa duy vật mà trong người lính chì thấy cây súng tốt và cái nón đẹp thì hóa ra đã phủ. nhân sự quan trọng của phần tinh thần và trở lại mâu thuẫn với mình.

Một số người quá ỷ lại về bom nguyên tử hay quá sợ loại bom ấy cho rằng quân đội có tinh thần hay không cũng vô ích. Những kinh nghiệm cho ta thấy trong Đại chiến vừa qua, hai bên đều có bom vi trùng mà không ai dám dùng cả. Nếu có chiến tranh xảy ra chắc gì sẽ dùng đến bom nguyên tử? Vì dùng đến nó, một bên sẽ mất và bên kia cũng chắc gì còn.

Chúng tôi không phải phủ nhận sự quan trọng về phần vật chất của quân đội. Súng không tốt, đạn không nổ, mắt không tinh, chân tay không lanh lẹ, con người không dẻo dai, không thể thành người lính giỏi. Nhưng chúng tôi chỉ muốn thêm rằng bao nhiêu điều kiện vật chất kể trên chưa đủ. Còn phải nghĩ đến tinh thần của quân nhân.

« Dự trữ của quân đội là nhân dân. Quân đội không được lòng nhân dân là một quân đội có thể tạm thời mạnh trên phương diện

nào đó nhưng bản chất nó là yếu vì tương lai không có dự trữ, nó sẽ đến chỗ kiệt quệ và tiêu tan.

Lúc lâm trận yếu tố tinh thần có tác dụng quan trọng quyết định

Tại trận địa, khi tiếp xúc với địch thủ, anh chỉ huy quân sự có kinh nghiệm không sợ những loạt súng thật dài. thật đều, thật đông đặc của đối phương, nổ sai thời cơ và chính nó làm anh vững tâm. Trái lại những loạt súng thưa thớt, từ 3 đến 5 viên, xả vào trúng chỗ, trúng cơ hội và điều chỉnh kịp thời, chứng minh một tình trạng tự chủ vững chắc của đối phương làm cho anh phải lo tính

Sau một trận điều gì cần chú ý nhất

Tôi nhớ lại một lần sau một trận tác chiến không thắng. lợi, tôi đến báo cáo với

cấp chỉ huy về kết quả trận đánh. Tôi vừa nói số thiệt hại nội bộ về quân số và quân khí thì bị ngắt lời. Vị chỉ huy hỏi tôi: « Còn tinh thần quân lính ra sao? » Tôi đáp: « Có tức, có buồn, nhưng vững chắc", và tôi dẫn chứng bằng những việc cụ thể. Vị chỉ huy vỗ vai tôi và bảo: « Đó là điểm then chốt. Thắng hay bại là việc thường của một quân đội. Súng đạn còn, tinh thần vững, nhất định đội quân ấy ngày mai sẽ thắng. »

Vị chỉ huy quân sự đó sâu sắc, đã biết thấy xa hơn bộ quân phục và súng đạn của quân lính.

Quân đội và nhân dân

Quân đội dù muốn dù không phải sống giữa nhân dân

Nhưng một quân đội có vũ khí tốt, có tinh thần cao là một quân đội chỉ mạnh về phương diện chủ quan.

Khi hai quân đội đánh nhau, thường dân chúng tay không hay tách ra xa, hầu khỏi bị thiệt hại. Nhưng khi trận tàn, dù muốn dù không, quân đội cũng phải trở lại sống trong lòng dân. Đó là một điều rất tự nhiên, nhưng có khi những nhà quân sự thuần túy lại quên. Nếu sau những mỏi mệt và nguy hiểm ngoài sa trường, người chiến binh về căn cứ không nghe lời an ủi nào của nhân dân, không được các bàn tay của các bậc lão thành vỗ vai khen ngợi, không nhìn thấy trong cặp mắt long lanh của những cô gái ngây thơ sự cảm phục và ý biết ơn, nếu phải đem thân mình đánh giặc dẹp loạn để cho đỡ cho nhân dân rồi không được một sự thông cảm, thì quân đội cũng không thể gọi là mạnh được. Nếu đi tới đâu, dân ghét thù tới đó, không sớm thì muộn, quân đội đã bị tiêu diệt. Dù tiên

khởi có vũ khí tốt, có tinh thần chiến đấu cao nhưng rốt cục là bị tiêu diệt, quân đội ấy không thể gọi là quân đội mạnh.

Dự trữ của quân đội là nhân dân

Quân đội phải có chỗ nương tựa mới có thể mạnh. Lãnh đạo chiến tranh thì phải nghĩ đến dự trữ. Chiến tranh hiện tại là chiến tranh dự trữ: dự trữ tinh thần, dự trữ vật chất. Những thắng lợi chớp nhoáng cũng đòi hỏi kế đó một sự củng cố quân sự lâu dài. Có người cho rằng hiện tại chiến tranh chỉ cần một đợt chiến đấu là xong. Thiết nghĩ tương quan lực lượng giữa những phe đối lập lớn hay nhỏ trên thế giới hiện nay chưa có một sự chênh lệch gì tuyết đối cho phép một bên có thể tiêu diệt bên kia dễ dàng và mau chóng. Vì thế vấn đề dự trữ vẫn là vấn đề then chốt.

Trong vụ Suez, lực lượng Anh Pháp có

thể có ưu thế lúc đầu và vì thế trong giai đoạn thứ nhất thu nhiều thắng lợi. Nhưng qua giai đoạn ấy rồi là tới giai đoạn mà vấn đề dự trữ can thiệp đến. Tôi nghĩ dù có chiếm được toàn kênh Suez nữa, việc giữ nó là một thế có thể đưa quân đội Anh Pháp đến chỗ bị tiêu hao lần hồi cho tới lúc thiếu dự trữ rồi bị bắt buộc phải rút lui đi.

Dự trữ của quân đội là nhân dân. Quân đội không được lòng nhân dân là một quân đội có thể tạm thời mạnh trên phương diện nào đó nhưng bản chất nó là yếu vì tương lai không có dự trữ, nó sẽ đến cho kiệt quệ và tiêu tan.

Quân đội mạnh chẳng những phải có vũ khí tốt, còn phải có tinh thần chiến đấu cao. Ngoài ra phải được nhân dân coi nó là quân đội của dân, chiến đấu cho dân nên được dân thương, dân giúp đỡ và dân giáo dục.

Tập trung những điều kiện căn bản đó mới có thể gọi là quân đội mạnh.

Từ nhận thức đến thực hành, có một khoảng cần vượt qua

Có lẽ nhiều người sẽ cho rằng, những điều nói trên là những việc quá dĩ nhiên không cần bàn luận đến.

Sự thật, nếu mình là thường dân, lúc nhìn quân đội. mình có bị chóa mắt vì bộ quân phục đẹp, cây súng nòng to, viên đạn nhoáng bóng không? Hay là mình đã biết tìm đến bản thân người quân nhân, nghĩ đến tinh thần của người đó. Nếu là quân nhân và cũng là chỉ huy, trong thực hành hàng ngày, mình có tìm hiểu tâm hồn của binh sĩ và suy đi nghĩ lại cách nung đúc tinh thần họ không? Hay là sau những giờ lý thuyết chiến thuật và thao trưởng mệt nhọc, mình coi là nhiệm vụ mình đã tròn vẹn?

Thống nhất được nhận thức và thực hành, không phải là một việc dễ. Điều kiện tối cần để thực hiện thống nhứt là xây dựng một nhận thức sâu sắc và thấm thía. Hiểu đến mức đó mới có thể di tới hành động thích hợp.

PHẠM NGỌC THẢO

Ta thường phàn nàn về hết mọi sự lộn xộn. Nhưng ta có phàn nàn khi thấy những kẻ không có cơm ăn áo mặc, phải trú đậu ở đầu đường xó chợ không? Ta có nghĩ đến cách làm thế nào để cho những lộn xộn đáng thương tâm ấy biến đi không? Ta có nghĩ đến những đám vợ chồng cẩu hợp, những cảnh gia đình tan nát không? Ta đã làm gì để biến những lộn xộn ấy đi?

Hồng y SALIÈGE

ĐỊA VỊ CỦA NHẠC JAZZ TRONG NGHỆ THUẬT HIỆN ĐẠI

CÁI ngày âm nhạc JAZZ được nhập cảng vào Âu Châu đã gây nên những phản ứng thực dữ dội không kém những ngày phong trào THƠ LĂNG MẠN xuất hiện ở Pháp hoặc THƠ MỚI ở Việt Nam. Ban đầu, trước những danh từ và những cuộc cổ động sôi nổi, người ta cũng nô nức tìm cái gì mới lạ ở nhạc JAZZ, nhưng rồi quần chúng BA LÊ cũng lại tỏ vẻ thờ ơ. Ngày 1-2-1932, lần đầu tiên, ban nhạc của HOT CLUB trình bày tại tiệm «BOITE à MUSIQUE", số thính giả khá đông, nhưng đến lần thứ hai vào ngày

1 tháng 3, chỉ còn chừng 19, 20 thính giả, và với lần thứ 3 và lần sao biết, số khán giả còn lưa thưa vài người lại rất thờ ơ lạnh nhạt (theo Hugues Panassié trong Douze années de JAZZ). Âu châu cổ điển, cái Âu châu chứa chất và đầu cơ một nền văn minh trưởng giả, cái Âu châu trịnh trọng, mực thước, tế nhị và trọng tập truyền đó, hình như không thể nào chịu đựng sơn cái thứ âm nhạc huyên náo, lộn xộn, phát biểu bằng "những tiếng hò hét, những điệu nhún nhảy trơ trẽn ngây ngô của những anh chàng da đen man rợ", những con người mà trong thâm tâm Âu châu trưởng giả bao giờ cũng chỉ là nô lệ của những người da trắng. Bởi thế, sau ba, bốn mươi năm trời, kể cả những năm 1922-1939 mà nhạc JAZZ được sán lạn vinh quang nhất tại Anh và Mỹ Quốc với những nghệ sĩ đại tài như Louis Armstrong, Duke Ellington, Fats Waller, Coleman Hawkins, Erl Hime ở nhạc trường trên lục địa Âu Châu, nhất là ở Pháp, mà dầu những sự cổ động và tuyên truyền

của những tạp chí JAZZ-HOT, JAZZ-AN-GO-DANCING, Revue du JAZZ, và những nhóm, những ban nhạc như Hot Club de France v.v… người ta vẫn cảm thấy một bầu khí thờ ơ lạnh nhạt, đôi khi còn phản động nữa.

Nhạc JAZZ chỉ được coi như một thứ nhạc khiêu vũ dễ dãi, cung phụng một ít cảm giác hỗn loạn, điên cuồng mới lạ, trong những hộp đêm ở Montmartee và Mont-patnasse như MUSIC BOX, LA JUNGLE. LA RUMBA v.v... và một ít nơi đóng phim. Đã thế nhạc JAZZ lại còn bị những khó dễ khác: Stephane Mougin mất phần thưởng ở Nhạc Viện chỉ vì ông là một nhạc sĩ JAZZ. Những nhà phê bình nhạc nổi tiếng là đứng đắn ở Pháp cũng lên tiếng thóa mạ nhạc JAZZ và những nhạc sĩ xứng đáng nhất của nó mà coi họ như một bọn hề. A. Suarès viết trong Revue musicale tháng 3 năm 1931 về JAZZ: "Nhạc JAZZ lố bịch quá, và do đó còn

tệ hơn thứ nhạc độc diệu..... Đó là một con khỉ dùa rỡn với chính mình, không phong hóa, không kỷ luật, buông mình vào mọi khu rừng của bản năng, phô trương khối thịt trần, truồng trong mọi bước nhảy cỡn, và trái tìm nó còn là một khối thịt trần truồng trong mọi bước nhảy cỡn, và trái tim nó còn là một khối thịt tục tĩu hơn nữa. Nhạc JAZZ là thứ nhạc của cái bụng và của những kẻ mang tâm hồn đẹp đẽ của họ ở giữa lá gan và bộ đùi..."

Nhưng trái lại cũng có một ít kẻ say mê nhạc JAZZ đến độ cuồng tín, và coi như một thứ nhạc thần diệu nhất mà xưa tới nay, có thể cách mạng và thay thế hẳn cho dòng nhạc CỔ ĐIỂN Âu châu. Đây cũng lại là một sự quá đáng. May mắn là cũng còn những người phải chăng hơn: những nhạc sĩ biết phân biệt màu sắc, giá trị địa vị của nhạc JAZZ cũng như biết kính cẩn khâm phục trước cái cao quý và tuyệt mỹ của âm

nhạc cổ điển. Nhưng những người này rất hiếm. Phần đông chỉ biết khen chê theo một ít thành kiến hẹp hòi, nhận được bởi một nền giáo hóa hời hợt thiên vị. Thành thử trong những luận điệu yêu ghét kể trên đều có một cái gì lệch lạc. Những kẻ say mê nhạc JAZZ nhiều thực tình đã không có một kiến thức sâu xa về nhạc cổ điển nên phủ nhận giá trị của nó. Trái lại những kẻ thù của nhạc JAZZ lại chỉ biết biết đem cái thước thẩm mỹ của kỹ thuật cổ điển để phê phán, thành thử không thể hiểu nổi những yếu tố mới mẻ mà nhạc JAZZ có thể góp vào sự tiến triển của dòng nhạc cho thêm phần phong phú, dồi dào. Giữa những ý tưởng bất đồng đó, âm nhạc JAZZ vẫn đương nhiên thâm nhập vào sinh hoạt của xã hội.

Ngày nay, nhạc JAZZ đã chiếm một địa vị ưu tiên trong cách tiêu khiển hàng ngày của chúng ta. Mỗi lần nhấn đèn của máy thu thanh lên là y như chúng ta bị nghe vang rộn

đó đây những điệu nhạc JAZZ. Đây ban nhạc JAZZ với những ban nhạc HUBERT ROSTAING, RAY VENTURA, JACK DIEVAL, HENRI LECA WALBERG (Jazz hợp tấu), PIERRE SPIERS... và những đài khác cũng lại nhạc JAZZ với những ban nhạc khác: Camille SAUVAGE, Fredo GARDONI, Paul DURAND. Jacques HÉLIAN, Henri ROSSOTTI, Aimé BARELLI, Alix COMBELLE, Armand BERNARD, Alain ROMANS, Fred ADISON v.v... còn bao nhiêu ban khác thật loạn xạ không kể xiết. Rồi trong các rạp chiếu bóng đâu cũng chỉ nhạc JAZZ, với những nhịp diệu sôi nổi, quay cuồng đến làm cho chúng ta loạn óc.

Bởi thế chính giữa lúc mà nhạc JAZZ đã chiếm một ảnh hưởng quá lớn lao trên thế giới, đến nổi làm trấn át cả những bản nhạc có màu sắc trang nghiêm của những nhạc sĩ thế kỷ XIX trở về trước, chính lúc này đây lại là lúc các nhạc sĩ đứng đắn, kể cả những

nhạc sĩ vẫn say sưa nhạc JAZZ phải lo ngại. Phải chăng rồi có một ngày không xa, nhạc JAZZ với đà lấn át của nó hiện nay, sẽ làm sai lạc hẳn óc thẩm mỹ của đám thính giả nông nổi trên thế giới, khiến họ không còn biết tìm ở ÂM NHẠC những tình cảm thấm thía, sâu xa, cao thượng nữa, mà chỉ biết đòi hỏi một thứ nhạc hoặc hỗn loạn ồn ào, hoặc ủy mị bạc nhược, một thứ âm nhạc dễ dãi, chỉ có mãnh lực kích thích những cảm giác và bản năng thấp hèn của họ hơn là những tình cảm lành mạnh linh thiêng? Lo ngại như thế không có nghĩa là bi quan thoái trào đã phủ nhận giá trị của nhạc JAZZ đúng đắn. Nhưng họ chỉ có ý muốn rằng các nhạc sĩ ngày nay cần phải nhớ lại rằng âm nhạc JAZZ dù sao cũng chỉ là một hình thức, một loại nhạc riêng biệt, của một dân tộc đặc biệt (dân Da Đen). Chúng ta chỉ có thể lợi dụng một vài điểm tốt đẹp của nó để đồng hóa và làm cho dòng nhạc của mỗi dân tộc thêm phong phú. Còn say mê nó, đưa nó lên địa

vị độc tôn, làm lu mờ hẳn những đặc tính và màu sắc riêng của dân tộc, ấy là một sự phản bội, một sự điên cuồng và mù quáng.

Riêng ở Việt Nam, từ ngày cùng với nghệ thuật chiếu bóng nhập cảng vào đất nước chúng ta, nhạc JAZZ đã được tiếp rước một cách nồng hậu, có thể nói là quá nồng hậu. Các nhạc sĩ của chúng ta hầu hết đều là tình nhân cũ hoặc mới của nhạc JAZZ. Nhiều bản hát cải cách Việt Nam mang hình thức những điệu FOX-TROT, RUMBA, TAN-GO, BLUE, SLOW-FOX, BOSTON. PAS-SODOBLE, MAMBO, CHA CHA CHA v.v... Nhưng ngày nay, hình như đã đến lúc chúng ta cần phải nhận thức lại thái độ của chúng ta đối với nhạc JAZZ. Chúng ta phải nhìn lại lịch trình tiến triển của nhạc JAZZ, để nhận ra những cái nó đã đem lại cho nhạc trường Âu châu, cho chúng ta: chúng ta phải xác định xem những cái gì có thể giữ lấy và bồi bổ, đổi mới cho tương lai âm nhạc Việt Nam

thêm phong phú. Ngoài ra, những cái gì quá lố lăng, xét ra có phương hại đến dân tộc tính của nền Nhạc Việt, chúng ta cần phải từ bỏ, ly dị chúng.

Những dòng sau đây về phúc lại những đặc điểm của nhạc JAZZ qua lịch trình tiến triển và biến thiên của nó để các bạn có thể hiểu qua bộ mặt thật của nó, rồi sau cùng có thể đặt cho nó một địa vị xứng hợp trong cuộc xây dựng NỀN NHẠC VIỆT của chúng ta sau này.

Nhạc JAZZ phát sinh ra từ những điệu dân ca của người da den Phi Châu bị chở sang làm nô lệ bên Mỹ Châu. Đó là nhưng câu ca ngăn ngắn về tôn giáo mà các vị linh mục thừa sai Công Giáo đã dạy cho ông cho họ bên quê nhà.

Những bài hát đượm tình cảm tín ngưỡng thiết tha và hy vọng. Lời ca đôi khi

rất gần những lời ca vịnh (Psaume) trong Thánh Kinh Do thái, một dân tộc cũng bị đày ải, nô lệ nhưng luôn luôn đặt niềm Hy Vọng và Tín ngưỡng nơi Thượng Đế sẽ luôn che chở và sau cùng giải thoát họ khỏi cuộc đời ly tan, khổ cực.

Chiều chiều, sau những giờ làm việc khó nhọc, bọn người da den tha hương họp nhau trên những bãi đất giữa trời khu Da den (place de Nègres) sau biến thành Công Trường CONGO (Congo square) trong thành phố LOUSIANE (thuộc liên bang New Orléand), để cùng nhau bộc lộ niềm nhớ nhung quê hương và những nỗi khổ cực của họ nơi lưu đầy, bằng những lời ca thực đơn sơ cảm động. Một người trong bọn cất lên một đề nhạc, bao nhiêu người khác phụ họa theo những câu điệp khúc ngăn ngắn. Vừa hát họ vừa nhún nhảy, làm điệu bộ hoặc tung tăng nhảy theo nhịp trống, thanh la nác bạt và những thứ nhạc khí thật thô sơ như

khẩu cầm (orgue à bouche), còi ốc (corner), kèn ống (ruba), banjo v.v... cho đến khi cùng nhau kiệt sức rã rời mới chịu chia tay ra về. Dần dần những điệu ca đượm tình TÔN GIÁO (NEGRO SPIRITUALS) như: NOBODY KNOWS THE TROUBLE I've HAD (Chẳng ai biết nỗi xao xuyến trong tôi), SOMEBODY'S Kockin AT YO' DO' (Có ai gỡ cửa anh), JORDAN, DEEPREVER (Hòa giang, con sông sâu), I TROUBLED in DE MIND (Tôi xao xuyến trong tâm hồn), ROLL JORDAN ROLL (Hòa Giang ơi! Cứ chảy đi!). Everytime I FEEL de SPIRIT (Đôi khi tôi cảm thấy Đức Thánh Linh), DIDM'T MYLORD DELIVER DANIEL (Chúa tôi đã chẳng giải thoát Đa-Niên sao?), GO DOWN, MOSES (Xuống đi, Mai Sen.) v.v… đã nhường chỗ cho những điệu ca ảm đạm diễn tả những nỗi cực nhọc của đời sống cần lao trong trại trồng tỉa: "Plantations songs", và sau cùng những điệu nhạc êm ru "BLUE" tả tình yêu

hoặc những nỗi buồn tình tứ thấm thía màu sắc ly hương.

Trong thời kỳ này, người Da Đen chưa hề tiếp xúc với thế giới Da Trắng, và chưa hề có ý thức gì về nghệ thuật. Họ ca hát để thỏa mãn bản chất nhạc của dân tộc họ, và mong giải thoát nỗi buồn chứa chất trong tâm tư cái buồn của nhưng tâm hồn mộc mạc mà bên quê hương có lẽ chưa bao giờ biết đến, những nỗi sầu khổ của kẻ đđầy.

Như vậy nhạc JAZZ là kết tinh của cả một đám quần chúng bao la không tên tuổi. Những tứ nhạc của các điệu RAGTIMES đã được ngẫu hứng giữa đám đông ngoài trời. Nó là những nhịp điệu hồn nhiên thành thực phát ra từ những tâm hồn thiết tha của những con người sơ khởi...

Từ năm 1865, chế độ nô lệ bị thủ tiêu ở Mỹ Quốc. Những người da den được quyền

sống tự do. Họ gặp nhau trong các quán rượu, tiệm nước và cùng nhau ngẫu hứng nên những điệu nhạc rất thúc đẩy và quyến rũ hợp bản năng của nòi giống họ. Người da trắng bắt đầu để ý tới những điệu nhạc hoặc tưng bừng, sống động, hoặc thiết tha êm ru, cũng như những điệu bộ nhún nhảy lạ mắt của những người mà xưa kia vẫn ở địa vị nô lệ, thấp kém. Những ban nhạc da đen (Ménestrels nègres) được thành lập và xuất hiện trong các tiệm giải khát, những rạp hát, xưởng quay phim, những cuộc chợ phiên và Hội chợ. Những điệu Ramble, Shout, rag-times bắt đầu tràn lan trên hè phố. Và thay vào các điệu Vale, Polka cổ điển, những điệu hát mới đầy thúc đẩy đã kích thích nhịp bước trong các rạp KHIÊU VŨ. Danh từ JAZZ, một thứ tiếng lóng của những người trong hạ tầng xã hội, với những ý nghĩa mà người tế nhị của xã hội phong lưu trưởng giả không hiểu được, bỗng nhiên trở nên danh hiệu

của thứ nhạc mới đó, và cả nghĩa là một thứ nhạc nguyên bản thuần túy.

Từ lúc tiếp xúc với thế giới văn minh để mua vui cho bọn người da trắng, nhạc JAZZ bắt đầu mất dần tính cách công cộng thuần túy, nhường chỗ cho những nguồn hứng cá nhân của những thiên tài như: Louis Armstrong, Earl Hines, Bill Coleman và Duke Ellington ... và mặc dầu những về mới lạ tài tình trong điệu nhạc, trong cách trình diễn của những thiên tài này, nhạc JAZZ lúc đó vẫn bị coi như một thứ tiêu khiển dễ dãi của đám người bồng bột nếu không phải là trụy lạc. Vì thế nếu người nào dám cả quyết rằng có một nghệ thuật trong nhạc JAZZ, liền bị các nhạc sĩ đồng thời phỉ báng ngay.

Mãi tới khoảng năm 1915 trở đi, sau những cuộc tấu nhạc thí nghiệm (Orchestre de Jazz) của Paul Whiteman, nhạc JAZZ mới thử mang một hình thức trang nghiêm, dồi

dào và mới được những giới nhạc đúng đắn lưu ý. Paul Whiteman là một nhạc trẻ tuổi chơi vĩ cầm trong những ban nhạc Hòa Tấu (Orchestre symphonique). Sau khi đã bị cảm hóa, ông liền xin vào một ban nhạc JAZZ, nhưng bị từ chối, vì nhạc JAZZ đòi sự ứng khẩu, mà ông lại hoàn toàn không có tài đó. Ông bắt đầu giàn tau (orchestrer le Jazz) nhạc JAZZ và sau nhiều bản thí nghiệm, ông đã đạt tới một hình thức rất tài tình đến nỗi chính ông cũng phải ngạc nhiên: công việc giàn tấu nhạc Jazz của ông đã chinh phục được đám quần chúng từ trước bất mãn với vẻ quá thô kệch ồn ào của nhạc JAZZ thuần túy. Sau buổi hòa nhạc ở Scolran Hall tại Nữu Ước ngày 12-2-1924, Whiteman được coi là "Vua nhạc JAZZ". Thật là "một ngụy hiệu đối với một người đã được nổi tiếng và thành công nhờ một nguyên tắc không thể nào đi đôi với bản chất nhạc Jazz được." (Robert de KERS.) Cũng nhờ cơ hội này, nhạc Jazz được lan tràn trong các chốn và đến nay đã ảnh

hưởng đến mọi hình thức nhạc dễ dài (musique légère) cũng như nhiều nhạc phim cổ điển nữa. Nhưng cũng từ đó, nhạc Jazz dần dần mất bản chất của nó để biến thành muôn hình ngàn trạng, tùy theo sự rập khuôn và chế biến cách này hay cách khác của nhà tấu nhạc trong các ban hợp tấu.

Nhạc Jazz thuần túy chứa đựng tất cả những tính chất thô bạo, hồn nhiên của người da đen. Nhạc JAZZ khác nhạc cổ điển từ âm điệu (mélodie), tiết tấu (rythme), cho đến cách trình diễn và sự hợp tấu (orchestration). Nhạc JAZZ không được sáng tác theo một hình thức, một quy luật về âm thể cũng như về Hòa âm nhất định. Nó chỉ là những câu ca ứng khẩu, ngẫu hứng (improvisations) để phát biểu một cách hồn nhiên, nóng sốt những cảm tình, cảm giác kích động trong một nhịp điệu gần như đặc biệt của người da đen. ĐẶC ĐIỂM của nhịp điệu đó là sự LIÊN NHỊP (syncope musicale) hay NGHỊCH

NHỊP (contre temps) hầu như trong mỗi câu nhạc.

Sự Liên nhịp đó là kết quả tự nhiên của nhịp rung cảm đặc biệt sống động của người Da den và cũng là một sự đòi hỏi cần thiết của âm tiết (ascent) trong từ ngữ thổ âm Mỹ da đen (tiếng Hoa Kỳ bình dân). Sự liên nhịp đó làm cho nhịp hát có một đà thôi thúc mạnh mê, khiến cho người hát cũng như nghe phải sống động theo điệu hát. Về âm điệu, nhạc JAZZ không phải lệ thuộc vào những quy luật âm thể (ronalité) và chuyển âm (modulation) của nhạc cổ điển. Nó lợi dụng mọi phương pháp, mọi biểu cách để phát biểu cảm tình một cách thực sống động, phong phú màu sắc: sự uốn tiếng (flexion), sự rung tiếng (vibrato) dưới mọi hình thức trườn lướt, day tiếng, dặt dọng (glissando Acat, attaque) v. v... Đến sau khi các nhạc sĩ da đen đưa cách phát biểu cuồng nhiệt của các ca tấu áp dụng vào việc sử dụng nhạc khí, họ

lại dùng đến những cách biến chế thanh âm khác như: tiếng oa-oa (kèn wa wa), tiếng rít (growe) v.v...

Tất cả những yếu tố mới đó tạo nên một thứ nhạc thể riêng, gọi là HOT (Style HOT) đem cho giọng nhạc một nhịp thôi thúc, và một màu sắc man rợ.

Nhưng thể nhạc HOT cũng đòi hỏi một cách trình diễn đặc biệt: Duke Ellington Tổng thể một bản ca nhan đề là: I don't mean a thing, if It don't got that SWING (cái đó không nghĩa lý gì nếu nó không có vẻ SWING). Dư luận liền vớ ngay lấy danh từ mới đó và coi như một thủ thục JAZZ thuần túy: JAZZ thuần túy phải có về SWING. Thực ra, chữ SWING rất khó định nghĩa, Barney Bigerd trong ban nhạc Duke Ellington nói với Haruna Panassié về SWING: "Chơi nhạc cho có diệu SWING, chỉ có nghĩa là tấu diễn dòng nhạc với những kiểu nhấn mạnh âm

tiết a (accentuations) khiến nó thúc đẩy ta mãnh liệt đến phải ca vũ theo. Cái vẻ SWING không thể định nghĩa được. Mỗi nhạc sĩ có một cách tạo ra điệu SWING theo lối của họ, khác hẳn với lối SWING của nhạc sĩ bên cạnh. Và lối SWING ta cho là chính hiệu lại không còn đúng nghĩa với người khác nữa". (12 années de JAZZ).

Thực ra, muốn hiểu thế nào là HOT và SWING trong JAZZ, chúng ta phải được sống trước một nhạc sĩ danh ứng khẩu bài hát của ông. Lúc ấy, cả người nhạc sĩ là một cây đàn sống động. Điệu bộ và nét mặt ông ta sống theo nhịp hát. Một điệu bộ và nhịp hát sống động đến nỗi, những người người mê nhạc JAZZ khi nghe phải nhún nhảy hoặc làm điệu bộ theo. Chính giữa những phút trình diễn ấy, chúng ta mới có thể đo lường được cái vẻ SWING của một bản nhạc hay của một nhạc sĩ độc ca, chúng ta mới có thể hiểu ý nhạc mà người da đen sẵn mang

trong tâm hồn. » (Maurice le ROUX).

Như thế SWING và HOT là cái gì tự nhiên trong tâm hồn nhạc sĩ. Muốn trình diễn cho có HOT có SWING, nhạc sĩ phải ứng khẩu một bài ca của mình hay ít ra phải thấm nhập bài hát như chính một diệu phát ra tự đáy lòng mình vậy.

Tất nhiên, vẻ SWING và HOT chỉ có ở các nhạc sĩ da den mới thuần túy và tự nhiên. Nhiều nhạc sĩ da trắng cũng luyện tập cách trình diễn như họ, nhưng rất ít người theo kịp.

Trở về Việt Nam, dòng nhạc Cải cách chính là bắt nguồn từ nhạc thể JAZZ. Và cho tới nay, nó vẫn lệ thuộc vào cách sáng tác và hòa tấu của nhạc đó. Vậy khi nói đến vấn đề xây dựng một Nền Nhạc Việt, trước hết phải tự hỏi xem chúng ta cần có thái độ nào dõi với nhạc JAZZ. Nói cách khác, liệu nhạc

JAZZ có hợp với dân tộc tính Việt Nam không?

Ta phải nhận rằng nhạc JAZZ là một thứ nhạc của cảm giác. Cái vui của nó là cái vui nhộn, cái vui của đám đông, của hè phố, của chợ phiên, của khiêu vũ.

Không phải cái vui của tập thể (collectivité), của cộng đồng (communauté). Trái lại cái buồn của nó cũng lại là một thứ buồn ủy mị, lãng mạn, làm cho tâm hồn đắm đuối tê dại. Một điệu nhạc Jazz, vì có nhịp thức đẩy quá mạnh, nên dù vui, dù buồn, nó cũng đưa cảm giác của con người vào thế giới tê mê không còn tự chủ, mà cảm thấy cái sâu xa của phần tinh thần, phần nội tại của tâm hồn.

Nhạc JAZZ là thứ nhạc của thời đại máy móc, vật chất cảm giác và bản năng. Nhạc của thời đại lấy sự hưởng khoái cảm thật

nhanh, thật nhiều làm nguyên tắc. Và như thế, tất nhiên nó chỉ có thể là một thứ nhạc dễ dãi, tiêu khiển. Không phải một thứ nhạc xây dựng xã hội và con người.

Trái lại tâm hồn Việt Nam có một cái gì sâu xa thấm thía trong nội tâm. Người Việt Nam ưa cái gì êm đềm yên tịnh. Hồn người Việt chất nặng tình thương và lòng yêu HÒA BÌNH.

Nếu ngày nay chúng ta hòa mình vào đời sống hoạt động của xã hội, của tập thể, chúng ta phải đi vào bằng cái vui của tập thể, của cộng đồng chứ không đi vào bằng cái vui nhộn của lũ đông (foule). Cái buồn của chúng ta phải chứa đầy tình thương, tình yêu nhân loại chứ không thể là cái buồn thất vọng. lãng mạn của những người cá nhân ích kỷ.

Kết luận, "cái gì của Xê-Da, hay trả lại cho

Xê-Da". Chúng ta hãy đem nhạc JAZZ, trả lại địa vị của nó; địa vị dễ dãi vui nhộn, ồn ào, hay ủy mị, đắm đuối. Hãy trả nó về những rạp khiêu vũ, chiếu bóng và chợ phiên.

Còn chúng ta, chúng ta phải trở về học hỏi sâu xa kỹ thuật, hình thức và âm luật cổ diễn. Đó không phải là của một thời đại một dân tộc nào riêng biệt. Nó là nền tảng của nghệ thuật âm thanh. Và sau khí dã có một kiến thức sâu rộng về kỹ thuật âm thanh rồi, hãy trở về com người của mình, con người Việt Nam thuần túy với những rung cảm mãnh liệt của tình cảm dân tộc.

Lúc ấy, kỹ thuật đi thâu lượm được sẽ giúp anh diễn tả dễ dàng những tình cảm sâu xa, vui cũng như buồn mà người MẸ Việt Nam đã hun đúc trong anh. Ấy sẽ xây đắp một nền nhạc Việt thực ự.

Âm nhạc Viện Việt Nam đã mở cửa đón

những mầm non của đất nước. Tôi hy vọng rằng nó sẽ hướng dẫn được thế hệ này thoát ly trước cám dỗ của quỷ ma — là nhạc JAZZ — mà trở về suối trong của những ý nhạc ngọt ngào, tràn trề sức sống của dân VIỆT.

SÀI THÀNH THU 1956

HUÊ CHÂU

Trí thức và chính trị

Nhà triết học G. Luckas, người Hung Gia Lợi đã mất tích tại Budapest. Có người cho rằng ông đã bị cấm tù bởi quân đội viễn chinh Nga tại Hung.

Tác giả một số tác phẩm khảo tra về đời sống của GŒTHE và HEGEL. Ông là một trong những nhà triết học khảo cứu về thẩm mỹ. Đã hoàn thành xong dưới thời Staline một tác phẩm triết lý có khuynh hướng duy vật một cách rõ rệt nhưng không theo sát đường lối của Staline. Tác phẩm trên đã được những các nhà chánh trị Hung dương thời "yêu cầu" dừng xuất bản. Theo WEBER, một triết gia Đức được hân hạnh đọc bản thảo cho biết thì Lucka đã tách rõ những khuyết điểm lớn của chủ nghĩa Mác-xít trong tác phẩm ấy và thế cuốn sách đó không được xuất bản.

Bị chấp nhận sự nín lặng đó, nhà triết học người Hung đã chịu sống ẩn dật trong nhiều năm ròng.

Cuộc cách mạng Hung Gia Lợi đã đưa Nagy lên nắm chính quyền tại Badapest trong mấy tháng vừa qua. Nagy mời Luckas giữ nhiệm vụ giáo dục quốc gia. Cũng với chính phủ cách mạng Nagy, ông Luckas đã bị mất tích.

Những người trí thức thế giới đang kêu gọi để người ta đừng hủy diệt một trong những khối óc minh mẫn của thế kỷ. Vì những con người như Luckas hiện nay trên thế giới không còn được bao nhiêu.

TRẦN KHANG

NÊN ĐỂ TRẺ ĐƯỢC TỰ DO HAY NÊN NGHIÊM KHẮC VỚI TRẺ

HOÀNG MINH TUYNH

ĐÓ là một vấn đề khó giải, không lần nào tôi nghĩ tới mà không nhớ lại một cuộc hạnh ngộ khiến tôi gặp hai "nhân vật", vào lối bốn năm năm nay, chỉ cách nhau trước sau chừng hai, ba giờ. Người thứ nhất tôi gặp trong một cuộc hội họp bàn về phương pháp giáo dục, là một ông trạng sư, đã khá đứng tuổi, tầm vóc cao lớn, dáng điệu đàng hoàng, nét mặt cứng cỏi, cử chỉ tỏ ra dáng một người thuộc phái thượng lưu. Bằng một

giọng long trọng và quả quyết, như tuyên bố trước một tòa án, ông nói: "Cha mẹ cần phải quyết định tất cả mọi việc của con cái, cho tới khi chúng trưởng thành."

Lời tuyên bố của ông trạng sư không phải là không có một phần đích đáng, nhưng có lẽ vì lời tuyên bố đã thốt ra một cách hơi quyết liệt và hơi quá trịch thượng, nên một giáo sư — hình như là một giáo sư triết học — nhẹ nhàng phân giải, đại ý nói: quyền của bậc làm cha mẹ, đã đành không ai chối cãi được, nhưng cha mẹ không thể tuyệt đối nắm hết mọi quyền, thí du như quyền lựa môn học, quyền chọn chức nghiệp, v.v...

Ông trạng sư lập tức đối lại:

– Song, thưa ông, ông có biết, tỷ như con tôi, vì đánh lộn chẳng hạn, làm cho bạn nó bị thương, thì ai phải đứng ra chịu trách nhiệm không? Cha nó, chứ còn ai nữa! Vậy nếu cha

nó có trách nhiệm, thì tất nhiên cha nó phải có quyền chứ! Quyền ấy, người làm cha không thể viện một lý do gì để thoái thác.

Vị giáo sư mỉm cười, thủng thẳng đáp:

– Cố nhiên ! Nhưng thiết tưởng cần phải định rõ cái bản chất của các quyền đó, vì mỗi quyền đều có một bản chất riêng. Thí dụ ông có một con chó, con chó ấy cắn vào chân một người qua đường, bao nhiên thiệt hại do con chó ấy gây ra, tất nhiên ông cũng phải gánh chịu lấy tất cả chứ gì? Song có phải nhân sự ông chịu trách nhiệm đó mà kết luận được rằng quyền đối với con ông, cũng là một quyền đối với con chó của ông không?

Cái thí dụ tượng hình lý thú ấy khiến tôi nhớ mãi, và nó chứng tỏ đôi khi cần phải có một chút triết lý, một chút phân biệt cơ bản, một qui điều luật pháp, mới có thể đứng vững.

Sau khi cuộc họp giải tin, tôi ra về, tâm tư vẫn còn thắc mắc mãi về bài học luân lý ấy. Ngồi vào chuyến xe trở về, tôi thấy ở phía trước có một bà ôm một đứa con đã khá lớn, mà còn nhõng nhẽo rất khả ố, và ở phía bên, một người có dáng điệu là một phú thương học thức, tuy gương mặt hơi phì nộn. Người phú thương và tôi đều bị bắt buộc phải nhìn cuộc "tỷ thí" giữa hai mẹ con người thiếu phụ, mỗi lúc mỗi găng, cho tới khi gần xuống ga mới tạm dịu dịu. Bấy giờ người phú thương mới ngỏ với tôi ý kiến của ông về thanh niên hiện thời. Ông nói:

– Ngày xưa, ông cho chúng mình thật nghiêm khắc quá! Mà nghiêm khác như thế, đã chắc có lợi gì không! (Ông bĩu môi, khẽ lắc đầu tỏ vẻ hoài nghi). Bây giờ thời thế nó khác cả! Tôi có thằng con vừa đi chơi Ô Cấp tới một tụi "bồ" của nó, mà tôi cũng chẳng biết tụi bồ của nó là những thằng nào? Nó chỉ báo cho tôi biết trước hai ngày để... xin

tiền tôi, rồi đi mất. Ngày mình còn nhỏ, có bao giờ minh dám có ý nghĩ đi chơi như vậy! Ông tính thời thế nào kỷ cương ấy chứ! Bảo chúng tốt hơn hay xấu hơn mình khi xưa thì cũng chưa chắc! Duy có điều chắc, là chúng nó khác mình... thế thôi!

Ông bạn đồng hành của tôi có vẻ đắc ý với lý luận ấy lắm. Cứ theo ý ông, thì hình như xưa kia, ông cũng đã từng chịu một giáo dục nghiêm khắc. Đến nay, ngược lại, tới phiên ông làm cha, ông lại muốn cho các con ông một giáo dục tự do, có lẽ hơi quá tự do nữa. Nhưng ông trạng sư trên kia, hẳn cũng đã chịu một giáo dục nghiêm khắc! Vậy sao hai người lại có thể có hai phản ứng khác nhau đến thế! Thì ra hai nền giáo dục ấy tuy cùng một kiểu, nhưng kết quả của nền giáo dục không nhất định phải giống in nhau, tâm tính của mỗi người thụ giáo có dự một phần lớn ở trong.

* * *

Bởi thế, điều này làm ta phải suy nghĩ. Về cái vấn đề "nên để trẻ được tự do hay nên nghiêm khắc với trẻ", lập trường sâu xa của mỗi người chúng ta đều chịu ảnh hưởng nền giáo dục của chính chúng ta, và cũng chịu ảnh hưởng tâm tính riêng của mỗi người chúng ta nữa. Chúng ta thường yên trí cho rằng: lập trường của chúng ta rất phải chăng về vấn đề dạy trẻ, kỳ thực chúng ta đã vô tình bị bao nhiêu thành kiến, cảm xúc của riêng mình chi phối và quyết định mà mình không ngờ.

Sau khi đã phác họa qua loa hai lập trường cực đoan, chúng ta có nên giữ cái lập trường của lực lượng thứ ba, lập trường "ba phải", lập trường dung hòa uy quyền và tự do chăng? Chúng ta có nên để cho trẻ tự do,

đồng thời dùng uy quyền hạn chế bớt tự do của chúng lại chăng?

Cứ theo nguyên tắc, thì ý kiến ấy thật hay. Duy có điều khổ là ta phải lấy gì làm chuẩn đích cho sự dung hòa. Khi nào ta nên để cho trẻ tự do, khi nào ta phải dùng tới uy quyền, và dùng uy quyền tới mức nào mới không là quá đáng?

Theo thiển ý tôi, thì thực ra tự do không phải là một cái gì ta có thể ban cho đứa trẻ, chính đứa trẻ phải tự nó chiếm lấy lần lần. Một hành vì tự do là một hành vi của kẻ đã biết nhận thức trách nhiệm mình.

Một đứa trẻ không thể nhất đán nhận thức tất cả trách nhiệm nó, thì tất nhiên nó cũng không thể có một lúc đầy đủ tất cả tự do. Đứa trẻ mỗi ngày mỗi lớn, thì mỗi ngày mỗi nhận thức trách nhiệm, và mỗi ngày mỗi nhận thức trách nhiệm, thì nó phải được tự

do xứng đáng với sự nhận thức trách nhiệm của nó mới được.

Cha mẹ có thể tùy theo sự tiến triển lần của con người đó mà định liệu sự áp dụng uy quyền và có thể lấy sự tiến triển ấy làm mức cho việc sử dụng uy quyền đối với con cái: uy quyền phải lần lần rút bớt theo tiến trình nhận thức trách nhiệm của đứa trẻ.

Những chủ nghĩa cá nhân tư lợi không đếm xỉa gì đến công lý xã hội, cũng như chủ nghĩa độc tài chuyên chế không đếm xỉa gì đến phẩm giá và tự do của con người, đều là những con đường dẫn tới đọa đày, nộ lệ.

Tổng Thống NGÔ ĐÌNH DIỆM

SAU GIẤC NGỦ MƯỜI NĂM

Truyện ngắn của MINH ĐỨC

PHONG cúi rạp mình trên chiếc xe đạp bong sơn để lấy trớn. Chiếc xe quá cũ, op ẹp dưới sức nặng của Phong và chiếc ba-lô hàng. phải lượn qua, lượn lại, chậm chạp, cực nhọc như một con rắn nước muốn nhoai mình lên khỏi bờ ruộng.

Đến đình đèo Mỹ Trang, mặc dầu mồ hôi nhễ nhãi, Phong thấy người nhẹ nhóm như vừa trút được gánh nặng. Chàng thở đánh phào. Phong thong thả duỗi thẳng chân trái, ấn nhẹ xuống bàn đạp, cho xe đổ dốc. Chiếc xe xé không khí, vun vút bay trên đoạn đường

long nhựa, lổm chổm đá. Gió quất mạnh vào mặt, quạt vào hai tai, rít lên từng hồi theo trớn chiếc xe, như đạn reo giữa trận tuyến. Phong khỏe hẳn, người mát rượi như vừa được uống cốc dừa nạo.

Bất giác Phong thấy lo lạ. Chiếc xe dã già nua lại thêm đôi lớp ruột quá luống tuổi, nhẵn thín gần đến "bố" vá đi vá lại có đến mười mấy lần. Mỗi lượt bánh trước vô ý dẫm lên một viên đá nhọn, Phong cảm thấy đau nhói như chính mình bị kim châm. Chàng nhổm mình đánh thót, ý muốn cho trọng lượng nhẹ bớt đi, mặc dầu chiếc xe đã cách xa hòn đá ác nghiệt.

Xuống khỏi chân đèo, Phong dựng xe vào gốc mù u, ngồi trệt trên bãi cỏ bên vệ đường. Chàng thấy đói lắm. Phong với tay kéo chiếc ba-lô nặng trịch những món cao đơn hoàn tán, mở vội túi ngoài, lôi ra nắm cơm gạo hẩm. Chàng thong thả cởi dây, bóc

lượt lá chuối non hơ lửa bọc ngoài, cẩn thận lượm từng hạt rơi vãi trên mảnh lá bỏ vào mồm, trước khi dùng con dao nhíp xắt từng lát mỏng chấm muối vừng. Phong nhai kỹ lưỡng, thận trọng miếng một, cố tận hưởng cái ngọt ngào của nắm cơm trong lúc đói lòng.

Những chuyến trước, qua đèo đâu sớm thế. Đi một đoạn, lại phải ném xe đạp nấp máy bay. Giờ này, còn gỗ lưng trên đoạn dường xuyên cánh đồng Mộ Đức chảy nắng. Mấy tháng gần đây, Việt Minh dốc toàn lực tấn công Tây Nguyên, phối hợp với chiến trường chính Bắc Việt, cố thu vài chiến công làm hậu thuẫn cho chúng tại Hội nghị Genève. Máy bay phải trợ lực cho miền Tây, ít bắn phá dọc quốc lộ, vì thế con nhà buôn chuyến như Phong tương đối đi được xong suốt, đỡ lo.

Phong ngả người dưới bóng dâm của tàn lá mù u xanh đen loáng thép. Chàng lơ đãng dõi theo các bóng mây đuổi nhau trên vòm trời biêng biếc. Một làn gió mát nhẹ dưa. Vài cánh hoa rơi từ cành cao lảo đảo trên không rồi dán trên chiếc áo "xi-ta" bạc màu của Phong, mang theo một mùi hương thoang thoảng,

Phong khoan thai. Chàng cho tay vào túi quân rút bao Trường Xuân, bật lửa châm hút. Phong bâng quơ theo làn khói trắng đục quyện nhau, tan nhanh rồi mất hút trong không khí. Một cành khô gẫy rắc. Phong trở về với thực tại. Chàng lẩm bẩm:

– Ừ nhỉ, mà sao ta thực hiện được những việc vĩ đại đến thế?

Chàng mỉm cười. Tử anh chàng văn nhân mảnh khảnh, đến anh thợ cắt tóc rong khắp đồng quê, non xa hẻo lánh để với mình trong

cuộc sống cơ cực, mấy năm gần đây Phong ngang nhiên biến thành chủ lái hàng chuyến. Mánh khóe chẳng kém ai. Cũng "đầu phòng đá lửa ruột chứa ka-ki".

Mỗi tháng chàng làm những bốn năm chuyến bằng xe đạp "trâu già" từ Bồng Sơn đến Tam Kỳ, trên đoạn đường khứ hồi dài non bốn trăm cây số. Đối với chàng, những chuyến buôn như thế cũng có thể gọi là những cố gắng phi thường. Song với đồng bào trong giới thương nhân ở đây, lại là một chuyện cơm bữa. Để tránh máy bay, cướp thời gian, họ có thể đi từ Tam Kỳ tối hôm nay để 6 giờ sáng mai đến Bồng Sơn. Họ chở dép cao su nặng tới 7, 8 chục ký. Mỗi khi gặp máy bay, họ chỉ việc thắng xe, buông tay lối rồi nhảy. Chiếc xe bị ràng buộc quá nhiều phình to hai bên sườn, nghiêng nghiêng không còn đủ điều kiện để ngã nữa. Trong những trường hợp cấp bách, xe đạp cũng là thứ ngựa họ dùng để thồ bàn ghế, giường

chõng, cả đến mái nhà mỗi khi Việt Minh ra lệnh phải triệt để tản cư, thi hành vườn không nhà trống vì tình hình nghiêm trọng.

* * *

Mùa mưa đến, lụt lội, đường xá đứt quãng. Phong không dùng xe đạp, phải đi goòn. Đây là một phát minh mới của các "chiến sỹ thi đua" công nghiệp. Có thể nói một thứ thùng gỗ khổng lồ, có bốn bánh xe hỏa. Mái tranh che mưa chống bởi bốn cọc tre cắm bốn góc, chạy bằng "năng lực" và của "yếu tố", người tiếp sức, trên đoạn đường sắt vào ban đêm để tránh phi cơ oanh tạc.

Đến An Tân, Phong lại xuôi đò dọc về Tam Kỳ. Trên những chuyến goòn, chuyến đò dọc này, làm lúc Phong được dịp thưởng thức những điệu hát mới lạ nghe gầm gừ, ồ ồ rất là cách mạng đem từ Liên Sô, Trung Hoa "vĩ đại" về, của anh cán bộ công tác cao hứng

vừa lấy chân gõ nhịp thình thình xuống sàn goòn, vừa ê a hoặc giọng hò của cô lái đò "lạc hậu" nào vọng từ bên kia khúc sông, êm êm nhẹ lướt trên dòng nước loáng bạc những đêm trăng sáng.

Hà hơ… ơ ơ…

Sông sâu nước chảy lững lờ.

Cắm thuyền em đợi, em chờ, em mong.

Vì ai nên phải ruổi rong.

Chèo khuya khuấy nước tìm không ra bờ?

* * *

Về đến cửa hàng mậu dịch Bồng Sơn, mới vừa xế. Phong tựa xe cạnh gốc vông đồng trụi gai, vào thẳng quán Mụ Gạo, định bụng ăn một hơi bốn năm chén chè đậu xanh đánh, cho đã thèm ngọt. Quán hôm nay chật ních.

Người ta vừa ăn vừa hỉ hả bàn tán xôn xao. Phong lắng nghe, té ra là tin đình chiến. Ban đầu, Phong ngỡ là họ đùa. Sau hỏi kỹ đầu đuôi mới biết sự thật. Phong mừng quýnh, người nôn nao theo câu chuyện không biết chán. Phong không thiết gì đến ăn nữa. Chè ngọt là món Phong thích nhất, bây giờ trở nên vô vị đối với chàng. Phong ăn hối hả cho chóng hết, đoạn và chiếc mũ lá kè, lên xe thẳng về nhà.

Thoạt thấy Xuân ẵm con ngồi ru ở ngưỡng cửa. Phong đã vội hỏi:

– Em biết tin mừng gì chưa?

– Tin mừng gì anh? Chắc là chuyến hàng này bán được giá lắm phải không anh? Nhưng thong thả hãy nói chuyện. Để em đi múc nước anh rửa mặt cho mát. Có một trái đu đủ vừa chín tới, em mới hái hôm qua. Em bổ anh xơi nhé!

Nói xong nàng dứng dậy chực xuống nhà. Phong không để ý đến cử chỉ âu yếm của vợ, gọi giật lại:

– Anh bảo đây này. Sao em lạc hậu đến thế. Chuyện được giá hay không, bây giờ không thành vấn đề. Hàng còn cả đây. Chốc nữa em đem ra phố gặp giá nào cũng bán phăng cho được việc.

Xuân ngạc nhiên:

– Sao hôm nay anh nói lạ thế? Cực khổ như thế này, cốt lấy bát mồ hôi đổi lấy bát cơm nuôi con, sao anh lại cho là không phải vấn đề. Theo anh, cái gọi là « thành vấn đề » là cái gì?

Đến lượt Phong ngạc nhiên:

– Thế ra em chưa được tin gì cả sao?

Phong nhìn thẳng vào đôi mắt bồ câu đen nháy của Xuân, đôi mắt duy nhất còn giữ được vẻ đẹp trọn vẹn năm nào. Chồng hạ thấp giọng, thận trọng từng tiếng:

– Đình chiến rồi em ạ!

Xuân cười giòn tan khiến Phong ngơ ngác. Chàng nghiêm nghị:

– Sao em cười? Tin đích dáng rồi đó. Không phải đùa nhé!

Xuân lại cười:

– Anh làm em hết hồn. Chuyện gì chớ chuyện đó thì em có chối cái gì đâu. Tin ấy em đã nghe từ hai hôm nay. Ông anh báo hơi muộn đấy nhé. Nhưng thử hỏi anh, đình chiếu liệu có ai mang gạo đến đong cho chúng mình không? Đình chiến hay không đìinh, theo em cũng thế thôi.

Phong hơi cau mày vì câu pha tròn và lối lập luận « đàn bà » của Xuân.

– Thật em không hiểu tí gì về chính trị cả. Có chịu khó học tập gì đâu! Để rồi lát nữa ăn uống xong, anh nói chuyện cho mà nghe.

Xuân vẫn chưa chịu thua, lườm chàng:

– Thôi, xin ông anh đi! Em ngấy cái thứ chính trị ấy quá!

Tối hôm đó, cơm nước xong, Phong gọi vợ lại bên giường, ngồi sát vào nhau tỉ tê như thời trăng mật. Xuân lắng nghe ra chiều chú ý lắm. Thỉnh thoảng nàng gật đầu khe khẽ để biểu đồng tình. Đôi mắt nàng bỗng long lanh, sáng hẳn lên như chiếc bấc sắp tắt được tưới thêm dầu. Ngoài kia, qua khung cửa liếp, trăng thượng tuần trải ánh ngà huyền diệu trên biển lúa đương tơ bát ngát. Một cơn gió thoảng, đem đến cho nàng tất cả cái

dịu mát khỏe người của chốn đồng không mông quạnh. Ning lim dim mơ màng, tưởng đến chân tôi rộng mở. Bỗng Xuân ôm chầm lấy Phong, áp má vào ngực chàng, ngẩng mặt nở một nụ cười sung sướng. Vài con cào cào xập xòe bên ngoài, lao mình qua khung cửa tìm ánh sáng.

* * *

Phong dự định đã lâu nhưng chưa tìm ra dịp. Việc nhà chàng xếp đặt gọn gàng đâu vào đấy. Lúc đầu định đưa vợ con về một thể. Tính đi tính lại. Phong thấy bất tiện quá. Bọn công an xã mấy lúc này theo dõi chàng ráo riết.

– Ừ, mà làm quái gì ta! Trước sau, cái Bình Định này cũng thuộc chính quyền Quốc gia. Lúc đó ta hợp tác cũng không muộn.

Chàng tự nhủ thầm như thế. Song nghĩ đi, nghĩ lại, thấy thủ đoạn thâm độc của bọn Việt Minh mà áy náy. Phong lẩm bẩm:

– Nếu chần chừ không thoát, rất có thể trước khi rút khỏi miền Nam, chúng thủ tiêu ta.

Bao cảnh tra tấn chém giết, chôn sống ám hại đẫm máu của Việt Minh từ khởi nghĩa, trong khói lửa 10 năm hiện về rõ rệt. Phong ghê tởm quá. Nhất là hình ảnh Võ Minh Vinh hiền từ, người bạn chí thiết của Phong, chập chời trong bộ quần áo vải ta trắng toát, quỵ xuống sau loạt súng của lũ sát nhân, máu xối xả nhuộm đỏ cả bộ cánh trinh bạch, làm mắt chàng hoa lên như bị phủ bởi màng sương đục. Trời bỗng tối sầm. Trước mặt chàng là cả một bóng tối dày đặc, mênh mang ghê rợn.

Chàng thở dài sau phút suy nghĩ rồi quyết định.

Phong gọi Xuân dặn nhỏ mấy câu. Xuân xếp gọn quần áo vào ba lô, cột sau yên xe như những chuyến buôn thường lệ. Thằng Bi bá cổ chàng quyến luyến. Chàng lặng lẽ hôn hít con rất lâu, áp mặt vào đôi má bọng sửa của Bi, đoạn trao cho vợ. Phong nắm chặt tay Xuân. Cả một tình yêu nồng cháy, tràn ngập dâng lên sóng mắt. Cái nhìn đắm đuối của Phong lúc này giá trị hơn muôn vàn câu thương nhớ chân thành, thắm thiết nhất...

Phong nhảy lên xe, cắm cổ đạp. Chiều hôm đó, chàng đến Sông Vệ. Dân công tụ ậtp trước mấy dãy quán đầu cầu, sửa soạn quang gánh để vận tải tài liệu, đạn dược, lúa gạo mới chuyển từ bên kia sang mấy ngày nay. Cán bộ luôn mồm quát tháo, đốc thúc, với tất cả cái bối rối, nôn nóng rút lui kịp thời. Thật là một cảnh chạy lụt, cứu hỏa. Người dân công

vẻ mặt rầu rầu, nghĩ đến con dường dằng dặc đường dằng dặc Sông Vệ – Tam Quan, với gánh nặng năm mươi cân mà ái ngại. Họ lầm lì, khắc khổ chịu đựng để trả xong món nợ "nhân lực" cuối cùng của mình cho bọn Việt Minh Cộng Sản.

Để tránh con mắt soi mói của bọn công an Việt Cộng bủa lưới khắp nơi, Phong mua qua loa vài món hàng chiếu lệ. Chàng mon men theo đường xóm ra bến. Con sông Vệ trong vắt thanh bình xuôi dòng ra biển cả. Bên kia cầu phao, quốc kỳ Việt Nam đang reo vui trong gió lộng. đẹp làm sao! Phong nhìn không chớp, chàng cảm thấy mừng mừng, tủi tủi như lúc vừa bắt gặp bóng dáng mẹ hiền đột hiện dưới rặng tre xanh đầu làng, mỗi khi chàng di học xa mới về.

Tối đến, nhân trời mưa lâm dâm, Phong sang sông nhờ một chiếc thuyền con đã hẹn trước. Thoạt bắt gặp hình ảnh người lính

quốc gia, với bộ quân phục sáu túi đang nghiêm chỉnh cầm ngay cây súng, đi đi, lại lại, trước bót gác, chàng lo sợ làm sao! Phong chậm bước. Chàng thừa hiểu đó là tất cả luận điệu xuyên tạc xảo trá của Việt Minh, nhưng những vu cáo quá nhiều về người lính, lời tuyên truyền dai dẳng suốt chín mười năm trời đã ăn sâu vào tiềm thức, dầu sao sự gặp gỡ đầu tiên cũng gây cho Phong ít nhiều ái ngại.

Phong trấn tĩnh, thầm cười cho việc nhút nhát vô nghĩa của mình. Phong mạnh dạn tiến bước, đến đứng trước mặt người lính gác. Sau khi tự giới thiệu sơ qua lai lịch, anh lính gật đầu, gọi bạn đồng ngũ bằng mấy tiếng kẻng giòn tan, đưa chàng vào ban chỉ huy để cấp giấy.

Hai viên Trung úy tiếp chàng niềm nở. Xong chén trà bốc khói khai vị. Phong trình bày cả thiện chí của mình. Ban chỉ huy bảo

chàng viết đơn và cấp ngay cho chàng chiếc thẻ hồi cư. Họ lại có nhã ý cho chàng di nhờ chuyến xe quân sự tối nay về Đà Nẵng. Phong cảm thấy việc tiếp xúc với xã hội trở lại thăm thiết ấm cúng từ đây.

Đường xá nhiều đoạn bị cắt xẻ, cầu cống nghiêng ngả tàn tật bởi chính sách Việt Minh chưa kịp hàn gắn, làm lúc xe phải chồm lên, vật xuống, khó nhọc để làm tròn sứ mệnh nối liền miền tự do với vùng giải phóng. Phong một tay bám chặt vào thành ghế, một tay với lên sườn trần dễ giữ vững vị trí. Cố gắng lắm và nhất là nhờ ve dầu Nhị thiên, chàng mới kìm chế được khỏi nôn mửa. Chàng xa "vùng cụ Hồ kiểm soát", nỗi nhọc nhằn cũng vơi dần. Đường phẳng phiu, xe chạy mỗi lúc một êm và nhanh hơn. Đà Năng hiện từ xa, ngợp dưới ánh diện. Xe ngừng lại trước gian nhà người quen mà Phong đã cho tài xế biết trước số. Phong bàng hoàng vì biệt thự đồ sộ, hoàn toàn đổi mới, khác hẳn chín năm về

trước. Qua rào sắt, nhờ ánh sáng dịu của đèn nê-ông, Phong nhận rõ tất cả cái lộng lấy xa lạ của lối bài trí bên trong. Bỗng Phong đâm hoài nghi đến trí nhớ, ngập ngừng chưa dám bước qua ngưỡng cổng.

Trưa hôm sau. Phong về đến Huế nhờ một chuyến ô tô nhà của người bạn thuở còn đi học. Ngự Bình vẳng nhạc thông reo, duy dòng Hương còn giữ được vẻ lững lờ muôn thuở. Thuyền vẫn san sát dưới bến Hàng Bè như muốn truyền cho nhau hơi ấm để chống lại cái lạnh buốt người của xứ Huế. Mới lạ nhất đối với chàng là đường phố. Người đi như trẩy hội. Xe cộ làm chàng ngợp mắt. Còi rít tứ tung khiến chàng rộn lên niềm vui phấn khởi. Phong chăm chú vào các tủ bày hàng, quên cả đi như một em bé lâu ngày được mẹ dắt dạo phố sắm quà tết. Cái gì đối với Phong cũng đẹp, cũng lạ cả. Phong ngắm kỹ từ con búp bê mũm mĩm nhún nhảy trên cây đu, đến mấy chiếc vòng sáng loáng đang

múa lộn chung quanh pho tượng ngọc thạch không biết chán. Những viên kẹo ngũ sắc nhảy lên nhảy xuống trong tủ kính hàng bánh ngọt cũng đủ sức lôi cuốn làm chàng ngừng bước. Thật là chú Mán lạc chốn kinh kỳ! Bóng dáng cô nữ sinh Đồng Khánh lê gót son về bờ cỏ ướt, thướt tha uyển chuyển vào buổi sáng mờ sương làm say đắm lòng trai xứ Quảng xa xưa lại trở về nguyên vẹn.

Học trò trong Quảng ra thi

Thấy cô gái Huế bỏ đi không đành

Phải chăng tâm trạng của Phong lúc này là tâm trạng của cậu học sinh thời đôi tám? Không, Phong sung sướng đến ngây người chỉ vì thực tế đã tát vào mồm mép vu khống về các cô gái Huế của lũ Việt Minh.

Tuy các cô phục sức có phần lộng lẫy, kiểu diễm thật, song vẫn giữ được vẻ đẹp

thầm kín nhu mì. Vẫn làn da trắng mịn, vẫn nụ cười nửa miệng e thẹn núp dưới bóng nghiêng nghiêng của vành nón bài thơ cổ điển.

– Làm gì mà thử người ra thế? Lại phải lòng cô nào rồi?

Cái vỗ vai đột ngột làm Phong giật mình quay lại.

– Trông anh không khác gì mấy. Chỉ hơi đen và gầy sơ thôi. Anh nhận ra tôi không?

Phong bỡ ngỡ nhìn người khách lạ từ đầu đến chân. Chàng ngập ngừng:

– Xin lỗi... anh. Tôi thấy quen quen, nhưng không nhớ ra tên.

Người thanh niên gọn gàng trong bộ rét lịch sự, nhoẻn cười rồi nhanh nhẹn:

– Bính đây anh! Nguyễn Văn Bính, đại dốt toán hay qua nhờ anh vẽ đấy. Anh về đây bao giờ?

Phong nhớ ra rồi. À! Té ra chú Bính nhút nhát e lệ như gái nhà lành, con bà hàng xóm cạnh nhà chàng trọ năm xưa.

– Tôi mới về hai hôm nay. Anh nhận ra tôi giỏi thật. Thế bây giờ anh làm gì ở đâu?

– Dạ, tôi vừa ra trường y khoa năm ngoái. Hiện giờ đang tập sự tại bệnh viện Huế.

Phong như nói một mình:

– Y khoa bác sĩ. Mới đó... Chóng thật.

Chàng liên tưởng ngay đến quyển "Giấc ngủ 10 năm" của Trần Lực mà chàng có dịp đọc ở Liên khu Năm. Trong đó Trần Lực kể chuyện người Vệ Quốc, thành phần bần cố, bị thương trong trận kịch chiến với Pháp,

phải dùng thuốc mê để cưa chân tại bệnh viên chiến khu. Sau 10 năm, anh chàng tỉnh giấc, bàng hoàng trên giường lò xo êm ấm, trong căn phòng lộng lẫy, bên cạnh cô gái hiện là nữ bác sĩ điều khiển bệnh viện.

Dựng lên mẩu chuyện, Trần Lực cốt mê hoặc nhân dân rằng sau 10 năm kháng chiến thắng lợi, kiến thiết Xã hội chủ nghĩa nhất định thành công giai cấp bần cố sẽ tiến bộ, sung sướng như trên thiên dùng.

Câu chuyện tiểu thuyết vùng Việt Minh đem liên hệ với thực tại. Phong cảm thấy chính mình bị ru ngủ mười năm trong vùng cộng sản mà không hề hay biết, Mười năm qua rồi, người dân sống trong hỏa ngục đỏ đã khổ, lại càng khổ nhục hơn! Giờ dây, sực tỉnh, Phong ngỡ ngàng giữa cảnh văn minh, phồn thịnh của chốn thần kinh huyện náo.

Chàng lẩm bẩm:

– Đây mới là sự thật sau một giấc ngủ 10 năm.

Huế, giữa mùa giá lạnh 56.

MINH ĐỨC

Khi kẻ trộm vào nhà Thi sĩ

Verlaine là một thi sĩ Pháp, nhưng nghèo mạt rệp chẳng khác những thi sĩ chuyên nghiệp xứ mình. Ông chỉ có mỗi một bộ đồ và chỉ giặt vào ban đêm mới kịp khô để sáng mặc đi đây đó. Nếu không giặt thì tối đến, ông cởi ra, xếp lại cẩn thận và lót dưới nệm cho nếp ủi được còn nguyên.

Ấy vậy mà có một đêm nọ, một tên trộm lén vào nhà định kiếm chác chút ít. Hán rọi đèn bấm, mở các học tủ bàn giấy để tìm tiền bạc hay đồ quý giá.

Nghe tiếng động, thi sĩ Verlaine giật mình thức giấc, nhưng chẳng buồn ngôi dậy bắt, vì ông dư biết nhà chẳng có gì. Thấy tên trộm hí hoáy tìm tòi mãi, thi sĩ phát lên cười. Tên trộm đã không sợ mà còn phát cáu, quay lại hỏi: "Ê! Cười gì vậy?"

Thi sĩ tiếp tục cười, rồi trả lời: "Mày bảo tao đừng cười! Mày là một thằng chí ngu! Giữa đêm khuya khoắt thế này, chú mày lại vào nhà tao rọi đèn tìm một vật mà ban ngày tao tìm kiếm đỏ mắt không ra. Chú mày còn bảo tao nín cười sao được?"

MỘT TIA HY VỌNG MỚI ĐẺ KHÔNG ĐAU

Ca dao ta có câu:

Đàn ông đi biển có đôi,

Đàn bà sanh đẻ mồ côi một mình.

THẬT vậy, ở nước ta từ trước tới giờ, người chồng dù có thương yêu vợ đến mấy cũng không làm sao chia sẻ được nỗi đau đớn, có khi nguy hiểm đến tính mạng của người vợ lúc sinh đẻ. Và để tả nỗi đau đớn

cực điểm kia, ta thường nói « đau đến nỗi cầm sắt thấy mềm ». Thế nên, nói đến đẻ, chị em ta rất ngán và sợ, vi ta nghĩ ngay đến sự đau đớn phải chịu và ta không thể tránh được.

Nhưng gần đây vài nước văn minh đã thực hiện được việc đẻ không đau. Nhiều báo ngoại quốc thường nói đến vấn đề ấy và ngay một số chị em ta cũng bàn tán nôn nao muốn biết.

Hôm nay, chúng tôi muốn đem vấn đề mới mẻ này trình bày với chị em. Đây là một tài liệu chúng tôi đã được xem về việc đẻ không đau và mong chị em sẽ giúp thêm để nguồn hy vọng và lòng tin tưởng của Phụ nữ Việt Nam đối với vấn đề này được thêm vững chắc. Chúng tôi lại mong rằng các nhà chuyên môn ở đây, quan tâm đến việc nối dòng giống và đào tạo chiến sĩ tương lai, sẽ tích cực nghiên cứu vấn đề này để làm sao có

ngày nó được thực hiện ở xứ ta.

NỮ BÁC SĨ NGUYỄN THỊ LỢI: Chúng tôi tin rằng, một ngày kia, vấn đề « đẻ không đau » sẽ thực hiện được sâu rộng ở xứ ta một cách không khó khăn vì nó là một việc hợp nhân đạo, không đòi hỏi gì nhiều trong việc thực hiện mà lại có lợi cho tất cả mọi người: lợi cho bản thân người sản phụ, lợi cho nhà chuyên môn, lợi cho người giúp việc.

Chính đức Giáo Hoàng đã nhìn nhận nguyên tắc đẻ không đau và cho phép các con chiên thực hiện phương pháp ấy.

« Đẻ là một hiện tượng tự nhiên cho nên nó hoàn toàn không đau ». Lời xác nhận ấy đã làm cho bao người đỗi ngạc nhiên vì họ đã nhầm tướng đẻ là phải đau và không làm cách gì tránh được. Ông thỉ tổ đã gây dựng căn bản sự đẻ không đau là nhà đại bác học Pavlov. Ông cùng một số bác học và y sĩ

hoàn thành phương pháp giúp người đàn bà đẻ không đau và không cần thuốc men gì cả.

Nữ Bác sĩ Dương quỳnh Hoa

Chính cái điểm chót này mới là điều mới mẽ vĩ đại. Đúng ra, từ năm 1853, ở Anh, người đã dùng một lượng rất ít thuốc mẻ « ma túy dược » (Chloroforme) để làm giảm bớt sự đau đớn lúc sanh. Người đầu tiên được dùng phương pháp ấy là Hoàng hậu Victoria. Nhưng trong trường hợp đẻ không đau được

hoàn thành ở vài nước, người ta không dùng « ma tuy dược » hay bất cứ một thứ thuốc mê nào. Ta có thể nói là sự đau đớn được diệt tận gốc ở trong ý thức của người phụ nữ vậy.

Một cái máy điện báo trong cơ thể

Ta thử xem các nhà bác học đã suy nghĩ thế nào để lần lần đi đến khái niệm đẻ không đau này. Khởi đầu, ông Pavlov nghiên cứu về cử động phản xạ (réflexe). Một phản xạ cũng giống như một điện tín mà ngũ quan ta đánh đi và nhận được trả lời. Nó gồm có một kích thích tố (thí dụ: một mũi chích, một tiếng động, một sự đau đớn) mà ngũ quan ta ghi chép và truyền cho trung tâm thần kinh hệ bằng một dây cảm giác thần kinh; trung tâm thần kinh hệ lại truyền câu trả lời của nó cho cơ quan có liên hệ bằng một dây thần kinh khác. Thí dụ một con vật bị chích, mũi chích làm giựt cái chân lại. Từ khi bị chích đến khi giựt chân lại, phải đi qua con dường thần

kinh kể trên trong một khoảng thời gian rất ngắn.

Nhưng đó là những phản xạ tự động mà ta có từ lúc mới sanh. Ta còn gọi nó là phản xạ tuyệt đối (réflexe absolu). Song những phản xạ này chưa đủ để đảm bảo sự liên lạc cần thiết cho đời sống giữa cơ thể và thế giới bên ngoài. Ta còn có một thứ phản xạ nữa mà Pavlov đã đề cao vai trò trong đời sống người ta. Đó là phản xạ theo điều điện (réflexe conditionné). Sau đây là cuộc thí nghiệm trứ danh của Parlov: người ta đưa miếng thịt cho một con chó. Vì một phản xạ tự động, con chó nhểu nước miếng. Liền trước khi cho miếng thịt, người là rung một hồi chuông. Nếu ta lặp lại trò ấy nhiều lần, con chó sẽ nhiều nước miếng khi nghe tiếng chuông, không cần cho nó thịt. Ta có thể phổ biến thí nghiệm ấy với bất cứ thứ vật nào và cả với người nữa. Lẽ tự nhiên, trái với phản xạ tuyệt đối những phản xạ theo điều kiện

này chỉ nhất thời thôi. Nếu trong một thời gian lâu, là chỉ rung chuông mà không cho nó thịt, nó sẽ không nhểu nước miếng nữa khi nghe chuông.

Nhưng loài người có cái đặc điểm là khỏi cần đến những dấu hiệu do giác quan truyền cho. Với người có một thứ dấu hiệu thứ nhì, đó là lời nói. Trong những phản xạ theo điều kiện, lời nói giữ địa vị của một kích thích tố hay một câu trả lời. Chỉ nói đến tiếng chuông, người ta cũng phản ứng ý hệt như nghe tiếng chuông rung vậy.

Sự đau đớn lúc sanh đẻ là một phản xạ theo điều kiện

Pavlov nhận thấy rằng "giáo dục, học vấn, kỷ luật và những thói quen của chúng ta đều là một tràng dài phản xạ theo điều kiện". Thế cho nên, qua lịch sử loài người, sự kết hợp của sanh đẻ với đau đớn đã trở thành

một phản xa theo điều kiện. Không hiểu rõ ràng sinh đẻ là gì, lo lắng chờ đợi những đau đớn mà ta tự cho là không tránh khỏi, chính những cái đó đã gây ra sự đau đớn.

Các môn đệ của Pavlov, sau nhiều lần thí nghiệm đã tạo ra được những phản xạ theo điều kiện khiến đau đớn. Người ta giật điện một con chó, thật đau: cùng lúc đó cho nó ăn bánh. Lúc đầu con chó còn từ chối, sau nó chịu ăn. Thế rồi, đến một lúc, khi thấy sửa soạn máy điện là con chó đã sủa vui mừng vì chờ đợi bánh. Ta có thể gây ra một hiện tượng ngược lại và tạo ra một sự đau đớn nhân tạo.

Do lời nói, do giáo dục, các y sĩ có thể phá tan được phản xạ theo điều kiện. Phản xạ đó là sự kết hợp nỗi đau đớn với việc sanh đẻ. Đó chính là nguyên tắc mà các nhà bác học đã khởi tìm, đặc biệt nhà bác học Velvoski. Lúc đầu họ còn hơi lầm như là tưởng

dùng cách thôi miên thì có thể phá tan được sự đau đớn. Họ chỉ tiến triển thật sự khi họ hiểu rằng không phải là phá tan cái đau đờn của sự sanh đẻ mà là diệt trừ nguyên nhân hoàn toàn nhân tạo của những đau đớn ấy.

Vài nước trên thế giới đang truyền bá việc đẻ không đau mà không dùng thuốc men gì cả. Tổ chức xã hội của các nước ấy đã làm cho sự áp dụng phương pháp này được dễ dàng.

Ở Pháp nhờ hai bác sĩ Lamaze và Vellay, việc đẻ không đau đã thành sự thật. Một số phụ nữ Pháp đã sanh mà không hề biết đau đơn. Hai nữ bác sỹ Dương Quỳnh Hoa và Nguyễn Thị Lợi ở Pháp về có thuật lại với chúng tôi những điều mắt thấy tai nghe. Các chị đã học phương pháp ấy và đã tập sự tại nhà thương ở Pháp do bác sĩ Lamaze trông tỏ ra rất hoan nghinh và cảm phục những văn minh tiến bộ của nước người. Với ý định

đem chuyên môn của mình giúp cho phụ nữ Việt Nam bớt được một trong những nỗi đau đớn nhất đời, các chị đang thí nghiệm trong một phạm vi nho nhỏ để rút kinh nghiệm,

Thiệt là một công trình vĩ đại mang thêm biết bao hạnh phúc cho chị em.

Do đó, chúng ta nhận thấy việc trao đổi văn hóa giữa các nước rất quan trọng. Và nếu chúng ta có một quan niệm rộng rãi, đừng phân biệt chánh kiến, để cho phát minh kia được phổ biến sâu rộng khắp nơi, thì không bao lâu, hầu hết phụ nữ Việt Nam sẽ thoát khỏi được sự dày vò của những cơn đau đẻ mà chị em phải cô đơn chịu đựng từ trước đến giờ.

MINH PHONG

(Theo tài liệu « Ce qu'il faut savoir

sur l'accouchement sans douleur).

BÁCH KHOA SỐ 2.

Cuộc phỏng vấn hai nữ bác sĩ Dương Quỳnh Hoa và Nguyễn Thị Lợi về việc thực hiện phương pháp đẻ không đau.

« Răng cắn lưỡi »

Bài thơ của ông Nguyễn Hàm Ninh đời Tự Đức

Vua Tự Đức giết anh là Hồng Bảo vì tội muốn cướp ngôi. Về sau, trong một bữa ăn, nhà vua vô ý cắn phải lưỡi. Đình thần lấy đề tài « Răng cắn lưỡi » để làm thơ. Một trong những bài có ý nghĩa nhất của ông Nguyễn Hàm Ninh như sau:

Sinh ngã chi sơ, nhữ vị sinh.

Nhữ sinh chi hận, ngã vi huynh.

Bất tư cộng hưởng trân cam vị,

Hà nhẫn tương vong cốt nhục tình.

DỊCH NÔM:

Thuở bác sanh ra, chú chửa sanh,

Từ sanh ra chú, bác làm anh

Ngọt bùi chẳng để cùng san cả,

Cốt nhục đang tâm nghiến đức tình.

Tương truyền rằng nhà vua khen hay, thưởng cho tác giả mỗi câu một lạng vàng, nhưng vì ý thơ sâu cay, nên lại phát tác giả mỗi chữ một trượng.

* * *

Những cố gắng của chúng ta phải nhằm vào mục tiêu cải thiện dời sống quốc dân, nâng dỡ các giới cần lao, nhất là nông dân, san bằng những nỗi bất công, trừ diệt mọi mầm áp bức.

Tổng Thống NGÔ ĐÌNH DIỆM

MỘT NỮ CÁN SỰ XÃ HỘI THUẬT LẠI ... CÔ ẤY KHÔNG GHEN

ĐÀN ông thường nói: "Đàn bà hay ghen". Nhưng phụ nữ chúng tôi lại bảo: "Đàn ông ghen hơn đàn bà". Song phụ nữ có làm gì đáng quở trách đâu thì các ông làm sao ghen được. Nếu rủi có bà nào dễ thương với nam giới một chút thì mấy ông quất cho một mũi súng hay một lát dao, thế là xong đời còn đâu nữa để mấy ông ghen. Còn phụ nữ bị các ông xâm phạm quyền lợi mình quá, có khi phản bội nữa là khác mà không có gì tự vệ nên phải dùng đến ghen. Ghen âu cũng là một phương tiện tranh đấu của nữ

giới để đòi bình đẳng về tình yêu. Theo phụ nữ chúng tôi, làm như thế là hợp lý, trong khi chờ đợi các ông chồng "băm lăm" giác ngộ.

Muốn vợ hết ghen, các ông chồng phải tự tranh đấu với bản thân, để đừng lạm quyền, vì những hành động thỏa mãn tình cảm riêng của các ông là nguồn gốc của những cơn ghen bộc lộ hay tiềm tàng trong đáy lòng rồi làm phụ nữ mắc phải những bệnh nan y, có khi phải chết, mà chính ông là thủ phạm nhưng lại không ngờ.

Chúng tôi xin lược dịch câu chuyện sau đây mà chúng tôi cho là rất thiệt và rất khoa học. Chúng tôi xin hiến các ông chồng, để giữ cho gia đình thêm hạnh phúc, nếu rủi các ông có vô ý lạm quyền.

* * *

"Chúng tôi ở chung một xóm, nhưng tôi không có dịp làm quen cô ta. Cũng đáng tiếc, vì có ta dễ thương vui vẻ, hoạt bát.

Cô lại rất khỏe, không mấy khi sổ mũi, nhức đầu hay ho cảm. Thế nên tôi không khỏi ngạc nhiên khi chồng cô tới kiếm tôi cho hay rằng vợ ông đau 'không thuốc nào trị được'. Ông biết tôi làm nữ cán sự xã hội và ở gần nhà nên ông tới hỏi ý kiến tôi, đó là lẽ tự nhiên.

Trông ông có vẻ thất vọng.

– Tôi không hiểu vợ tôi đau gì từ sáu tháng nay, ông nói. Cô biết, hồi hứa hôn cũng như năm đầu mới cưới, vợ tôi khỏe mạnh biết là dường nào!

Thế rồi, một bữa thứ năm, hai vợ chồng

tôi sửa soạn đi dự tiệc trà ở nhà một người bạn. Chính vì muốn làm vui lòng vợ tôi nên tôi mới đi, vì vợ tôi thích những buổi hội họp như thế. Hôm ấy, vợ tôi bận một áo dài thật đẹp, ngắm nghía trước gương rồi hỏi tôi:

– Anh trông em bận áo này coi được không?

Tôi đồng ý với vợ tôi:

– Em giống như đóa hoa, cưng ạ.

Bỗng nhiên vợ tôi mét đi, tái hẳn. lấy tay bụm miệng. Tôi lo ngại:

– Em thấy khó ở?

Vợ tôi không trả lời, xây lưng lại tối và đi thẳng vô phòng tắm. Tôi định theo vào thì vợ tôi đóng cửa, nói lúng búng:

– Anh đừng vô, anh đừng vô.

Tôi không dám làm phật ý. Một lát sau, vợ tôi trở ra, vẫn còn mét nhưng gượng cười. Tôi níu vai vợ tôi:

– Em, em sao thế?

Nhưng vợ tôi vùng ra:

– Không sao anh ạ. Không sao cả, đau nơi tim chút thôi.

Vợ tôi không nói gì hơn nữa và tôi cũng không nằn nì. Tôi hôn vợ tôi và chúng tôi đi dự tiệc trà.

Cặp mắt chiếu sáng, vợ tôi cười nói vui vẻ, như quên việc vừa xảy ra. Tiếc thay, chỉ chốc lát thôi, rồi chứng khó chịu lại trở lại. Tôi phải vực vợ tôi lên taxi về nhà. Đến nhà, vợ tới hết khó ở.

Tới đây bằng ông ngừng lại. Tôi mỉm cười hỏi ông là: "Và sau này bà có tiếp tục ụa

mửa nữa không?» Thấy tôi cười ông vội nói: "Tôi biết cô đoán gì rồi. Tôi cũng nghĩ như cô khi thấy những triệu chứng kia trở lại hoài. Phải, có một đứa con, còn gì sung sướng cho bằng đối với một cặp vợ chồng trẻ. Tôi bàn với vợ tôi: "Em đi thầy thuốc xem sao, chắc em có thai rồi". Vợ tôi cười: "Vô ích. Nếu có thai còn nhiều triệu chứng khác, đàng này em không có".

– Không quan hệ gì: nhiều người cũng có thai trong trường hợp như em.

Vợ tôi đồng ý sửa soạn đi. Muốn để vợ tôi khỏi ngượng, tôi không đi theo. Vợ tôi trông khoe lắm và chỉ có lần này là không ói mửa. Tôi nóng lòng chờ đợi, nhưng khi vợ tôi về thì ôi, thất vọng. Thầy thuốc nói vợ tôi không có thai và khỏe mạnh như thường.

Riêng tôi thấy vợ tôi ói mửa hoài, tôi rất khô tâm và khổ tâm hơn nữa là từ hôm đi

thầy thuốc về, vợ tôi ốm hẳn đi, giờ chỉ còn có bộ xương. Tôi phải dìu vợ tôi khi chúng tôi đi ra phố.

Trong vẻ rầu rĩ và thất vọng của ông ta, tôi hứa sẽ săn sóc vợ ông.

Khi cô ta đến, tôi nhìn không ra. Người đàn bà mạnh khỏe, trẻ trung với giọng nói lanh lãnh hồi xưa không còn nữa. Giờ cô ta chỉ còn da bọc xương. Tôi hỏi có đầu đuôi. Thì ra có ta đã đi hết thày thuốc nọ đến thầy thuốc kia. Họ đã trị gan, ruột, bao tử và tim cho cô ta nữa, nhưng vô hiệu quả. Thất vọng, cô ta đến nhờ tôi giúp đỡ.

– Cô ở trong nghề, có lẽ cô có thể gởi gắm tôi cho một bác sĩ trị bệnh thần kinh. Biết đâu...

Tôi giới thiệu cô ta cho thầy cũ tôi ở khoa thần kinh bệnh viện. Ông cho trường hợp

đáng chú ý nên ông nhận trị cho cô ta.

* * *

Bẳng đi cả mấy tháng, thì không nghe nói về cô ta. Tình cờ một hôm tôi gặp lại ông thầy cũ. Tôi hầu như quên chuyện đã qua, ông nhắc lại. Thấy tôi khao khát muốn biết, ông cho hay:

– Hồi chị giới thiệu cô ấy, tôi ít lo sợ hơn chị. Tuy thân thể cô ta xem bạc nhược, nhưng cô ta vẫn còn cặp mắt lanh lẹ và cử động khá hoạt bát khiến tôi tin có thể trị được. Cô ta tới một lần hai lần, mười lần và sau cùng đến mỗi ngày. Tôi tưởng căn nguyên bệnh là ở thời thơ ấu của cô ta, nhưng không kết quả gì vì thời thơ ấu cũng như thời thanh xuân của cô chẳng có gì lạ. Không chút dấu hiện gì tả sự mất thăng bằng, không một cảm kích

gì có thể cắt nghĩa những triệu chứng mà chị đã biết. Giờ đến thời kỳ hứa hôn của cô ta.

– Đó là cuộc hôn nhân vì ái tình? Tôi hỏi.

– Phải, rất là thơ mộng. Chồng tôi ở ngang nhà tôi. Thường ngày chúng tôi mỉm cười với nhau qua cửa kiếng trước khi chồng tôi dám ngỏ lời.

– Hai người thích nhau liền?

– Thích liền. Tôi được toại nguyện. Những cái hôn dưới ánh trăng hay sau cổng, một cuộc hôn nhân vì tình yêu. Một người con gái còn mơ mộng gì hơn nữa!

– Khi lấy nhau rồi có có thất vọng gì chăng?

– Ồ! Không. Chồng tôi là người rất âu yếm, rất dễ thương hơn hết thảy các ông chồng. Anh ấy chỉ chú ý có mình tôi: những

cái nhìn cũng để dành riêng cho tôi. Không ngày nào anh ấy không chú ý làm vừa lòng tôi.

– Phải rồi, lúc đầu thì thế, nhưng về sau, cô có phiền trách ông nhà chút gì không? Biết đâu... ít dễ thương với cô mỗi chút, bớt âu yếm chút xíu thôi.

– Không, tôi không thấy… không... nhưng cái đó có quan hệ gì…

Tới đây, tôi thấy cô đỏ mặt. Tôi nói sẽ với cô ta. Tôi không dám làm cô ta sợ, không dám đột ngột e làm tan mất kỷ niệm nhẹ nhàng, mỏng manh.

– Thiệt ra điều đó không quan hệ gì, nhưng cô cứ nói đi. Giải bày tâm sự được cũng thấy êm đềm, dễ chịu.

– Ông nói có lý, điều đó không quan hệ, nhất là tôi lại không ghen.

Tôi cảm thấy gần tới đích. Tôi không nói nữa. Yên lặng tràn lan. Thường thường, đối với bệnh nhân, thời gian chết ấy tiết lộ nhiều điều. Tôi không dám phá yên lặng. Cô ta hơi lo. Sau cùng cô ta nói thật mau một cách không mạch lạc. Nhưng tôi cố gom góp ý cô, đại để:

– Lúc trước, khi tôi nói chuyện với anh ấy về phụ nữ... tôi nói... anh... anh ấy cười. Chỉ có mình tôi không ai khác, anh ấy nói không bao giờ... chú ý tới phụ nữ khác. Khi tôi chỉ cho anh một phụ nữ ở ngoài phố, anh ấy không dòm... chỉ cười, rồi hôn tôi. Tôi không ghen đâu… không... nhứt là... Ông đừng tin... Ồ! Không đâu... không…

Rồi cô ta khóc và lại bình tĩnh nói:

– Tôi không hiểu có chuyện gì xảy ra, nhưng một hôm tôi rất xinh đẹp với chiếc áo trắng, thật trắng. Anh ấy dòm một người đàn bà không đẹp. Rất tầm thường, Lúc đầu tôi không chú y, nhưng gặp một thiếu nữ thứ hai, anh ấy cũng nhìn, rồi người thứ ba cũng thế. Ồ có gì đáng tôi đâu. Tôi không ghen. Nhưng mỗi lần chúng tôi đi ra, anh ấy sinh tật cứ dòm phụ nữ khác hoài.

– Ông ấy không dễ thương với cô như trước?

– Vẫn dễ thương. Anh ấy vẫn ân cần và mê tôi. Tôi càng đau nhiều, anh ấy càng dễ thương với tôi. Tôi không ghen. Nhứt là tôi cam đoan với ông, tôi không ghen.

* * *

Bấy nhiều đủ rồi, ông thấy tôi nói tiếp. Tôi hiểu rồi. Người thiếu phu kia tưởng mình không ghen, đang chết mòn vì ghen. Nguyên do thuộc phạm vi thể chất của chứng bệnh là vô ý thức muốn được chú ý và đem nỗi đau khổ tinh thần lên địa hạt sinh lý. Triệu chứng đó phát ra mỗi khi hai vợ chồng cùng đi. Điều giúp tôi tìm ra là không bao giờ cô ta ói mửa khi đi đâu một mình. Những lúc buồn nôn không tránh khỏi, chứng tỏ cô ta không chấp nhận tình trạng làm cho có ta khổ sở mà chính cô ta không có ý thức. Mà cô ta làm sao hiểu thấu được vì chồng cô lại yêu cô thêm. Những triệu chứng của bệnh thần kinh ấy đã chắc chắn. Về phần tôi, tôi cũng không phải tốn nhiều công để khuyên cô ta tin về chứng bệnh ấy... và để khiển trách chồng cô ta và ông cho là lạ lùng quá.

Ông thầy tôi im lặng. Tôi hỏi:

– Giờ cô ta thế nào?

– Cô ta thêm được tám kí-lô.

THU TRÙNG

(Thuật theo bài

"Elle... n'est pas jalouse".)

Ta chớ nên lẫn quyền lợi của ta với lẽ công bình, vì có những lẽ công bình phản ngược lại quyền lợi của ta.

Hồng Y SALIÈGE

Các anh em phải tận tâm săn sóc đến cuộc sinh hoạt hàng ngày của đồng bào, luôn luôn tìm hiểu nhu cầu và nguyện vọng của đồng bào, để ân cần giúp đỡ về mọi phương diện.

Tổng Thống NGÔ ĐÌNH DIỆM

MỘT GIAI ĐOẠN MỚI TRONG CHÍNH SÁCH KINH TẾ

BÙI VĂN THINH

TRONG mấy năm qua, vấn đề chính trị và quân sự đã quá quan trọng làm chính phủ phải tạm gác một bên các vấn đề kinh tế. Khi hiệp ước Genève ký kết ngày 20-7-1954, chia sẻ nước Việt Nam, chiến tranh ngưng, nhưng an ninh và trật tự chưa vẫn hồi ngay được. Chính phủ Việt Nam còn phải giải quyết bao nhiêu vấn đề chính trị với Pháp để thực hiện được nền độc lập, phải đương đầu với các đạo phái võ trang, xưng hùng xưng bá ở các địa phương và phải di

cư và định cư gần 1 triệu đồng bào đi tìm tự do. Nhờ có sự lãnh đạo cương quyết và sáng suốt của Ngô lãnh tụ, thống nhất được về quân sự và hành chánh.

Sang năm 1956, dân và chính phủ Việt. Nam đã có thể để tâm với việc phục hưng kinh tế, sắp đặt và thực hiện các kế hoạch khuếch trương kỹ nghệ, thương mại và canh nông. Trong bài diễn văn lịch sử đọc nhân dịp khánh thành đập Đồng Cam tại Tuy Hòa, Ngô Tổng Thống đã nói: "Trong bất cứ nước nào, có những lĩnh vực kinh tế mà người ngoại quốc không nên can thiệp vào. Muốn kiện toàn nền độc lập của ta, ta phải dần dần giành lại chủ quyền kinh tế trong những ngành hoạt động then chốt."

Bách Khoa *là diễn đàn chung của tất cả mọi người có thiện chí muốn góp ý kiến vào công cuộc phục hưng quốc gia. Bởi vậy chúng tôi đăng nguyên văn của tác giả để rộng đường dư luận.*

BÁCH KHOA

Giành lại chủ quyền kinh tế để thực hiện nền độc lập trong tất cả các hoạt động của Quốc gia, nhưng cùng lúc đó phải phục hưng kinh tế, những công tác đó không phải là dễ dàng trong hoàn cảnh của nước Việt Nam sau 15 năm loạn ly. Đường xá, cầu cống bị phá hỏng hay hư hỏng tới 80%, ruộng nương bị bỏ hoang, kỹ nghệ và tiểu công nghệ hầu như bị tê liệt hẳn. Trái lại, ngành thương mại sống về việc nhập cảng phân phối, hàng ngoại hóa bành trướng quá sự cần thiết và làm cho đời sống thêm mắc mỏ. Nhờ có viện trợ Mỹ và các hoạt động bất thường của các thương

gia mà các thành phố có vẻ mặt phồn thịnh xa hoa làm cho có người quên cái sự thật bên trong rỗng tuếch.

Đi từ một nền kinh tế chiến tranh đến một nền kinh tế hòa bình đã gặp nhiều nỗi khó khăn rồi. Hơn nữa, cùng lúc ấy, Việt Nam phải đi từ một nền kinh tế thuộc địa tới một nền kinh tế độc lập, các trở ngại càng thêm nhiều nữa. Các yếu tố cần thiết để khuếch trương kinh tế là: tư bản, nhân công, và hoàn cảnh thuận tiện. Người Việt Nam hầu như không có tư bản, vì bao nhiêu năm thuộc địa, các ngành hoạt động đều do người ngoại quốc nắm cả. Về nhân công, có thừa nhân công không chuyên môn, nhưng thiếu nhân công chuyên môn, nhất là nhân công chỉ huy, gần như không có. Tuy trật tự và an ninh đã trở về, tâm trạng con người chưa thể thay đổi ngay được. Người ta đã quen với những sự hỗn loạn, những sự buôn bán chợ đen, đầu cơ, tích trữ, những gia tài xây

dựng nhanh chóng và tiêu tàn cũng nhanh chóng, những sự biến chuyển đột ngột trong các hoàn cảnh, những nghiệp vụ bất hợp pháp nhưng lợi nhiều... Người ta đã quen lãi tới 100% trong vài tháng cho nên người ta không chịu bỏ vốn ra để khuếch trương kỹ nghệ, vì phải chờ tới một, hai năm mới có lãi.

Lúa gạo bán ra ngoại quốc hàng năm, nông dân V.N. chỉ được hưởng có 12%, còn 88% kia dùng để trả tiền hoa hồng hay lãi cho các ngân hàng, công ty bảo hiểm, các hãng xuất, nhập cảng, công ty vận tải — nghĩa là những trung gian ngoại quốc.

Phải cải hóa tâm trạng con người mới phục hưng được nền kinh tế. Phải phân phối lợi tức điều hòa trong các ngành hoạt động, để cải thiện đời sống toàn dân, thiết lập một nền dân chủ kinh tế. Phải phá bỏ đặc quyền mà một thiểu số đã lợi dụng hoàn cảnh để riêng hưởng.

Những biện pháp mới về kinh tế

Trong mấy tháng nay, bộ Kinh tế đã hoạt động ráo riết, từ khi đứng ra riêng biệt, không lệ thuộc vào Bộ Công chánh, Bộ Tài chánh hay bộ Kế hoạch như trước.

Nhận thấy rằng, số nhà nhập cảng tương đối quá nhiều làm cho việc cấp phát ngoại tệ, kiểm soát sự sử dụng các ngoại tế, phân phối hàng hóa nhập cảng rất khó khăn, bộ Kinh tế đã tìm cách điều chỉnh lại hoàn cảnh, thay thế điều kiện phải ký quỹ 10% số ngoại tệ xin cấp phát. và ấn định nhiều điều kiện khắt khe hơn, nhất là:

— Mỗi nhà nhập cảng chỉ được đóng nhiều nhất là 3 loại môn bài (sanh ý).

— Đối với mỗi loại môn bài, mỗi nhà nhập cảng ký quỹ 350.000d.

— Nhà nhập cảng phải có kho chứa hàng.

— Ngoại tệ chỉ cấp phát từng tam cá nguyệt một...

Như thế các nhà nhập cảng "ma" bị tiêu diệt, và chỉ còn lại một số nhà nhập càng chân chính: tới ngày hết hạn đóng tiền ký quỹ, chỉ có:

Nhà nhập cảng Việt: 941

Nhà nhập cảng Pháp: 83

Nhà nhập cảng Trung hoa: 255

Nhà nhập cảng ngoại quốc khác: 94

Để giúp các kỹ nghệ gia, một chế độ đặc biệt đã dành cho các nhà nhập cảng hàng để tự mình dùng, chứ không phải để bán lại (Nghị định số 418 BKT/PC NĐ ngày 29-6-

1956 của Bộ Kinh tế).

Có người cho rằng các diều kiện trên chỉ có lợi cho các nhà nhập cảng ngoại quốc, vì họ có nhiều vốn và có tổ chức trước cho nên không gặp sự khó khăn gì với chế độ mới, còn các nhà nhập cảng Việt Nam, mới ra đời, ít vốn, sẽ bị tiêu diệt. Điều lo xa dó, đã không dúng, vì trong số các nhà nhập cảng đủ điều kiện, nhà nhập cảng Việt Nam đã nhiều hơn cả. Bộ Kinh tế lại còn giúp đỡ cho các nhà nhỏ kết hợp với nhau thành từng nhóm. Muốn cạnh tranh với người ngoại quốc, người Việt Nam không thể hoạt động rời rạc, trái lại cần phải cộng tác cùng nhau trong những tổ chức lớn. Trước kia, nhiều người ngoại quốc cho người Việt Nam đứng tên để dễ bề hoạt động. Với chế độ mới, sự mượn tên đó trở nên khó khăn vì nhiều rủi ro và khó che đậy.

Ở các nước độc lập, các ngành hoạt động

về thương mại đều ở trong tay dân nước đó: như thế là thường lệ. Việc cho người ngoại quốc hoạt động là những ngoại lệ. Hoàn cảnh ở Việt Nam trong những năm thuộc địa đã trái ngược lại. Vì thế, dân Việt Nam cần phải giành lại dần dần các hoạt động kinh tế hiện do người ngoại quốc chi phối.

Một bước đầu đã được thực hiện:

Dụ số 53 ngày mồng 6 tháng 9 năm 1956 chỉ định những nghề nghiệp sau đây mà các ngoại kiều hay các Hội xã Công ty ngoại quốc không được hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam:

1.– Buôn bán cá và thịt.

2.– Buôn bán chạp phô.

3.– Buôn bán than, củi.

4.– Buôn bán dầu xăng, dầu lửa và dầu

nhớt (trừ các hãng nhập cảng).

5.– Cầm đồ bình dân.

6.– Buôn bán vải sồ, tơ lụa (dưới 10.000 thước tính chung các thứ) chỉ sợi v.v...

7. – Buôn bán sắt, đồng, thau vụn.

8.– Nhà máy xay lúa.

9. Buôn bán ngũ cốc.

10.– Chở chuyên hàng hóa hay hành khách bằng xe hơi, tàu bay, thuyền.

11.– Trung gian ăn hoa hồng.

Các ngoại kiều đang hoạt động trong những nghề kể trên phải thôi các nghề đó trong thời hạn 6 tháng cho những nghề nghiệp từ số 1 tới số 7, và 1 năm cho những nghề từ số 8 tới số 11.

Ngoại kiều nào vi phạm Dụ này có thể bị phạt từ 50 ngàn đồng đến 5 triệu đồng không kể những biện pháp hành chính như trục xuất.

Người Việt Nam nào thông đồng với ngoại kiều vi phạm Dụ này, sẽ bị phạt từ 6 tháng đến 3 năm tù ở, tiền từ 50.000$ đến 5 triệu bạc, hoặc một trong hai hình phạt.

Như chúng ta đã nhận thấy, Dụ số 53 có một tính cách đặc biệt quan trọng, vì 11 nghề cấm ngoại kiều hoạt động toàn là những nghề liên hệ mật thiết đến đời sống hàng ngày của mỗi người trong chúng ta. Trước kia ngoại nhân thao túng trên thị trường ta, bất cứ lúc nào họ cũng có thể bóp chẹt, bóc lột, mặc cho dân ta nheo nhóc, lầm than, miễn là họ thu được rất nhiều lợi. Đã đến lúc phải chấm dứt tình trạng đó.

Trong số 11 nghề kể trên, có những nghề

quan trọng hơn cả mà chính phủ chỉ dành riêng cho đồng bào ta là: nghề lập nhà máy xay lúa, buôn bán ngũ cốc và nghề trung gian ăn hoa hồng.

Hẳn ai cũng biết rằng người Trung Hoa, từ trước tới nay vẫn nằm giữ ngành thương mại và biến chế lúa gạo ở nước ta. Họ có cả một hệ thống tổ chức rất chu đáo để mua vơ vét lúa ở Lục tỉnh đem về tập trung ở Chợ Lớn. Theo tài liệu của Viện Phát hành các Quốc gia Liên kết, thì trong số 191 nhà máy xay lúa hoạt động năm 1952, Hoa Kiều chỉ điều khiển 44 nhà máy (Việt Nam: 145, Pháp: 2) nhưng chính họ có những nhà máy lớn nhất, với năng suất hơn hẳn những nhà máy của ta. Năm 1939, trên 27 nhà máy gạo mạnh trên 100 mã lực thì 25 đã là của Hoa Kiều. Một khi đã nắm trong tay hầu hết số lúa gạo sản xuất, họ có thể thao túng trên thị trường một cách dễ dàng.

Ngoài ra, theo những số thống kê thì trong rổ tiền lúa gạo bán ra ngoại quốc hàng năm, nông dân Việt Nam chỉ được hưởng có 12% còn 88% kia dùng để trả tiền công, tiền hoa hồng hay lãi cho các ngân hàng, công ty bảo hiểm, các hàng xuất nhập cảng, công ty vận tải... nghĩa là những trung gian ngoại quốc.

Qua bấy nhiêu lớp trung gian, lúa gạo của ta trở nên quá đắt, và phần lời chính không phải vào tay đồng bào ta. Tóm lại, nhà làm ruộng bị bóc lột và người tiêu thụ là nạn nhân của bọn gian thương ngoại kiều. Nhưng chúng ta có thể tin tưởng rằng, với Dụ số 53, sẽ không còn có cảnh ngoại kiều "làm mưa làm gió" nữa. Tuy nhiên, chính phủ Việt Nam Cộng hòa sẵn sàng đón tiếp niềm nở những nhà kinh doanh ngoại quốc hoạt động trong khuôn khổ luật lệ của Việt Nam về phương diện xã hội, kinh tế.

Với dao Dụ số 48 ngày 21-8-1956 sửa đổi Bộ Luật quốc tịch Việt Nam cho phép người Trung Hoa sinh đẻ ở Việt Nam được nhập Việt Tịch. Chính phủ Việt Nam đã mở một con đường để tiếp dón Hoa Kiều vào đại gia đình Việt Nam. Thật thế, Hoa kiều sinh cơ lập nghiệp ở dây đã hàng mấy thế hệ, đã tham dự mật thiết đời sống của quốc gia Việt Nam, dĩ nhiên không thể hợp thành một đoàn thể riêng biệt dược. Tình trạng đó không thể kéo dài nữa.

Dụ này là một đặc ân cho các Hoa kiều chứ không phải là đòi hỏi một sự hy sinh, nhất là nếu người ta nghĩ đến sự hao hụt về thuế khóa cho công quỹ khi mà một số lớn Hoa kiều được đương nhiên nhập quốc tịch Việt Nam khỏi phải đóng thuế cư trú. Vào Việt tịch, họ sẽ được hưởng nhiều quyền lợi: ví dụ không bị cấm thực hành 11 nghề dành cho người Việt Nam, được mua ruộng đất, nhà cửa v.v…

Có người lo ngại rằng Dụ số 48 sẽ giúp cho Hoa kiều cạnh tranh với người Việt Nam trong mọi ngành hoạt động hương mại và kỹ nghệ. Điều lo ngại đó đặt không đúng chỗ, vì khi đã nhập Việt Tịch, Hoa Kiều không thể di chuyển tài sản của họ ra ngoài lãnh thổ Việt Nam. Những hoạt động của họ chỉ là xây dựng cho nền kinh tế Việt Nam ngày phồn thịnh. Tóm lại, Dụ số 48 không làm thiệt hại đến quyền lợi người Việt Nam, không đòi hỏi ở Hoa Kiều một sự hy sinh nào hết, mà chỉ là chuẩn nhận một tình trạng thực tế.

Dụ số 55 ngày 2-10-1956 quy định chế độ vật giá trên toàn cõi Việt Nam cho tất cả hàng hóa, sản phẩm, cùng thực phẩm nhập cảng, tất cả các sản phẩm nội hóa cần thiết cùng các tiện ích (services) nhu yếu.

Các chế độ vật giá được thành lập như sau:

1) Chế độ tính lời có kiểm soát cho phép các thương gia được bán các món sản phẩm thuộc chế độ này, khỏi phải xin giá trước khi bán, nhưng không được bán quá giá chính thức.

2) Chế độ hóa giá trước khi bán bắt buộc các thương gia chỉ dược phép bán sản phẩm đặt dưới chế độ này, sau khi nhận được cáo tư quyết định hóa giá.

3) Chế độ định giá buộc thương gia và người cho thuê các tiện ích áp dụng giá quy định trước cho loại ấy.

Bộ trưởng Kinh tế quốc gia được ủy nhiệm ổn định giá bán ở các cấp bậc danh sách cùng mức lời, và quy định sự tồn trữ và lưu thông chuyển vận của những sản phẩm nhập cảng, nội hóa cần thiết và tiện ích nhu yếu.

Ủy ban vật giá quốc gia gồm một chủ tịch (Bộ trưởng Kinh tế), 12 Ủy viên đại diện các cơ quan chính quyền, thương và kỹ nghệ gia cùng giới tiêu thụ, và một thuyết trình viên.

Tại mỗi đô thành hay tỉnh, sẽ thành lập một Ủy ban vật giá.

Ngoài nhiệm vụ hóa giá sản phẩm và tiện ích nhu yếu ra, Ủy ban vật giá còn có thẩm quyền diễn giải những vi phạm đã nêu ra trong đạo Dụ này.

Thể thức nêu giá được quy định như sau:

Sản phẩm nhập cảng hay nội hóa, không phân biệt xa xỉ phẩm, đều phải nêu giá bán rõ rệt, đúng theo thủ tục thương mại. Phải nêu giá món sản phẩm trên vỏ, thùng đựng hoặc trên tấm bảng dành riêng cho một loại hàng hóa, bảng tiền tệ Việt Nam, từ đơn vị thước, tấc, kilo v.v...

Về gạo, thức uống và thực phẩm cần thiết, củi chụm, than, các chỉ thị trên được lập lại trên một bích báo dán trước của hay trong kho.

Trong các chợ, trên các sạp (étal) sự nêu giá cũng thi hành đúng như chỉ thị trên.

Sẽ liệt vào vi phạm kinh tế và sẽ bị truy tố chiếu theo điều khoản định trong Dụ này:

l. Các vi phạm đạo Dụ này và những luật lệ liên quan áp dụng để thi hành.

2. Các vi phạm những điều nêu ra dưới đây:

Phạm tội bán quá giá khi nào đã bán rồi hay toan bán trên giá chính thức, hay gian lận trong sự đo lường.

Cũng coi như phạm tội bán quá giá, khi

một thương gia, kỹ nghệ và thủ công gia từ chối không chịu bán.

Phạm tội bán kém hàng hóa, khi các thương gia, kỹ nghệ gia và thủ công gia bắt buộc người mua khai mua một số hàng hơn số xin mua, hoặc phải mua kèm thêm một vài phẩm vật khác.

Trong trường hợp vi phạm khi bán không hóa đơn hợp lệ, người bán và người mua đều có tội nếu là thương gia. Giữa thương gia và tư nhân, người bán có tội nếu không lập hóa đơn về hàng hóa đáng giá trên 200$.

Hình phạt — Các vi phạm kinh tế như đã định ở trên sẽ bị:

— Phạt tù từ 2 ngày tới 5 năm.

— Phạt tiền từ 251$ tới 5 triệu hoặc một trong hai thứ hình phạt.

Những can phạm bị phạt tiền không được hưởng án treo. Tội không nêu giá hàng sẽ bị phạt từ 200$ cho tới 10.000$. Số tiền phạt sẽ tăng gấp đổi nếu tái phạm.

Tòa án có quyền tuyên định đóng cửa trong một thời hạn không quá 6 tháng, các nhà buôn chính cùng chi nhánh của can phạm.

Tất cả nhân viên quản đốc hoặc quản trị một xí nghiệp hay công ty phải chịu trách nhiệm về những sự vi phạm của người cộng sự dưới quyền.

Quyền hạn của các kiểm sát viên kinh tế — Trong lúc thi hành nhiệm vụ, họ được phép ra vào tự do, trong giờ hợp pháp, các cửa hiệu để quan sát và điều tra.

Các nhân viên này được quyền yêu cầu xuất trình các văn kiện như hóa đơn, thư từ,

tài liệu ngân hàng, trong khi điều tra, và nếu cần họ được phép sao lục hay trích lục.

Khi xác nhận một vi phạm luật lệ kinh tế, nhân viên kiểm soát có thẩm quyền tịch thu hàng hóa với tính cách bảo toàn.

Tịch thu có 2 thứ: tịch thu hiện thực và tịch thu giả định.

Sau khi nhận định tình trạng và xét đoán lời hay đơn biện hộ của bị cáo, nhà hữu quyền:

— Hoặc giải nội vụ qua Biên lý cuộc nếu xét tội trạng khá nặng hoặc trường hợp tái phạm.

— Hoặc cho đương sự được điều đình ưng thuận tiền với sự định đoạt về số hàng hóa thuộc phạm vi bị tịch thu.

Nay bãi bỏ tất cả các điều khoản quy định về trước trái với Dụ này, ngoại trừ những điều khoản đạo Dụ số 61 ngày 3-10-1955, nghiêm trị tử hình những vụ đầu cơ có thể làm xáo động hoặc tê liệt nền kinh tế nước nhà.

Dụ số 55 trên đây là một biện pháp ban hành kịp thời để bài trừ nạn tích trữ đầu cơ, lành mạnh hóa thị trường, giá sinh hoạt của đại chúng khỏi tăng lên một cách quá đáng. Chính phủ luôn luôn dung hòa quyền lợi của thương gia, kỹ nghệ gia và quyền lợi của người tiêu thụ bằng cách ấn định giá bán các sản phẩm trong nước, như vậy, người bán được hưởng một mức lời phải chăng và người mua khỏi bị bóc lột.

Gần đây thị trường kinh tế nói chung và thị trường hàng vải nói riêng, đã xáo trộn rõ rệt như chưa từng thấy sau khi Bộ Kinh tế ra những chỉ thị bắt buộc các nhà nhập cảng và

các hàng bán vải lẻ phải:

— Làm sổ sách kế toán hàng ngày bằng tiếng Việt hoặc Pháp (theo thông cáo số 3452/BKT/KG ngày 21-8-1956, điều kiện bắt buộc này không phải riêng về thuế thương vụ 4%, nên các thương gia được phép phép đóng khoán về thuế thương vụ cũng phải chịu định lệ chung.

— Nêu rõ giá bán.

— Ghi rành rẽ số hàng tồn trữ.

Với những biện pháp kể trên, người tiêu thụ đi thăm giá vải ở các chợ, tiệm, sạp, hãng, đã nhận thấy khắp nơi đều bán ra một cách vội vã theo giá chính thức. Sự sụt giá đã tới 30% về vải trúc bâu (enlicos) 50% về popeline và 70% về sharskin.

Một điều khác đáng chú ý nữa là phản

ứng của giới thương gia Trung Hoa đối với quyết định đanh thép về kiểm giá, hóa giá của chính quyền. Các đại thương gia Hoa Kiều:

– Ngưng mua hàng hóa;

– Tiêu thụ gấp hàng hóa mua giá chợ đen;

– Trả lại những hàng hóa nào mà các nhà nhập cảng gởi cho họ tiêu thụ giùm;

– Trả lại những hàng hóa nào "không có giá chính thức".

Họ thực hành gấp những điều trên và phao tin là sẽ ngừng hoạt động nếu chính quyền tiếp tục áp dụng chính sách hiện tại về kinh tế.

Trước tin đồn dọa nạt ấy, dư luận báo chí Việt Nam tin tưởng rằng "nếu một thiểu số

phú thương sẽ ngừng kinh doanh chúng ta không vì thể bó tay đành chịu. Tinh thần tự lực, ý chí nhẫn nại của dân tộc đã không phải là điều kiện tiên quyết để chúng ta trường tồn trong quá trình lịch sử đó sao? (Ngôn luận.)

"Nếu các phú thương Hoa Kiều nghỉ việc, người Việt Nam vẫn tiếp tục. Một điều rất dễ hiểu là nước Việt Nam và dân Việt đã có trước khi bọn phú thương đến dây mà." (Thời cuộc).

"Thật là một sáng kiến rất hay để tìm ra số sai biệt giữa giá chính thức và giá chợ đen. Nhưng cần phải tìm thêm những bảo đảm nào để tránh cho giới bán vải lẻ thoát khỏi ảnh hưởng thao túng của các mại bản, và luôn thể đòi lại số tiền sai biệt cho họ. Riêng dân chúng thì họ ước ao chính quyền sẽ thẳng tay trừng trị bọn gian thương." (Dân chủ).

Đồng thời báo chí còn lưu ý chính quyền về một sự trạng mới, là hàng tiểu công nghệ trong xứ đột nhiên đắt hơn hàng nhập cảng nhiều. Thí dụ: xát-xi trơn ngoại hóa bán lẻ 13$,50 một thước, giá vốn sản xuất hàng hội hóa là 14$,50. Lý do: nguyên liệu khan hiếm nên phải mua ở chợ đen với giá cao. Cũng vì mua nguyên liệu đắt mà sau khi sản xuất lại phải đem ra bán với giá rẻ hơn, nêu một vài ngành tiểu công nghệ và kỹ nghệ chịu không nổi, phải ngưng việc. Bằng chứng là ngành làm đường đã đình chỉ. Các xưởng dệt kể từ cuối tháng 10 cũng nghỉ việc.

Ngoài ra, các nhà nhập cảng nhỏ đang gặp khó khăn vì số ngoại lệ không đủ cung cấp cho nhu cầu nghề nghiệp, nên nhiều nhà bị thua lỗ, không còn sức chịu đựng nữa.

Để cứu văn tình thế hiện tại, các ngành thương mại, kỹ nghệ, tiểu công nghệ, xuất nhập cảng... đề nghị:

– Miễn hoặc giảm các loại thuế đối với nguyên liệu, máy móc nhập cảng.

– Miễn các thứ thuế đánh vào hàng nội hóa.

– Định mức lời khá để có thể khuyến khích hàng nội hóa.

– Đánh thuế quan bộ (taxe de péréquation) vào các hàng ngoại hóa nào có thể cạnh tranh với hàng nội hóa.

– Điều hòa việc cấp phát ngoại tệ để khối thiếu thốn nguyên liệu căn bản.

Báo Công Nhân trong số ra ngày 30-10-1956, có đăng bức thư của Ủy ban Liên hiệp Công thương rồi Bộ trưởng Kinh tế Quốc gia. Sau khi phân tách những nguyên nhân của nạn chợ đen, Ủy ban nêu ra những tại hại của việc định các mức lời quá ít:

1) Thương gia chân chính kiếm không đủ lời bắt buộc phải dẹp nghề và sẽ thải hồi những nhân công giúp việc cho họ.

2) Khi thương gia dẹp nghề không nhập cảng những món lời ít, thì hàng ấy sẽ khan hiếm và thị trường sẽ bị xáo trộn nữa.

3) Nếu có lời ít quá, gian thương muốn tồn tại phải tìm mọi cách gian xảo để có đủ lời và chính phủ sẽ mất công tìm kiếm và truy nã.

4) Khi còn lại một số ít thương gia có nhiều vốn, họ sẽ không bị ai cạnh tranh với họ, sẽ điều đình với những nhà sản xuất cung cấp hàng cho họ, để lên giá ngay từ nơi sản xuất và lời ấy, họ để ở ngoại quốc mà dân Việt Nam mua hàng hóa mắc cũng vẫn yên trí là mua giá chính thức như thường.

Vì những lý do kể trên, các thương. gia đề nghị:

1) Ấn định mức lời trên giá CIF.

2) Giữ y những mức lời cũ hay có giảm bớt, thì bớt một số tượng trưng mà thôi.

3) Giản dị hóa các thủ tục hành chính cho giấy phép được cấp dồng đều và màu lẹ

(Còn nữa)

VÀI Ý KIẾN VỀ HỌC SỬ

"Tụng 1.000 pho sử.

Soạn 1.000 cuốn sử,

Không bằng làm một ngày lịch sử."

PHẠM HOÀNG MỸ

LÀ một bộ lạc ở bờ sông Dương Tử, quanh Động đình hồ, Tổ tiên ta phải lần xuống phương Nam vì một lẽ: muốn sống còn.

Chinh phục đất đai, rồi chinh phục lòng người bổn xử, để đồng hóa, gây mầm quốc gia mà sức đè bẹp nặng nề, bền bỉ của hơn

ngàn năm đô hộ của người láng giềng khổng lồ đông hơn, mạnh hơn, quỷ quyệt hơn, văn minh hơn, không chà cho tàn rụi. Rồi nào ngăn ngọn gió cuồng từ phương Bắc ào xuống, nào hất những luồng sóng dữ tự phương Nam tràn lên, để cũng cố tinh thần tự chủ, để cũng vì lẽ muốn sống còn, mở mang bờ cõi về phương Nam, lại lần lần đồng hóa người Chăm, rồi đến một phần người Miên, quả dân tộc Việt ta có một sức sống phi thường.

Và non trăm năm xiềng xích Pháp mới đây, đối với hơn ngàn năm gông cùm Tàu từ thuở xa xưa, có là bao!

Vì sức sống của dân tộc Việt vẫn khôn, vẫn mạnh, vẫn bền, vẫn cao từ bốn ngàn năm.

* * *

Đã tự bốn ngàn năm, sức sống khôn ngoan ấy, đại diện là chim Lạc: đó là con chim khổng lồ thời tiền sử; mùa đông, biết trốn lạnh gắt gao, xuôi phương Nam tìm sáng ấm. "Chờ xuân về mà cùng về với xuân."

Sức sống cao xa ấy, tượng trưng là chim Hồng: đó là loài ngỗng trời to lớn, xinh đẹp, mà sức bay cao và bay xa truyền tụng trong câu thơ: "Cánh Hồng một cất mây nghiêng."

Nòi Việt thờ kính sức sống khôn ngoan, cao xa ấy, nên tự nhận mình là con Lạc cháu Hồng.

Sức sống hăng mạnh ấy, biểu hiệu là con Rồng: đó là con thú dị thường thời hỗn mang, đứng đầu tất cả loài vật, khi nằm im dưới nước sâu, lúc tung bay cùng vũ trụ, hoàn cảnh nào cũng sống được.

Và đã tự bốn ngàn năm, nàng Tiên là hình ảnh của sức sống thanh cao ấy, vì đó là một hình ảnh vô cùng thanh thoát dịu hiền, gợi cho thông thương mở rộng.

Giống Việt thờ kính sức sống hăng mạnh, thanh cao ấy, nên họ nhận mình là dòng dõi Rồng Tiên.

Thế thì, chúng ta là con cháu Lạc Hồng, là dòng giống Rồng Tiên, ấy là chúng ta luôn luôn đeo đuổi lý tưởng của ông cha để lại, bất cứ ở hoàn cảnh nào.

* * *

Nhưng nhìn lại sử nước nhà, ta thấy lòng mình tràn ngập biết bao là cảm xúc.

Nhưng việc đã qua là việc không gì thay đổi được.

Ta khổ với đồng bào đã chịu muôn vàn tủi nhục, lầm than, những hồi bị người nước ngoài đô hộ hay cướp phá.

Ta buồn thời Nam Bắc phân tranh đã làm « người trong một nước » chẳng « thương nhau cùng », làm cho dân điêu linh, nước chia rẽ.

Ta giận những Trần Ích Tắc, những Trần Thiện Bình, những Lê Chiêu Thống, vì chút lợi riêng mà đi rước quân nước ngoài về giày xéo quê hương.

Ta tiếc những bực có tư tưởng mới, nuôi những hoài bão vĩ đại, như Hồ Quý Ly, như Nguyễn Huệ, như Nguyễn Trường Tộ mà thời thế hoặc cái chết khiến nước ta phải chịu thiệt thòi.

Ta hờn lớp sĩ phu đời Nguyễn trói mình trong cái học nô lệ, không chút thiết thực

chẳng thấy chi xa, chỉ biết có một nước Tàu, đến nỗi nước mất nhà tan, dân khổ nhục...

* * *

Nhưng việc đã qua là việc không gì thay đổi được.

Ta có khổ, có buồn, có giận, có tiếc, có hờn… đến đâu thì Lịch sử nước ta từ xưa cho đến ngày nay không vì thế mà thay chiều đổi hướng.

Vì đó là « Sử chết ».

Nay, ta học sử nước nhà để biết cái dở, cái lầm của người xưa mà tránh, cái hay cái đẹp của người xưa mà theo, để thấy rõ công ơn của Tổ tiên đã dựng, đã giữ, đã mở nước, giao lại cho chúng ta những gia tài quý báu, để tìm hiểu những nguyên nhân của các biến cố lớn lao đã định sự thịnh suy của Tổ quốc

đặng ngẫm nghĩ, đặng chọn lựa, đặng hành động, sao cho đúng với câu: « Hậu sanh khả úy » (Kẻ đến sau dáng sợ).

* * *

Học « Sử chết » ta không được quên rằng ta là những người đang làm « Sử sống ».

Ta học sử là để được như thế. Vậy mỗi chúng ta phải luôn luôn cố gắng đem hết lòng, hết sức, hết tài mình hầu nước nhà vì chúng ta mà thêm những trang sử vẻ vang cho không thẹn với Tổ Tiên và con cháu tự hào.

Ta học sử để mà làm sử.

Làm sử sao cho dân tộc được Trường tồn, nòi giống được Vinh quang, và góp phần vào công cuộc đem lại yên vui cho Nhân loại.

THƠ: PHAN LẠC TUYÊN

VIỄN XỨ

Dòng Cửu Long xao xuyến đêm trăng

Vang tiếng « Khèn » êm êm dịu dàng

Mấy mái chùa công lên huyền bí

Hơi sương mờ nhạt ánh vàng son...

Trăng Cửu Long

Hơi thở nhịp nhàng trên ngực Em tròn căng

Lưu luyến mùa Xuân sắp vỡ tan

Những « Phou Sao » đẹp như vũ trụ

Tóc mun gài hoa

Cánh lan trắng ngà

Mắt em Niết bàn đẹp mộng tình duyên

Thuyền mùa Xuân ngả nghiêng sóng u huyền

Đôi tay Em rắn Naga

Hai linh hồn ta nở hoa

Trên dòng Cửu Long mênh mang

Trong tiếng « Khèn » vang nhịp nhàng

Đêm nay rừng núi lên nhịp múa

Huyền ảo như cánh chim

Màu sắc trói trong tiếng đàn

Búp tay rừng rực hoa đêm

Nhạc lên đôi mặt

Tình lên tay Em

Rực rỡ màu hoa rừng núi

Xa như kiếp sống Vị Lai

Ai than thở bên bờ suối đêm nay

Cho cuộc tình duyên dang dở mê say

Đường về « Bản » cũ còn vương mãi

Hương tình duyên môi Em hồng tươi

Tình thương yêu nở hoa rừng núi

Tuổi xanh xanh mãi chuyện đời

Vàng son điện ngọc tàn phai

Gấm hoa cũng nhạt chuyện đời phù du

Em dâng nơi đây tình Em mới nở

Hoa đời — Hương núi — Trăng thề

Mái chùa sương ngọc lê thê

Say cho trọn kiếp tình Tam Thế

Sớm đợi mùa Xuân đã chợt về

Nhịp ca rừng núi

Tiếng Khèn đang say

Trăng tình — Hương sắc — Gió mây

Viễn xứ đêm tròn trăng mộng

Dâng về mắt Em thơ ngây…

Đêm trăng Vạn Tượng

ĐÔNG Y DỊCH LÝ

Bác sĩ Nguyễn văn Ba, hiện Giám đốc Đông Y học viện kiêm Hội trưởng hội Y dược Việt Nam là một Y sĩ Đông Y kiêm Tây Y.

Năm 1952, bác sĩ đại diện cho Chánh phủ Việt Nam dự hội nghị châm cứu quốc tế kỳ thứ sáu họp tại Paris và được bầu làm Phó Chủ tịch tại hội nghị. Sau đó, ông được mời qua Munich (Đức) để diễn thuyết và giảng dạy về khoa châm cứu. Ông đã cùng hội Quốc tế châm cứu Paris thành lập một hội lấy lên « Hội quốc tế nghiên cứu Đông Y (Société internationale d'Étude de la Médecine Orientale) và một hội ở Đức gọi là "Đức Quốc Đông Y nghiên cứu hội".

CÓ lẽ hơn 10.000 năm, dân tộc Á Đông, trong đó có dân Bách Việt,

từ đỉnh núi Tây Tạng một mù cao, lần theo hai con sông to lớn Hoàng Hà và Dương tử Giang, rồi rải rác định cư trên miếng đất mênh mông gọi là Trung Hoa ngày nay. Trong cuộc di dân khổng lồ ấy, trải năm sáu ngàn năm, dân tộc Á Đông ở trong tình cảnh du mục, nghĩa là nay đây mai đó, lấy sự săn bắn, chăn nuôi, trồng tỉa tạm thời mà độ nhật, cảnh màn trời chiếu đất khiến cho dân tộc Á Đông vật lộn và sống với thiên nhiên, cảm và hiểu định luật của thiên nhiên, nhận sự tương quan con người trong vũ trụ đẹp đẽ mà khủng khiếp, phải thuận thiên nhiên thì còn, nghịch thiên nhiên thì mất.

Một chiều hôm ấy, Phục Hi, thủ lĩnh của nhiều bộ lạc đã sớm đến định cư trên cao nguyên Trung tâm Trung Quốc, đẩy cửa gai bước ra khỏi lều. Đỉnh cao nguyên mênh mông, trơ trọi, u tịch, vắng lặng: trông xa những đồi và cỏ nhấp nhô xanh xanh tận mãi chân trời, cộng với màu trời một sắc.

Ánh thái dương vừa lặn, bỗng phừng trở lại những tia êm dịu như thân chào mọi vật cho đến ngày mai.

Thủ lĩnh có một thân hình đồ sộ cứng rắn như một pho tượng đẽo với vài nhát búa đơn giản mà hùng hồn: mũi cao, mắt rộng, sáng sủa và thông tuệ. Ngài bước mạnh dạn, cứng cáp và dẻo dai như một người còn niên thiếu.

Ngài bước lên mô đất cao vòi vọi, tầm mắt nhìn được rõ ràng những bãi đồng xanh ló dạng ở tít mù xa.

Gió đã êm trên ngọn cỏ, mà vừng trăng bỗng đâu ló dạng, vàng, lớn, hiên ngang và tao nhã vô cùng.

Thủ lĩnh ngắm bầu trời, trên ấy đã hiện rõ các ngôi sao. Những cộng tác viên của Ngài cũng đã đến đông đủ, và đêm tuần tự

theo luật thiên nhiên, thả bóng tối khắp cả mọi nơi. Ngài đã ngoại bát tuần, tóc Ngài đã bạc. Lúc thiếu thời. Ngài là tướng dùng cảm, lao động không biết mệt. Ngài che cho dân Ngài khỏi vạn nỗi khó khăn: đói rét, tật bịnh, giặc giã, mê tín. Nay Ngãi họp những bậc lão thành, đã cùng với Ngài biết bao đêm kiểm điểm học thuật dưới ánh sáng mờ của đom đóm, để tổng quát hết tất cả những sự hiểu biết truyền tử lưu tôn mấy nghìn đời.

Ngài nói: "Các Em hãy xem, vũ trụ không phút nào ngừng. Ngày mới hết thì đêm đã nối liền theo. Đêm chưa lên thì ngày bỗng dưng đã thấy. Ngày là căn nguyên của đêm, đêm là nguyên do của ngày không có gì là hoàn tất; mọi vật đang biến chuyển, ràng buộc và liên hệ lẫn nhau. Sự sanh đã mầm sự tử, mà sự tử cũng phát động sự sanh. Mọi sự vật ở thế gian không những di dịch mà thôi, mà còn biến dịch nữa, biến dịch không ngừng không tận.

"Các Em cũng thấy con người là tiểu thiên địa, liên quan mật thiết với vũ trụ càn khôn. Đây là trời, đây là đất, đây là núi, đây là đầm, đây là lửa, đây là nước, đây là sấm sét với ngọn gió cuồng phong. Mọi vật đều ảnh hưởng đến ta, có thể giúp ta sống, mà cũng có thể làm cho ta chết, như nước chở thuyền mà cũng lật thuyền được vậy.

"Hừng trên núi, các em nhận thấy lý do nó khác đồng bằng; bây giờ đang đêm tối các em cũng xác thực rằng chẳng phải là ban ngày. Vậy thì tối sáng, cao thấp, nặng nhẹ, lạnh nóng, cứng mềm, thể chất với tinh thần, cho đến mọi lý lẽ ở đời đều có đối lập với nhau. Những đối lập ấy, chẳng lẽ mỗi lần ta mỗi nói đến tên riêng, ta theo quy định của ngày đêm mà gọi Dương là những gì sáng sủa, phát động, biến hóa... và Âm là những gì đen tối, thu tàn, dưỡng dục... Không có gì là hoàn toàn Âm, không có gì là hoàn toàn Dương. Âm Dương là hai tiếng tiện lợi để

bàn luận khi ta nói đến thiên hình vạn trạng của vật thể, và khi ta muốn nói đến đối lập của sự vật mà thôi. Nhận đối lập của sự vật tức là nhận hai chữ Âm Dương: nhận có Âm Dương tức phải học những luật phối hợp của Âm Dương, mà ta gọi là luật Đối Đãi.

"Các Em hãy đưa cành cây cho ta vẽ vũ trụ bằng một vòng tròn. Ta vẽ Âm Dương biến chuyển ở trong bằng một làn cong và trong Âm có điểm Dương, trong Dương có điểm Âm (hình Thái Cực phân Lưỡng Nghi này, có nhiều nhà khảo cứu nói là từ nhà Tống mới vẽ. Nhưng nhờ sự phát quật (đào đất) gần đây, người ta tin có lẽ từ đời Phục Hi.). Âm-Dương đối đãi trên 8 luật này mà ta gọi là Bát Quái: Can, Khảm, Cấn, Chấn, Tốn, Ly, Khôn, Đoài.

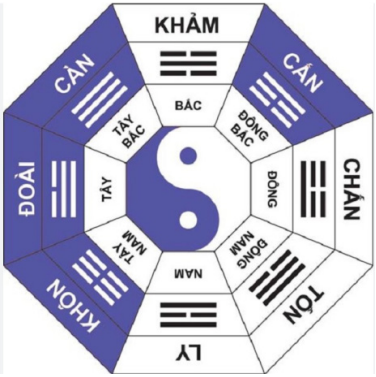

"Không có luật đối đãi thì không sinh hóa muôn loài vạn vật được. Hai sự vật đối đãi với nhau mãi, cho đến một trình độ nào, một mức nào, một thăng bằng nào, bèn thình lình phát sanh ra một sự vật thứ ba ấy tuy là một thể với sự vật trước, nhưng thể ấy đã biến dịch khác rồi, ta gọi là luật Hoán Thể.

"Bốn luật: biến dịch (mọi sự vật đều biến chuyển không ngừng), giao dịch (mọi sự vật đều liên quan mật thiết với nhau), đối đãi (mọi sự vật đều có đối lập của nó), hoán thể (sự vật đột ngột biến thể) mà thi hình được là nhờ mãnh lực phi thường của Lý vận chuyển mọi sự vật là Khí.

Trong vũ trụ, không có Lý thì bốn luật trên không hoạt động được. nói cách khác: Lý hoạt động Khí theo bốn hiện tượng nói trên. Còn con người ta, đã biết cơ quan then chốt của vũ trụ, lấy gì mà cộng tác với thiên nhiên? Con người xen vào bộ máy Càn khôn được là nhờ biết Thời. Thời là lúc đúng phải thi hành để thay đổi phương hướng vận chuyển của sự vật đang đi con đường sai lạc vào một nẻo ngay chính, nhưng cũng phải theo bốn luật biển chuyển ở trên."

Trong một đêm, Phục Hi đặt nền móng cho tất cả khoa học Á Đông nói trong đó có y học. Khoa học Á Đông là khoa học căn cứ trên Dịch Lý. biến dịch chớ không chỉ di dịch, giao dịch chớ không cô lập sự vật, đối đãi chớ không đồng nhất, hoán thể chớ không liên thủ. Vũ trụ dùng Lý để vận chuyển, con người dùng Thời để sửa đổi. Đó là những nguyên tác khoa học Á Đông, lẽ dĩ nhiên mấy nguyên tắc ấy đều được áp dụng hoàn toàn trong bộ Nội Kinh.

Bộ Nội Kinh là một bộ sách rất có giá trị trong Đông y. Có người cho nó không phải do Hoàng Đế vấn nạn Kỳ Bá và chư hiền mà ra, mà do nhiều người khác ở đời sau viết. Nhưng dầu thế nào, những bậc đại thánh như Biển Thước (2.500 năm nay), Hoa Đà, Trọng Cảnh (ước 2.000 năm nay), và đời sau như Tôn Tư Mạo, không tránh tròn vì sự ấy và chẳng những không vượt được phạm vi lý thuyết và kinh nghiệm của Nội kinh, mà được tôn trọng là thần y cũng nhờ nói theo tôn chỉ và nguyên tắc đã vạch rõ trong Nội Kinh. Từ số báo sau, soạn giả sẽ viết lại từng thiên, lột cả ý nghĩa và trình bày một cách rất dễ hiểu cho mọi người. Trong bài này, chỉ xin quý bạn nhận rõ nguyên tắc Dịch Lý của Đông Y trong Nội Kinh là đủ.

NGUYỄN VĂN BA

(một đoạn trong Nội Kinh giảng cho đại chúng)

Ta muốn thay thế bất công này bằng bất công khác, hay ta muốn thiết lập một thế giới không có bất công nữa?

Hồng Y SALIÈGE

Vài nét về:

VĂN CHƯƠNG NƯỚC MỸ

NGƯỜI Việt Nam trong những năm gần đây bắt đầu chú ý đến một quốc gia ở bên kia mặt địa cầu, vì những lý do thuộc phạm vi kinh tế và chính trị.

Qua những va chạm, tìm hiểu đầu tiên nước Mỹ hiện ra với người Việt Nam bình dân, như quê hương của những người được tiếng là « tiêu tiền như rác ». Ở đấy, lẽ dĩ nhiên là một nơi lắm bạc nhiều tiền, ngựa xe như nước, nhà cửa cao ngất trời trong những kinh thành tràn trề ánh sáng.

Nhưng nếu đa số người Việt Nam thường thích người ngoại quốc biết đến một Nguyễn Du của mình, vẫn thường hay quên dò hỏi về tình trạng văn nghệ nước người.

Nhất là những con người giàu có ở quanh ta thường hay « rỗng ruột », nên đôi khi ta cũng nghi ngờ những chủ nhân ông, những ngôi nhà chọc trời không biết « có hay không »?

* * *

Thật ra văn chương Mỹ rất xa lạ với chúng ta, cũng đã đôi lần được xuất hiện xuyên qua phim ảnh, một vài cuốn truyện dịch. Chúng ta đã nói đến chẳng hạn như một phim "Cuốn theo chiều gió", một tác phẩm "Lão Ngư Ông và biển cả" của Hemingway.

Nhưng những vì sao lẻ loi đó không đủ soi đường để ta thấy tận tường đường đi lối

lại của tất cả hành tinh.

Những người đi lớp đầu

Những ngôi sao văn nghệ Mỹ xuất hiện vào giữa thế kỷ thứ XIX, thời kỳ mà người ta gọi là thịnh trị (golden day) của văn hóa Hoa Kỳ.

Từ cái thời kỳ xa xăm đó, một vài tên tuổi như Hawthorne, như Melville, bắt đầu xuất hiện. Đó là những người đi lớp đầu, những ảnh hưởng còn vô cùng mạnh mẽ ngày nay. Moby Dick của Melville chẳng hạn mặc dầu thời quan trôi qua, vẫn giữ nguyên giá trị của một bản anh hùng ca, một áng văn xuối vừa thơ mộng vừa chân thành.

Tên tuổi của những người cùng một lớp với Hawthorne, Melville như Edgar Allan Poe, Walt Whitman, nếu đã phai mờ ít nhiều trong tâm hồn những người trẻ tuổi

Mỹ ngày nay, vẫn còn gây một ảnh hưởng mạnh mẽ ở nước ngoài. Poe qua những bản dịch của Beaudelaire, Mallarmé, đã chinh phục giới văn nghệ Pháp. Thơ của Whitman dã ảnh hưởng đến cả một trường văn nghệ Mỹ: "Trường Chicago" mà trong đó ta có thể kể tên những người xuất sắc như Carl Sandburg.

Và người ta cũng chưa thể quên được những Mark Twain, những Henry James với ngòi bút phân tách tâm lý sâu sắc, kỹ thuật khôn khéo mà những nhà văn hiện đại. thường coi như bực thầy.

* * *

Văn chương hiện đại

Văn chương Mỹ hiện đại dưới mắt người ngoại quốc thường được xuất hiện qua hình ảnh của năm người đại diện "ngũ cường":

Hemingway, Faulkner, Steinbeck, Caldwell và Dos Passos. Nhưng thật ra, ta cần phải nhận định một cách bao quát hơn. Văn chương Mỹ hiện đại có thể quy định được trong 6 khuynh hướng chính.

1) Trở về nguồn: Khuynh hướng thứ nhất muốn đi ngược lại trào lưu xã hội. Trong khi xã hội có những người mải mê xây đắp một nền kỹ nghệ mới mẻ, và những người đả phá cái nền « văn minh máy móc », nhiều văn nghệ sĩ, bởi « nghệ sĩ tính », đã muốn trở lại một thời vang bóng. Họ muốn từ bỏ xã hội để trở về sống với quê hương Âu Châu của tổ tiên xưa. Trong số những nhà văn có khuynh hướng « trở về nguồn », đó, có nhiều người đã thất bại, bị rơi vào quên lãng như lá rụng mùa thu, theo lời một Santanaya, nhưng cũng có những người đã thành công trong sự diễn tả sự bơ vơ giữa hai ngả đường của họ như Wharton, tác giả Ethan Frome (1911), như Ellen Glasgow (1874 1965, J.B Cabelle (sinh

1879), Cather và Nadox Roberts.

2) Tả chân và địa phương. Bên cạnh những nhà văn muốn trở về nguồn mà đa số là đàn bà, có những văn gia Mỹ chú ý đến đời sống xã hội, phong tục của thời đại họ, trên mảnh đất họ đang sống. Như những tác giả « Nằm vạ » ở xứ ta. Trong số những nhà văn này ta có thể kể tên Sinclair Lewis (1885-1931), Sherwood Anderson (1876-1940), Rind Lardener (1885-1933), Damon Runyon (1889-1946).

3) Khuynh hướng ly hương và thẩm mỹ. Trong những năm 1920- 30, văn chương Mỹ xuất hiện hai phái trội nhất, mà nhóm thứ nhất là có thể kể tên những người ly hương. Những người như G. Stein, Hemingway, Fitgerald, Willen, mà cuộc Đại chiến lần thứ nhất đã đưa tới Ba Lê, họ sống tập trung bên tả ngạn sông Seine. Tiểu thuyết The sun olso rives, Tender is the night (1934) và những

chuyện ngắn đầu tiên của Dos Passos tượng trưng cho cuộc sống của những người Ba Lê đó.

4) Khuynh hướng xã hội. Nhưng rồi những người ly hương cũng phải trở về nước vì vấn đề sinh kế. Sự gặp gỡ quê hương đã thúc đẩy họ sáng tác với những đề tài mới lạ. Có những người trở về viết để ca ngợi những người đi lập quốc, ca ngợi một dĩ vãng oai hùng.

Nhưng những cuộc khủng hoảng kinh tế, và những vấn đề xã hội được đặt ra: sự dị chủng, nạn thất nghiệp. Nhà văn bắt đầu đề cập đến cuộc sống của những người thợ cày phương Nam, những xưởng dệt, xưởng thép và đời sống thợ thuyền ở Pittsburgh.

Hemingway dù còn hướng về Âu Châu nhưng tiểu thuyết đã mang nặng tính chất đấu tranh như tả Trận đánh Tây Ban Nha với

« Pour qui sonne le glas ».

Những văn chương có khuynh hướng xã hội thành công nhất, ta phải kể tới Dos Passos với những tác phẩm: U.S.A. (gồm 3 bộ The 42nd Parallel, The Big Money). Và người thứ hai là John Steinbeck (1902), với những tiểu thuyết chính: The Grapes of Wrath (1939) và East of Eden.

Tuy nhiên là cũng không thể quên được Richard Wright với một số văn sĩ da đen mà văn hưởng ngả về mặt xã hội một cách rõ rệt.

5) Tiểu thuyết miền Nam: Mặc đầu đời sống xã hội kỹ nghệ lôi cuốn con người như một cơn gió lốc, xã hội Mỹ với những cánh đồng bát ngát, những thác nước, những sa mạc mênh mông còn đủ chỗ để cho những tâm hồn khao khát những chất « vô biên » thoải mái.

Miền Nam nước Mỹ sau trận đại chiến Bắc Nam bị nghèo đi, nhưng còn giữ lại những câu chuyện kỳ thú, đầy thơ và nặng màu sắc bát ngát của thần thoại, bát ngát như đất đai Texas. Cho nên trong khi người phương Bắc mãi mê với công ăn việc làm « áp phe », miền Nam trở về với dĩ vãng và những kỷ niệm của người lính chiến bại, nặng nề những màu sắc đau đớn vì định mệnh, bên cạnh những lạc quan, tin tưởng của những người phương Bắc, một Faulkner, Caldwell, Wolfe đã rung động, khơi nguồn sáng tạo từ mảnh đất tan nát ở phương Nam. Tác phẩm của những nhà văn miền Nam kể trên mang nặng ý nghĩa bi thảm của cuộc sống.

6) Khuynh hướng « cao bồi »: Chú trọng đến khuynh hướng xã hội và nhóm những nhà văn kỳ thú ở phương Nam, la cũng không thể bỏ qua được một số tác phẩm của những nhà văn như Mc Coy, James M. Cain, Joan O'hara, mà chúng tôi tạm gọi là khuynh

hướng cao bồi. Tác phẩm của họ chịu ảnh hưởng một phần lớn lối tả nhân vật và đối thoại hơi thô bạo, cứng rắn của Hemingway. Đời sống của những « dân anh chị » kiểu « Bảy Hựu » nhưng hung dữ hơn nhiều trong sự chém giết, được diễn tả trong những tiểu thuyết như: "Quan tài không có túi" của Mac Coy, "Le facteur sonne toujours deux fois" mà chúng ta đã được thưởng lãm trên màn ảnh.

TỔNG KẾT: Tiểu thuyết Mỹ xuyên qua 6 khuynh hướng kể trên đã để lại một cái vốn khá quan trọng cho văn hóa Mỹ. Những nhà văn trẻ tuổi từ cuối trận Đại chiến lần thứ 2 trở về đây, người thì chịu ảnh hưởng những nhà văn Âu Châu như Kafka, Dostowiesky, nhưng ảnh hưởng của những nhà văn lão thành như James, Melville, Hemingway, Fitzgerald, Dos Passos, Steinbeck, trong giới văn nghệ Mỹ cũng như trong xã hội Mỹ, hẳn không phải là nhỏ.

Nhưng dù những nhà văn đã có khuynh hướng "miền Nam" như Faulkner, xã hội như Dos Passos, Steinbeck, hay tài hoa như Hemingway, Fitzgerald, trong tác phẩm của họ vẫn có một chút gì đặc biệt, nghĩa là khác xa những nhà văn Âu Châu, chẳng hạn như nguồn tin tưởng ở thiên nhiên, từ sự chung đụng với khoảng không gian, ruộng đồng mênh mông của nước Mỹ. Chẳng hạn như sự tin tưởng ở con người, ở sức chiến đấu của con người, bởi vì con người đi khai thác đã chiến đấu, đã tự lực đào tạo lấy một đời sống, một ngôi nhà, một mảnh vườn, môi chút an ninh.

Sự tin tưởng đó đôi khi lạc quan đến nhẹ dạ, cũng là sự tin tưởng của dân tộc Mỹ có một dĩ vãng xây dựng, chiến thắng, nhưng đôi khi cũng nhuốm màu sắc bi quan đến ngại ngùng. Vừa tin, vừa ngờ cũng phản ảnh được trạng thái tâm hồn phức tạp, lo âu của

con người bị vất từ thiên nhiên vào những bánh xe của máy móc.

VĂN QUỲ

"Dân muốn thì quân nghe, quân làm thì dân giúp. Tình đồng bào và quân đội quả là tình cá nước. Quân Dân nhất trí là nền tảng của Chính Nghĩa."

Tổng Thống NGÔ ĐÌNH DIỆM

CHÚ KHỔNG LỒ ÍCH KỶ

Xin tặng những ai chẳng phải Khổng lồ
nhưng giống chú Khổng lồ trong truyện.

NGƯỜI THUẬT

KHÔNG có đứa con nít nào ở vùng ấy mà lại chẳng biết cái vườn của chú Khổng lồ.

Cái vườn ở gần đường cái đó mới rộng lớn và xinh xắn làm sao? Cỏ xanh êm dịu tiếp nhau chạy khắp vườn, tha hồ mà rượt bắt, mà trốn tìm, hay khi mệt quá, nằm dài vừa thở dốc, vừa ngắm bướm nhẹ nhàng bay. Lại một dòng suối nhỏ quanh co, nước

trong có thể soi mặt. Vườn con lấm tấm biết bao là bông nho nhỏ, đẹp tựa sao sa; đó đây vài cụm cây xanh tốt, đến xuân thì đỏ chói mấy nầm bông màu rực rỡ, và sang thu thì để lòng thòng vô số trái ngon lành...

Còn chim, nói gì đến chim, chúng như hò hẹn nhau ở vườn tươi mát ấy; không cây nào mà không có chúng, và chẳng lúc nào mà vắng. giọng líu lo. Chúng hót hay đến nỗi bọn trẻ phải dừng chân để lóng tai nghe.

– Ở đây, sướng quá, tụi bay ơi!, một đứa không cầm lòng được vừa nhảy vừa la lớn.

Một đứa khác, thường nghe bà kể chuyện đời xưa, nối lời:

– Chúng mày ạ, đây, đây là một động tiên.

* * *

Động tiên ấy, ngày kia khóa chặt cửa lại. Đó là ngày chú Khổng lồ về, sau một cuộc du lịch dài đến bảy năm. Vừa thấy đám trẻ con trong vườn là chủ hét lớn:

– Tụi ranh con, chúng bay làm gì ở đây, hử? và chú trợn mắt, và chú nhe răng. Bầy trẻ nhỏ hoảng sợ, cắm đầu chạy mất.

Chú Khổng lồ nhà ta lẩm bẩm: "Vườn của ta tức thì là vườn của ta ; thiên hạ phải biết điều đó chứ. Mà ta, ta chẳng để một ai chơi rỡn trong vườn của ta, trừ ta ra ».

Liền ngày sau, bọn con nít tiu nghỉu trước tường cao và buồn rầu đọc mấy hàng chữ đậm đen sau này, khắc sâu vào trong tấm bảng to tướng sừng sững đứng cạnh tường:

Đất đai, vườn tược riêng.

Cấm ngặt vào

Trái lịnh bị phạt nặng.

Kể từ đó, lũ trẻ mất chỗ chơi, mà cũng hết chỗ chơi: chúng đã thử đùa rỡn trên đường cái, nhưng bụi bậm khó thở quá đi thôi và bàn chân non của chúng đã ê chề vì đá sạn. Thành ra sau khi học bài, làm bài xong, chúng thơ thẩn quanh bốn bức tường cao, nhắc nhớ cái vườn xinh đẹp bị nhốt ở trong, và không khỏi tiếc than:

– Bọn mình hồi đó mới vui sướng làm sao!

Mùa xuân đến, đâu đâu, nội cỏ cũng nhởn nhơ hoa muôn sắc, và vườn cây nào cũng rộn rã tiếng chim ca. Chỉ trong vườn chú Khổng lồ ích kỷ là mùa đông còn ở nán lại chẳng biết đến bao giờ…

Chim không buồn hót, hót làm chi khi không có trẻ con; còn cây đều quên việc trở bỏng di mất. Cỏ một ngày kia, một bông đẹp ló đầu lên khỏi cổ, song ngó bốn bên chỉ thấy

băng là băng, lại buồn cho đám trẻ, bèn thụt xuống đất và ngủ lại.

Cả vườn hiện rõ vẻ ủ dột và bất bình.

Chỉ có hai gã là bằng lòng và hí hơn: ấy là tuyết và giá. Chúng reo: « A! nàng Xuân đã chẳng nhớ đến cái vườn này thì chúng mình sẽ ở trọn năm chơi. Khoái quá! Thế rồi tuyết lẹ làng đem áo choàng trắng mướt phủ vườn có xác xơ và giá, lần hồi sơn bạch các thân cây nứt nẻ. Chúng lại mời gió bấc đến cho có bạn. Không đợi mời đến hai lần, gió bấc hấp tấp quàng áo lông và chạy tung tăng khắp vườn, gào thét suốt ngày.

« Chà! Ở đây sướng quá. Phải rũ mưa đá đến chơi cho đủ bọn ». Ấy thế, ngày nào cũng như ngày nấy, trong ba giờ đồng hồ, mưa đá không ngừng rớt lộp độp trên mái lầu nghiêm.

– Không biết vì sao năm nay Xuân lại đến trễ.

Chú Khổng lồ tự hỏi thế. Một buổi sáng chú ngồi gần cửa sổ, đưa mắt nhìn cảnh vườn trắng toát và lặng ngắt ước sao thời tiết sẽ thay đổi nay mai.

Tội nghiệp cho chú. Chẳng những Xuân không thèm trở lại vườn chú, mà Hạ cũng không muốn để chân vào. Còn Thu làm quà cho các cây bao quả vàng tươi, song lúc đến gần vườn chú, Thu lại nghĩ: « Nó ích kỷ, chỉ biết có mình nó thôi », rồi Thu đi thẳng. Bởi thế Đông cứ ở mãi trong vườn chú và Gió bấc, Mưa đá và Tuyết giá mặc tình mà mưa nhảy trên cây, mà hoành hành khoảng đất bị giam giữa bốn bức tường cao.

* * *

Một sáng nọ, chú Khổng lồ còn đang mơ màng trên giường, bỗng một điệu đàn dìu dặt ngân nga, một điệu đàn hay đến nỗi chú tưởng rằng phường nhạc nhà vua đã đi đâu qua đây. Thật ra đó là tiếng hót của một con chim quyên đậu ở phía ngoài, trên cửa sổ. Bởi lâu chú không nghe một con chim nào hót cả, thành ra chú cho đó là một điệu đàn du dương nhứt trên trần gian. Ở, Mưa đá ngừng rồi. Gió Bấc thôi gào thét và một mùi thơm êm dịu lên tận mũi phập phòng của chú.

« A, mùa Xuân đã đến rồi. » Chú vừa reo mừng vừa tung chân nhảy xuống giường và lẹ làng xô cửa sổ, ngó xuống. Chú dụi đi dụi lại đôi mắt, vì chú thấy...

Chú thấy gì? Chú thấy một quang cảnh kỳ diệu chưa từng thấy.

Số là tường có hở một lỗ: đám con nít

theo lỗ ấy lần lượt chui vào vườn, và chèo lên cây ngồi. Trên mỗi cây mà chú có thể thấy, đều có một đứa nhỏ tươi cười.

Cây thấy con nít, vui mừng quá, trổ cả bông hoa và nhè nhẹ lắc lư những cành xanh lá trên đám tóc tơ. Chim đảo liệng tứ tung và ríu rít, và líu lo một cách vô cùng khoái trá. Mấy cây bông rủ nhau đứng dậy, ngó qua cỏ xanh, sung sướng đồng cười. Còn có cảnh nào ngộ nghĩnh và vui vẻ hơn?

Nhưng mà sao trong một góc vườn, góc xa nhất và chỉ trong một góc đó thôi, mùa Đông còn nấn ná? Lại có một đứa nhỏ, nhỏ quá, tay với chẳng tới cành, mặc dầu nó có nhón gót; đứa nhỏ đi quanh cây, khóc mướt. Tội nghiệp cho cây, gốc đầy tuyết, mình đầy băng, và Gió bấc cứ ù ù trên đầu, thế mà cũng rán hạ cành xuống cho thật thấp, song nhỏ lại thấp quá, hai tay cố giơ cao cũng chẳng đụng được cành.

Thấy thế, chú Khổng lồ cảm động đến thâm tâm: « Bậy quá, mình chỉ biết có mình. Giờ biết tại sao mùa Xuân chậm đến vườn minh. Ta phải xuống, rồi bồng em nhỏ để lên cây cho cả vườn ta đâu cũng có vẻ Xuân. Rồi ta phá rạp bốn bức tường, bửa bảng to làm củi chụm, và vườn là sẽ là vườn chơi của bọn trẻ nhỏ ».

Êm êm chủ xuống thang lần; nhè nhẹ chú mở nhè nhẹ chú mở cửa và chú rón rén đi ra vườn. Tất cả bọn trẻ vừa thấy b1ong ông chủ vườn đã hoảng hốt tuột xuống cây, chen nhau chui ra ngoài hết, thành ra mùa Đông lại trở về. Chỉ còn dứa nhỏ trong góc vườn xa, mi mắt đầy lệ và mắt ngước nhìn cành cây vẫy, nên không thấy chú Khổng lồ ra. Tới sau lưng nhỏ, chú bồng nhỏ đặt lên một cành. Tức thì Tuyết Giá biến tan; Bông giành nhau nở và chim đua nhau hót. Nhỏ sung sướng quá, ôm chồm lấy cổ chú Khổng lồ và hôn mặt hôn đầu chú.

Bọn con nít lén dòm qua lỗ tường thấy chú Khổng lồ này tử tế, vội vã chui vào đem theo với chúng cả một mùa Xuân tươi thắm.

– Từ nay, vườn quả là vườn của các em, các em muốn làm gì, tùy ý.

Sau khi nói mấy câu trên để đám nhỏ an lòng, chú xách búa to, phá bốn bức tường kiên cố cũ.

* * *

Chiều, lũ nhỏ lại tạm biệt ông chủ vườn yêu quý, vì từ nay chú Khổng lồ được chúng coi như một người bạn thân. Chú để ý không thấy đứa nhỏ nhất, đứa nhỏ mà chú bồng lên cây hồi sớm. Chú hỏi. Bọn nhỏ trả lời chẳng biết thằng bé ấy ở đâu và lần này là lần đầu chúng thấy nó. Một chút ít buồn lén

vào lòng chú, bởi sao chú cũng thương đứa bé kia hơn, đứa bé mà hai tay xinh xắn ôm cổ chú, cũng nước mắt ràn rụa làm ướt mặt chú lúc nó hôn đã khiến chú sung sướng đến gần muốn ngất người.

Luôn mấy bữa sau, cũng chẳng thấy đứa nọ lại chơi. Chú Khổng lồ không khỏi lộ chút buồn rầu, và chú hay nhắc nhở nó với bầy trẻ.

Năm nay, năm khác qua. Chú Khổng lồ chúng ta đã già yếu, không thể chạy đùa giỡn với đám bạn tí hon như xưa nữa, chú ngồi dựa ghế phô-tơi để trước sân, vui vẻ nhìn theo trò chơi của chúng, lâu lâu lại giải hòa đôi vụ thưa kiện cỏn con. Ngắm bao hoa đua sắc trong vườn, chú nghĩ thầm: « Vườn ta đầy bông hoa tươi thắm mà đám nhỏ quý yêu này lại là những bông hoa tươi thảm nhất ». Chú

chợt nhớ đến đứa bé đã hôn chú một sáng nào (đó là bông hoa ngào ngạt nhất, chú tự bảo) mà đến nay không hề trở lại, khiến nỗi vui của chú chưa được hoàn toàn.

Một buổi, chú đứng tựa cửa, ngó ra ngoài vườn đang im lặng dưới tuyết còn lấm tấm rơi. Nhưng nay chú hết oán ghét mùa Đông, vì chú cho Đông tức là mùa Xuân còn ngủ, và cũng phải cho chim, cho hoa nghỉ một ít lâu. Bỗng chủ kinh dị, chẳng tin mắt mình. Quái chưa cái góc vườn, cái góc vườn xa nhất..., một cảnh thần tiên Cây phô, cành vàng, cành vàng nâng bông bạc và hồng hạc bao vây trái ngọc. Và, trời! Lại đứa nhỏ năm nào dứng dưới gốc cây kia.

Mừng quá, chú nhảy xuống thang lầu, xô cửa phòng mình đến góc vườn huyền ảo,

Lần này đứa bé nghe chủ đến, quay lại. Và chú Khổng lồ đứng sững ngơ ngác bỏ xuôi hai tay mở rộng để toan ẵm đứa bé lên lòng, vì chú nhận thấy một vùng hào quang bao bọc đầu dứa bé và trên môi nở từ bao giờ một nụ cười, một nụ cười như không bao giờ dứt, một nụ cười không thể lộn lầm. Và chú Khổng lồ nghe, nghe như trong một giấc mơ êm: « Một sáng năm nọ, người cho phép ta chơi trong vườn người suốt một ngày, nay ta đến mới nhà ngươi lên vườn ta, và ở đấy chơi mãi mãi… »

* * *

Khi đám nhỏ của chú Khổng lồ đến, thì chẳng thấy chú ra đón như mọi bữa. Kêu hoài chẳng nhận một tiếng trả lời, chúng vội chạy

lên lầu ruồng kiếm, mà nào có thấy bóng chủ nhân. Chúng lại lục lọi cả vườn. Sau rốt chúng gặp người bạn lớn thân yêu nằm trơ dưới gốc cây ở tận góc vườn; mà bông đang lả tả rơi để đắp cho người an giấc một nấm mồ trắng tinh và thơm dìu dịu...

Thuật theo Oscar Wilde

YÃ HẠC VÀ TRINH NGUYÊN

(Những chuyện của ngày xưa)

BỐN PHƯƠNG

** SAI MỘT LY ĐI MỘT DẬM. Cuộc bút chiến nẩy lửa vừa được nhóm ngòi giữa hai nhà văn hóa trứ danh quốc tế, François Mauriac, văn sĩ Pháp, tác giả trên dưới ba chục cuốn tiểu thuyết cốt cách, nhân viên Hàn lâm viện Pháp, đoạt giải thưởng văn chương Nobel, vừa lên tiếng đã kích Gabriel Marcel. Người bị đả kích không phải là một kẻ vô danh: tác giả một số tác phẩm triết học trứ danh (Journal Métaphysique), G. Marcel còn được mệnh danh là cột trụ của nhóm người khởi thảo một nền triết lý duy sinh Công giáo.

Lý do đã thúc đẩy người văn sĩ già, biên tập viên thường trực của tuần báo Express

lên tiếng, đến từ một bài báo của nhà Triết học. Bài báo nhan đề: « Khi trí tuệ lầm lạc thêu dệt sự bội phản ». Nội dung bài báo đề cập tới vấn đề giam giữ giáo sư Mandouze mà Mauriac là một bạn thân.

Hai sự kiện đã xảy đến để dập tắt ngòi một cuộc bút chiến mà người ta đã tưởng là sôi nổi của thế kỷ. Nhà giáo Mandouze đã được tha. Đầu đề bài văn của G. Marcel đã bị người ta sửa chữa mà không hỏi ý kiến. Ông không có ý định kết án ai bội phản. Hai sự kiện đã làm cho Mauriac dịu dàng hơn. Và cuộc bút chiến mất lý do khai diễn.

* * *

** LỬA BUDAPEST. Những nhà văn hóa: Jean Marie Domenach, Albert Béguin, Pierre Emmanuel, Claude Nicollet, vừa góp sức trong những tập san Esprit và Cahiers de la République, để quy định thái độ trước

những biến chuyển của thời cuộc. Vốn là những người khát vọng tiến hóa, có thiện chí xây dựng, họ thường phủ nhận giá trị của những trạng thái tồn cổ.

Cuộc đổ máu ở Budapest đã giúp những nhà văn hóa đó nhận rõ hơn đường tiến hóa của mình. Domenach đã viết: « Chủ nghĩa Cộng Sản đã thất bại về mọi phương diện: chính trị, kinh tế, xã hội...

* * *

** MỰC LÀ TIỀN: Bản thống kê của một tờ báo Âu Tây cho ta biết: một văn sĩ 25 tuổi có thể kiếm được 40.000 quan (4.000$); từ 30 đến 35 tuổi: 130.000 quan (13.000$); từ 40 tới 45 tuổi: 300.000 quan (30.000$). Đó là tỷ số trung bình. Bởi vì nữ thi sĩ trẻ tuổi Minou Drouet, nữ văn sĩ Françoise Sagan đã thu lượm được bạc triệu trong nghề viết.

Bách Khoa số đầu có nhiều khuyết điểm về cách trình bày cũng như về ấn loát. Mong các bạn độc giả thứ lỗi và góp ý kiến để Bách Khoa trong những số tới được hoàn hảo hơn.

BÁCH KHOA

NĂM CÔNG TRÌNH – NĂM MÀU SẮC

1.– BỘ LỊCH SỬ VIỆT NAM

do PHẠM HOÀNG MỸ và một nhóm giáo sư biên soạn, cho học sinh ban Trung học và các bạn tự học, viết theo phương pháp mới nhất, mà tiêu ngữ sau đây nêu cao: « Tụng 1.000 pho sử. Soạn 1.000 quyển sử. Không bằng làm một ngày lịch sủ. »

Quyển I (lớp Đệ thất giá 35$), quyển II (lớp Đệ lục sẽ phát hành) quyển III (lớp Đệ ngũ và quyển IV (lớp Đệ tứ đương in). Soạn với mục đích: « Thành và Kính dâng những NGƯỜI đã chết và đang chết, đã khổ và đang khổ để nước Việt được TRƯỜNG TỒN, nòi Việt được VINH QUANG. »

Mỗi quyển đều có một bài hát lịch sử làm phụ bản.

2. THỔ NGƠI ĐỒNG NAI

(ca dao địa phương Nam Việt)

do BÌNH NGUYÊN LỘC sưu tầm và chú thích. Tinh hoa dân tộc phát tiết sau 300 năm định cư ở miền Nam.

— Những hạt châu địa phương xâu vào cho đầy thêm vòng chuỗi dân ca toàn quốc.

3. — TÌM HIỂU VẤN ĐỀ LUÂN LÝ

của HÀO NGUYÊN, NGUYỄN HÓA

— Một vấn đề cực kỳ thiết thân với mọi người và thường bị nhãng quên.

— Một vấn đề triết học trình bày một cách dễ hiểu và hấp dẫn.

— Một quyển sách mà mọi người, nhất là học sinh ban Triết học nên đọc.

4. — HỘI HỌA PHỔ THÔNG

của họa sĩ TỪ QUYÊN, giáo sư môn Hội họa các trường Tân Thịnh, Tân Thành, Phan Quốc Quân, Chu Mạnh Trinh.

Một cuốn sách mà học sinh cũng như các phụ huynh, các giáo sư cần phải có để thấy: vẽ rất dễ, vẽ rất cần, rất thú, rất ích lợi.

Phần lý thuyết gọn và đủ, phần thực hành rất nhiều, rất linh động, soạn đúng theo chương trình bộ Giáo dục.

Phương pháp tân tiến và giản dị

Quyển II: ban Trung học.

Quyển I: ban Tiểu học.

5.— "CHIÊU HỒN"

"Tiếc thay duyên Tấn phận Tần" của
NGUYỄN DU

do BÌNH NGUYÊN LỘC VÀ NGUIỄN NGU Í chú giải, tóm tắt, lược bình, kèm thêm Phụ lục phong phú.

— Một công trình nghiên cứu mà sáng tạo, bác lối làm việc cùng các ý kiến của: Phan Văn Hùm, Trần Thanh Mai. Hoàng Xuân Hãn và đưa một đề nghị mà bộ Giáo dục chẳng thể bỏ qua.

Nhà xuất bản TÂN VIỆT

235, Phan Thanh Giản

(Legrand de la Liraye cũ) Saigon.

TOUT CONFORT MODERNE GARAGE DANS L'HOTEL

HOTEL CATINAT

S. A. R. L. Aux Capitaux Entièrement Vietnamiens

RESTAURANT & SALON DE THÉ

69, Rue Tu-Do (Ex. Rue Catinat)

Adresse Télégraphique : CATOTEL — Téléphone N° 21.920

Directeur général : M. PHONG-THÀNH
Directeur Commercial : M. NGUYỄN-VĂN-ĐÀNG

HOTEL MODERNE ET TRANQUILLE EN PLEIN CENTRE DE LA VILLE
CHAMBRES VASTES ET BIEN AÉRÉES
TÉLÉPHONES DANS TOUTES LES CHAMBRES
TERRASSES FLEURIES

ANCIENS ETABLISSEMENTS EIFFEL

ENTREPRISES GÉNÉRALES
CONSTRUCTIONS MÉTALLIQUES-CHAUDRONNERIE

SIEGE SOCIAL :
28, Rue Dumont d'Urville—PARIS (16e)
Tél. KLEber 20-95

★

AGENCES à :

SAIGON — Đường Pasteur, N° 111, Sud Việt-Nam
PHNOM-PENH — Boulevard de France, N° 23, Cambodge
TANANARIVE — 24, Rue Frédéric Estebe

THUẬN TIẾN CÔNG TY

Xuất Cảng — Nhập Cảng — Bảo Hiểm

26-28 Đại lộ Hàm Nghi — SAIGON

Điện Thoại: 23 575

❋

Đại lý:

Giấy ảnh, phim ảnh AGFA

❋

Bột sữa OVALTINE, OVALMIX

❋

Tơ hóa học S. L. T.

❋

Hàng nỉ DORMEUIL L^{td}

❋

Vải đen, vải trắng SINCOTEX

HÃNG LA-VE B.G.I

Hãng sự nếu Kinh-tế Việt-Nam từ năm 1875

LA-VE LARUE
LA-VE "33" EXPORT

BRASSERIES & GLACIÈRES
DE L'INDOCHINE

Mobylette

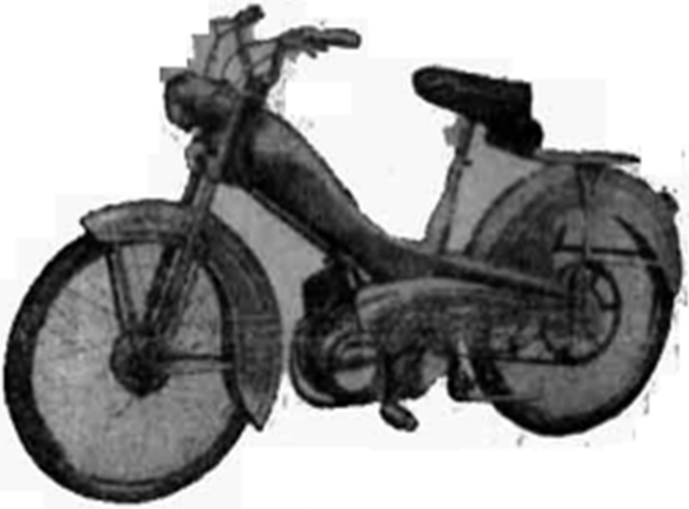

« MOBYMATIC » AV78

HỘP SỐ VÀ « AN-BA-DA » TỰ-ĐỘNG

MOTOBÉCANE

ĐẠI-LÝ L' U. C. I. A.

193 Đại-Lộ NGUYỄN-HUỆ SAIGON

ĐIỆN-THOẠI 20.166 — 20.167 — 20.168

MÁY MAY

SINGER

danh tiếng khắp thế-giới
trên một thế-kỷ nay.

★

Mua máy may SINGER cũng như là để dành tiền, vì máy cũ vẫn còn giá.

★

SINGER là đồ dùng
cần-yếu của mọi gia-đình.

★

TỔNG PHÁT-HÀNH

L'UCIA 135 ĐẠI-LỘ NGUYỄN-HUỆ

Đ.T. 20.166 *SAIGON*

NHI - KHOA THÁNH - DƯỢC

HÀ-TẾ-CÔNG CAM-TÍCH-TÁN

Bào-chế tại Hương-Cảng

Có tinh trùng	uống	rồi	khứ tích trừ trùng
Không muốn ăn	—	—	có vệ khẩu, ăn ngon
Mặt vàng	—	—	trở thành mặt hồng
Yếu đuối	—	—	trở thành khang cường
Tối ngủ kêu la	—	—	ngủ ngon, ninh thần
Dốt ngu	—	—	thông minh vui vẻ
Đau nhiều	—	—	khứ bịnh mau mập
Không có đau	—	—	cân cơ nhẫn cỗ

Có bán tại các dược hàng

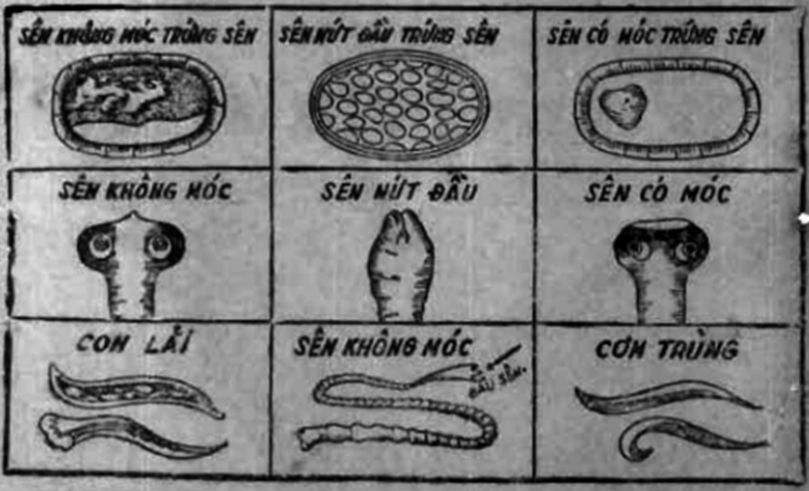

MUỐN CẦN DƯỢC PHẨM THIỆT

mời tới **HỘI-TRUNG-HÀNG**

Hãng chánh : ở số 54 đường Triệu-Quang-Phục — Cholon
Chi nhánh : ở số 258 Đại-lộ Đồng-Khánh —
ĐIỆN-THOẠI : 517

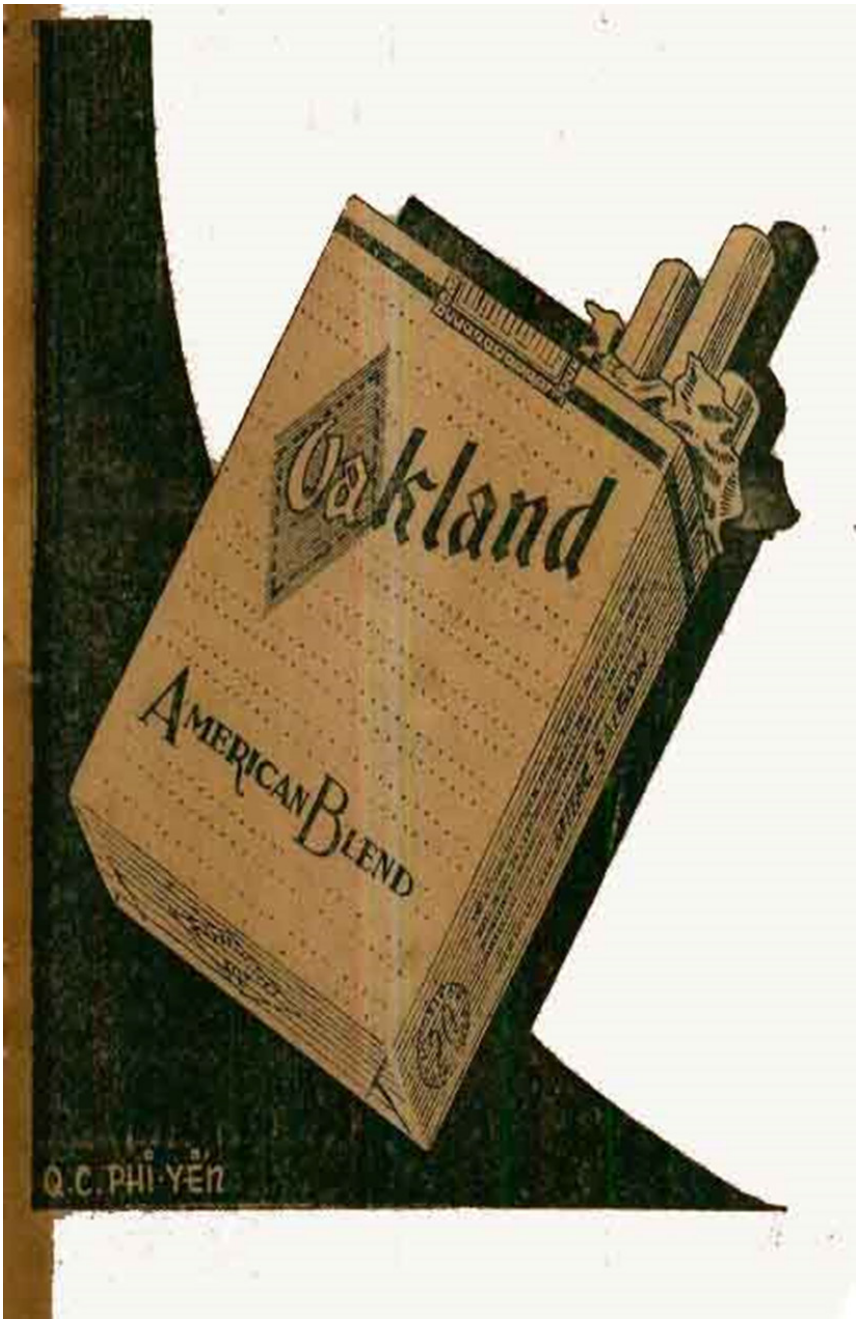
Oakland
AMERICAN BLEND
Q.C. PHI-YẾN

PHÒNG TIẾP-LIÊU VĂN-HÓA

Nhận mua :

★ **SÁCH NGOẠI-QUỐC.**

★ **DỤNG-CỤ CHUYÊN-MÔN.**

213ᴰ, đường Tự-Do—SAIGON

Đ. T. 23.166

Những thứ trở nên cần-thiết như cơm ăn, áo mặc...

XE XÍT-CÚT-TƠ
XE BA BÁNH
XE GẮN MÁY
: **Lambretta**

MÁY CHỮ
MÁY TOÁN
: **olivetti**

MÁY MAY : **NECCHI**

QUẠT ĐIỆN : *Marelli*

VINACO

Văn-phòng Giám-Đốc : 35, *PHỔ-KIẾT Saigon*

Cửa Hàng : 152, *Đại-lộ TRẦN-HƯNG-ĐẠO, Saigon*

Xưởng chữa xe : *Góc đường PHẠM-HỒNG-THÁI và LÊ-LAI, Saigon*

Nhà máy ráp xe : *Nhà máy ráp xe* LAMBRETTA *Tân-sơn-Hòa*

TẠP-CHÍ BÁCH-KHOA

XUẤT-BẢN MỖI THÁNG HAI KỲ

DIỄN-ĐÀN CHUNG CỦA TẤT CẢ
NHỮNG NGƯỜI THA-THIẾT ĐẾN CÁC VẤN-ĐỀ
CHÍNH-TRỊ, KINH-TẾ, VĂN-HÓA,
XÃ-HỘI.

Chủ-nhiệm : HUỲNH-VĂN-LANG
hợp-tác cùng các bạn :

LÊ-ĐÌNH-CHÂN
TĂNG-VĂN-CHỈ
ĐỖ-TRỌNG-CHU
LÊ-THÀNH-CƯỜNG
TRẦN-LƯU-DY
LÊ-PHÁT-ĐẠT
NGUYỄN-VĂN-ĐẠT
NGUYỄN-LÊ-GIANG
PHẠM-NGỌC-THUẦN-GIAO
NGUYỄN-HỮU-HẠNH
LÊ-VĂN-HOÀNG
NGUYỄN-VĂN-KHẢI
PHẠM-DUY-LÂN
NGUYỄN-QUANG-LỆ
BÙI-BÁ-LƯ
DƯƠNG-CHÍ-SANH
NGUYỄN-HUY-THANH
BÙI-KIẾN-THÀNH
HOÀNG-KHẮC-THÀNH
PHẠM-NGỌC-THẢO
BÙI-VĂN-THỊNH
NGUYỄN-TẤN-THỊNH
VŨ-NGỌC-TIẾN
VÕ-THU-TỊNH
NGUYỄN-TẤN-TRUNG
PHẠM-KIM-TƯƠNG
HOÀNG-MINH-TUYNH
BÙI-CÔNG-VĂN

nhà in AN-NINH, (MAURICE cũ)
An-Ninh -:- SAIGON

Giá : 8$